

THÔNG LUẬN

NGUYỆT SAN THÔNG TIN NGHI LUẬN

Publiée par Association Vietnam Fraternité, 7 allée Bouleau Carreau, 77600 Bussy-Saint Georges, France

Inscrite à la Commission Paritaire des Publications et Agences de Presse sous le N° 0708 G 88353

Adresse Web : <http://www.thongluan.org> - Directeur de la publication: Nguyễn Văn Huy

Revue mensuelle Thông Luận, imprimée en France par la SARL Point Concept - 51 avenue Paul-Vaillant Couturier - 94400 Vitry sur Seine.
Prix du numéro : 3,5 EUR - Abonnement un an (11 numéros) : 35 EUR

Thư
chủ nhiệm



ISSN 1145-9557 - Số 221 - Năm thứ 21, tháng 01-2008



1988 - 2008

Số báo này là dịp để Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên và toàn ban biên tập Thông Luận chúc độc giả và thân hữu một năm 2008 an khang, hạnh phúc.

Cùng với nó, Thông Luận bước vào năm thứ 21 của một trao đổi đặc sắc giữa những người cùng chia sẻ một cách nhìn đất nước.

Thành quả đã rất lớn. Từ chỗ bị cô lập và đánh phá từ mọi phía, kể cả bị bạo hành, "lập trường Thông Luận" - dân chủ đa nguyên, hòa giải và hòa hợp dân tộc, bất bạo động - đã trở thành đồng thuận của đối lập dân chủ Việt Nam. Tờ báo này cũng đã góp phần quyết định trong việc trang bị cho đối lập dân chủ Việt Nam những lý luận cơ bản nhất. Nó cũng đã là nhịp cầu hợp tác giữa những người dân chủ trong và ngoài nước, xuất phát từ miền Nam hay miền Bắc, từ hàng ngũ quốc gia hay cộng sản. Tất cả đều là những khai thông chiến lược trọng đại, đem lại cho cuộc vận động dân chủ chính nghĩa và những vũ khí để thắng. Thành quả này, những người đã kế tiếp nhau thực hiện tờ báo trong 20 năm qua, những người đã đóng góp bài vở và ý kiến, cũng như các độc giả đã đọc và nuôi dưỡng nó đều có lý do chính đáng để tự hào.

THÔNG LUẬN tròn 20 tuổi

Bước vào năm thứ 21, tờ báo này gặp thử thách lớn. Sự tồn tại của nó bị đe dọa. Số độc giả giảm dần, nhiều thân hữu đã quá già và không còn đọc được nữa, nhiều người đã vĩnh viễn ra đi, giới trẻ hải ngoại không đọc được tiếng Việt. Cũng như mọi báo giấy, Thông Luận gặp sự cạnh tranh rất mạnh của các báo điện tử, vừa nhanh chóng hơn, vừa ít gò bó. Tờ báo đang lỗ nặng và trong Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên đang có những câu hỏi như có nên tiếp tục chi phí gần 10.000 USD mỗi năm cho tờ báo giấy, hay nên sử dụng số tiền này để hỗ trợ anh em dân chủ trong nước ?.

Sự tồn tại hay không của tờ báo này không chỉ tùy thuộc ban lãnh đạo Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên. Nó cũng tùy thuộc ở ý chí duy trì nó của độc giả và thân hữu, ở những việc làm giản dị như gửi một chi phiếu ủng hộ hay giới thiệu một độc giả mua báo dài hạn mới.

Báo giấy Thông Luận rất cần được duy trì. Nó là tờ báo chính trị duy nhất còn lại. Nó là sự hiện diện trong không gian thực của tư tưởng chính trị Việt Nam, ngoài không gian ảo của hệ thống Internet. Nó đã có chỗ đứng trong lịch sử và vẫn tiếp tục góp phần tích cực thay đổi lịch sử. Nó là tờ báo của quý vị và các bạn, và xứng đáng tiếp tục hiện diện trong phòng khách của các gia đình Việt Nam.

Thay mặt
Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên và ban biên tập
Nguyễn Văn Huy
Chủ nhiệm

Người Thái yêu chuộng Thaksin ?

Nguyễn Huy Đức

Theo lịch trình của Ủy ban bầu cử Thái công bố tháng 11-2007, cuộc bầu cử quốc hội đã được tổ chức ngày 23-12-2007. Kết quả cuộc bầu cử này không khác với những tiên đoán của giới am tường chính trường Thái : đảng Dân Quyền đã thắng lớn với 226 ghế trên tổng số 480 ghế tại Hạ Nghị Viện (47,7%). Mặc dầu được sự ủng hộ của giới quân nhân, đảng Dân Chủ Thái chỉ được 165 ghế (34,8%).

Với khoảng cách khá xa giữa số ghế của hai đảng, đảng Dân Chủ Thái khó có thể xúc tiến những cuộc thương thuyết với các chính đảng khác để thành lập một liên minh cầm quyền.

Chính phủ dân sự liên minh

Không cần nói nhiều, đợt bầu cử lần này là một gáo nước lạnh vừa được tạt vào mặt giới quân nhân. Tướng cũng cần nhắc lại là, vào tháng 9-2006, quân đội Thái đã tổ chức đảo chính lật đổ thủ tướng Thaksin. Sau cuộc binh biến, họ đã tả xung hữu đột triệt tiêu ảnh hưởng của ông Thaksin và của đảng Thai Rak Thai (Người Thái Yêu Nước Thái). Hơn thế nữa, chính quyền quân phiệt Thái đã dàn dựng một phiên tòa để tuyên án giải tán đảng Thai Rak Thai và tước quyền tranh cử của một số nhân vật lãnh đạo của đảng.

Trước sự chèn ép này, các cựu dân cử (nghị sĩ và dân biểu) thuộc đảng Thai Rak Thai đã từ bỏ tổ chức cũ để tập hợp lại trong một kết hợp mới mang tên đảng Dân Quyền. Với một chủ trương gần giống với đường lối của cựu thủ tướng Thaksin, đảng Dân Quyền đã tiến hành chiến dịch tranh cử một cách hữu hiệu. Họ đã nhận được hậu thuẫn gần như của đại đa số dân chúng Thái sinh sống tại những "vùng sâu, vùng xa", nơi sinh trú cựu thủ tướng Thaksin. Thành quả mà đảng Dân Quyền đã gặt hái được trong cuộc bầu cử này chứng tỏ rằng uy tín của cựu thủ tướng Thaksin vẫn còn rất mạnh.

Thất bại dành cho giới quân nhân càng chua cay khi các nhà bình luận chính trị quả quyết rằng nguyên do thất bại của đảng Dân Chủ Thái, một chính đảng lâu đời nhất tại Thái, là vì dư luận đã cho rằng đảng này có liên hệ mật thiết với lực lượng quân phiệt đang cầm quyền. Chính vì vậy đảng Dân Chủ Thái đã mất đi hình ảnh chính đáng lẽ phải có của nó. Ông Abhisit Vejjajiva, chủ tịch đảng Dân Chủ Thái, đã chữa thẹn khi nhận định rằng một số không nhỏ cử tri đã bầu cho đảng Dân Quyền để chứng tỏ sự bất tín nhiệm của họ đối với giới quân nhân bất tài.

Ngay sau khi kết quả bầu cử được công bố, giới lãnh đạo đảng Dân Quyền đã xúc tiến những cuộc đàm phán với đại diện các đảng nhỏ như Chart Thai (Tổ Quốc Thái), Matchima Thipataya (Dân Chủ Trung Lập), Ruam Jai Thai (Phát Triển và Thống Nhất) và Pracharaj (Hoàng Gia). Vào những ngày cuối năm 2007, người cầm đầu đảng Dân Quyền, ông Surapong Suebwonglee, cho biết đã đạt được

đồng thuận với các đảng khác để thành lập chính phủ với hơn 50% số ghế tại quốc hội. Hai đảng Chart Thai với 37 ghế (7,8%) và Puea Pandin (Vị Nước Thái) với 25 ghế (5,2%) đã chính thức xác nhận đứng trong chính phủ liên minh do đảng Dân Quyền cầm đầu.

Liên minh giữa ba đảng trên đã quy tụ được 288 ghế, có nghĩa là một tỷ lệ khá cao (61%) để đứng ra cầm quyền.

Chưa ổn định ?

Ấn số duy nhất của cuộc đầu phiếu quốc hội lần này là thái độ của các tướng tá Thái trước trào lưu dân chủ mới.

Theo một tin đồn được phổ biến rộng rãi trong nước, giới quân đội đang tạo áp lực để ép các đảng nhỏ rút lui khỏi liên minh cầm quyền mới này. Để phản ứng lại, đại diện 5 chính đảng có ghế trong quốc hội tuyên bố đồng ý tham gia vào liên minh do đảng Dân Quyền lãnh đạo. Như vậy, đảng Dân Chủ Thái đang bị cô lập và sẽ là đảng đối lập duy nhất trong Hạ Nghị Viện nhiệm kỳ tới.

Trước sự đảo ngược tình thế này, có nhiều triển vọng giới quân nhân sẽ không dám làm gì để lật ngược thế cờ, nghĩa là đảo chánh. Có nhiều lý do giải thích.

Lý do thứ nhất là kết quả của cuộc đầu phiếu đã quá rõ ràng : dân chúng không dành cảm tình cho giới quân nhân. Nhiều nhà bình luận chính trị tên tuổi đã không ngần ngại tuyên bố rằng dân chúng Thái muốn chấm dứt 15 tháng cầm quyền của giới quân nhân và muốn phục hồi ngay tức khắc dân chủ. Thêm vào đó, báo chí trong nước cũng đã không ngừng kêu gọi các phe phái tôn trọng lá phiếu của người dân.

Lý do thứ hai, và quan trọng hơn hết, nếu có một cuộc đảo chánh mới chưa chắc quốc vương Bhumibol Adulyadej sẽ ủng hộ sự trở lại cầm quyền của giới quân nhân vì trong thực tế họ đã để lộ sự bất tài khi quản lý đất nước. Thật vậy, trong 15 tháng dưới sự lãnh đạo của giới quân nhân tỷ lệ tăng trưởng của Thái Lan chỉ ở mức 4.3%, nghĩa là tỷ lệ thấp nhất trong vùng, chỉ trên Népal, một quốc gia còn rất lạc hậu. Theo các chuyên viên kinh tế, nguyên do đã làm nền kinh tế Thái khựng lại là chính sách kiểm soát nguồn vốn xuất-nhập khẩu nên không ai muốn kinh doanh lớn, do đó mất đi một nguồn thu nhập lớn và từ đó không đủ ngân sách để đầu tư xây dựng hạ tầng cơ sở và nhất là hình ảnh nước Thái bị xấu đi trước dư luận thế giới có thể ảnh hưởng tới dịch vụ du lịch, một nguồn thu nhập lớn của quốc gia và dân chúng Thái.

Trong những lý do này, Tư lệnh Quân lực Hoàng gia và Chủ tịch Hội đồng An ninh Quốc gia đều cam kết rằng quân đội tôn trọng phán quyết của thùng phiếu và sẽ không làm gì để cản trở tiến trình phục hồi dân chủ. Áp lực tối đa mà giới quân nhân có thể làm là yêu cầu Ủy ban bầu cử loại một số nhân vật vừa đắc cử thuộc đảng Dân Quyền vì gian lận bầu cử. Cho đến nay, Ủy ban bầu cử đã công nhận 397

dân biểu vừa đắc cử và đang kiểm chứng 83 trường hợp khác (đa số là người của đảng Dân Quyền). Ngoài ra, Tối cao Pháp viện Thái còn đang xét duyệt trường hợp của 3 ứng cử viên đảng Dân Quyền bị tình nghi là cựu đảng viên đảng Thai Rak Thai, một đảng bị tước quyền tranh cử trong vòng 5 năm, do đó họ không có quyền ra ứng cử trong đợt bầu cử lần này.

Dù sao đi nữa tương quan lực lượng cũng khó thay đổi và xác suất đảng Dân Chủ Thái, tức phe quân nhân, đứng ra lập một liên minh cầm quyền rất thấp. Theo dự đoán xấu nhất thì liên minh cầm quyền do đảng Dân Quyền lãnh đạo sẽ không mạnh như hiện nay nếu một số đồng đắc cử viên không được nhìn nhận.

Nền tảng cho tương lai

Trừ một thay đổi bất ngờ, một chính quyền dân sự trong liên minh cầm quyền do đảng Dân Quyền lãnh đạo sẽ ra mắt công chúng trong những ngày đầu năm 2008. Hy vọng với sự ra mắt này, vương quốc Thái sẽ vĩnh viễn khép lại trang sử cai trị bởi giới quân phiệt. Có nhiều yếu tố để lạc quan và tin tưởng vào tương lai.

Thứ nhất, cuộc tổng tuyển cử lần này đã diễn ra trong một bầu không khí an bình nhất từ trước đến nay, cho cử tri và cho cả các ứng cử viên. Hơn 200.000 cảnh sát và binh lính đã được huy động để giữ gìn an ninh trật tự tại những nơi đầu phiếu. Không có cuộc xô xát đẫm máu nào được ghi nhận. Ngay tại miền Nam Thái Lan, nơi chính quyền trung ương lo ngại có nhiều bất trắc nhất vì khuynh hướng ly khai của nhóm Hồi giáo cực đoan, mọi việc cũng đã diễn ra trong bầu không khí tốt đẹp.

Đĩ nhiên, tệ nạn gian lận và mua phiếu vẫn chưa bị xóa bỏ hẳn. Nhưng đã có những định chế luật pháp như Ủy ban bầu cử, tòa án... để kiểm soát và chế tài những ai vi phạm luật bầu cử. Thật ra gian lận bầu cử là một vấn đề văn hóa. Điều trị căn bệnh này đòi hỏi thời gian và nếp sống dân chủ mà người dân Thái đã có dịp và sẽ còn tiếp tục có thêm cơ hội để hấp thụ.

Ngoài ra còn một hiện tượng tích cực khác cũng đáng được ghi nhận là mặc dầu có tới 7 đảng phái ra tranh cử, các cuộc vận động đã diễn ra trong một không khí ổn định. Chính đảng có đa số phiếu đã không bị ngăn cản khi liên lạc với các chính đảng khác để thành lập một liên minh cầm quyền mà không sợ bị lật đổ. Nói tóm lại, đa đảng không gây bất ổn như một số người thường lầm tưởng. Tùy cách qui định thể thức bầu cử mà các cuộc tranh cử hay đầu phiếu diễn ra trong bạo loạn hay trong ổn định. Tại Thái Lan, thể thức này dựa trên nguyên tắc đa danh và một vòng, nghĩa là số ghế đắc cử được phân chia theo tỷ lệ số phiếu trong một khu vực tuyển cử mà mỗi chính đảng đã gặt hái được. Số ghế đắc cử thường dành cho các chính đảng gặt hái được nhiều phiếu thuận nhất. Cách bầu cử này có lợi cho các chính đảng lớn như đảng Dân Quyền và Dân Chủ Thái.

Hơn nữa, nguyên tắc đa danh của thể thức đầu phiếu này thường tạo một môi trường thuận lợi để các đảng phái có thể tập hợp lại thành một liên danh. Công thức này

khuyến khích một tổ chức chính trị có tầm vóc tranh thủ được sự hợp tác của những đảng phái nhỏ hơn (hoặc một số nhân vật độc lập) đứng chung trong một liên danh. Một cách gián tiếp, nó cũng tạo điều kiện cho những người thấp cổ bé miệng có được tiếng nói tại quốc hội.

Cuối cùng, nhờ vào thể thức bầu cử này, chế độ chính trị lưỡng cực được củng cố mặc dù có rất nhiều đảng phái ra tranh cử. Tại Thái Lan, nguyên tắc này bảo đảm ổn định xã hội trong sinh hoạt dân chủ đa nguyên, đa đảng. Ở đây cũng cần mở ngoặc để ghi nhận rằng kết quả của cuộc bầu cử này đã chứng minh rằng Hiến pháp mà chính quyền quân đội Thái đã đem ra trưng cầu dân ý (tháng 8-2007) đã trở thành vô nghĩa vì một trong những mục đích chính của bản Hiến Pháp này là tạo điều kiện để các chính đảng nhỏ có trọng lượng mạnh hơn trên chính trường Thái.

Hòa giải dân tộc

Tuy nhiên kết quả cuộc bầu cử cũng phơi bày tệ nạn chia rẽ dân tộc vẫn còn sâu rộng trên vương quốc Thái.

Về mặt địa lý, phần đông dân chúng thị thành khá giả bầu cho đảng Dân Chủ Thái. Ngược lại, đảng Dân Quyền được sự hưởng ứng nồng nhiệt của người dân sinh sống trong những vùng thôn quê hẻo lánh. Do đó nhu cầu hòa giải trở nên cấp bách. Đây cũng là thử thách lớn nhất của chính quyền mới tại Thái Lan trong những ngày sắp đến.

Để hòa giải với dân chúng Thái, phe liên minh cầm quyền phải chứng tỏ rằng họ không phải là những người chỉ biết tuân lệnh cựu thủ tướng lưu vong. Ngược lại, họ phải đưa ông Thaksin về nước để trả lời những hành vi phạm pháp mà ông đã dính líu vào. Không nên có những hành động khiêu khích hay "trả đũa" giới quân nhân cầm quyền cũ (như tu chỉnh lại Hiến Pháp vừa được ban hành, xóa lệnh giải tán đảng Thai Rak Thai...) để tránh gây thêm hiềm khích trong lòng người dân thành thị vốn đã không mặn mà với chính sách my dân của cựu thủ tướng Thaksin và thân tín.

Về phía đối lập, tức đảng Dân Chủ Thái, việc làm đầu tiên là công khai chấp nhận thua cuộc. Ngoài ra, đảng Dân Chủ Thái nên cắt đứt mọi liên hệ chính trị với quân đội. Tại Thái Lan, quân đội thường bị liên kết với một dĩ vãng đàn áp và giam cầm những người đối lập, hơn là chống ngoại xâm. Ngoài ra, đảng Dân Chủ Thái cũng cần nhận diện và tiếp cận với xã hội dân sự đang khát khao tự do và muốn bắt kịp đà tiến bộ chung của thế giới.

Hòa giải dân tộc không phải là vấn đề không có giải pháp. Hơn nữa chính giới Thái có được một lợi thế không nhỏ là có một quốc vương đủ uy tín để làm trung gian hóa giải tranh chấp giữa các phe phái khi cần thiết.

Qua cuộc bầu cử quốc hội vừa qua, dân chúng Thái đã chứng tỏ rằng họ là một dân tộc yêu chuộng dân chủ đa nguyên thể hiện bằng phương pháp bất bạo động.

Nếu đạt được mục tiêu hòa giải và đoàn kết dân tộc thì đất nước Thái Lan sẽ cất cánh cao bay, dân tộc Thái sẽ là tấm gương cho các quốc gia láng giềng, trong đó có Việt Nam và Miến Điện, noi theo.

Nguyễn Huy Đức (Paris)

Sự hiện diện của Trung Quốc trên lục địa châu Phi

Vào giữa lúc các thế lực phương Tây đang tìm cách rút lui khỏi lục địa châu Phi, Trung Quốc đã không ngần ngại nhảy vào thay thế. Khác với phương Tây, Trung Quốc không dùng vũ lực đánh chiếm các lãnh thổ trên lục địa châu Phi làm thuộc địa, nhưng mục đích sau cùng không mấy khác biệt: khai thác tài nguyên thiên nhiên. Tuy đến với châu Phi trong một bộ mặt hiền hòa nhưng Trung Quốc đã sử dụng một loại vũ khí không kém phần lợi hại để thực hiện mục đích trên, đó là sức mạnh kinh tế.

Từ năm 2004 trở lại đây, các nhà lãnh đạo Trung Quốc và châu Phi đã không ngừng qua lại thăm viếng nhau. Hiện nay Trung Quốc là bạn thân thiết của hơn 40 quốc gia châu Phi. Tốc độ và khối lượng trao đổi đã không ngừng tăng lên với thời gian và nhanh chóng đến độ dị thường. Chỉ trong vòng 10 năm, từ 1997 đến nay khối lượng trao đổi thương mại giữa Trung Quốc và châu Phi đã tăng lên gấp 6 lần: lượng xuất khẩu từ Trung Quốc qua châu Phi tăng lên 10 lần, lượng nhập khẩu từ châu Phi vào Trung Quốc tăng gấp 20 lần, trong đó 70% là dầu thô. Một cách cụ thể, tổng lượng trao đổi từ 12,3 tỷ USD năm 2000 đã tăng lên 20 tỷ USD năm 2004, 37 tỷ USD năm 2005 và dự trù đạt tới 100 tỷ USD năm 2010.

Chính sách về châu Phi của Đảng Cộng Sản Trung Quốc đã có từ lâu, trong những năm 1950 khi ủng hộ các cuộc đấu tranh chống thực dân tại châu Phi. Năm 1953, Chu Ân Lai công bố chính sách châu Phi của Trung Quốc dựa trên năm nguyên tắc: tôn trọng hồ tương chủ quyền và vẹn toàn lãnh thổ, không xâm lấn lẫn nhau, không can thiệp vào nội bộ của nhau, bình đẳng và đôi bên cùng có lợi, cùng tồn tại trong hòa bình. Tuy vậy trong những thập niên 1960 và 1970, chính sách châu Phi của Trung Quốc mang nặng màu sắc chính trị vì lúc đó Bắc Kinh muốn lãnh đạo Khối phi liên kết mà đa số là các quốc gia châu Phi, để đối trọng với thế giới phương Tây, đặc biệt là với Mỹ và Liên Xô. Nhưng từ thập niên 1980 trở lại đây, chính sách châu Phi thời Chu Ân Lai được áp dụng trở lại nhưng đặt ưu tiên vào kinh tế. Do tăng trưởng mạnh về kinh tế, Trung Quốc rất thiếu tài nguyên khoáng sản và nhiên liệu mà châu Phi là một trong những nguồn cung cấp quan trọng. Trong thập niên 1990, nhiều hội nghị thượng đỉnh quan trọng giữa Trung Quốc và châu Phi đã được tổ chức để tăng cường quan hệ mới này.

Chính sách châu Phi hiện nay của Trung Quốc

Hiện nay chính sách châu Phi của Trung Quốc đặt trọng tâm vào hai yếu tố:

1. Chiến lược "thảo xuất khứ" (ra nước ngoài lập cơ sở) nhằm khuyến khích các xí nghiệp Trung Quốc tiến ra nước ngoài, với nhiều ưu đãi. Chiến lược này có mục đích giải tỏa nguồn hàng sản xuất dư thừa và sự cạnh tranh đến độ

phi nhân giữa các xí nghiệp cùng ngành trong nước. Phần lớn các xí nghiệp Trung Quốc đến từ các tỉnh Triết Giang, Phúc Kiến, Quảng Đông; các bảng hiệu "Trung tâm thương nghiệp" viết bằng chữ Hán xuất hiện khắp nơi, cạnh tranh với các bảng hiệu viết bằng tiếng Anh hay tiếng Pháp. Cùng với phong trào thảo xuất khứ, sự xâm nhập của các công ty Trung Quốc và người lao động trong ngành xây dựng ngày càng hiện diện đông đảo tại các quốc gia Hồi giáo châu Phi, đặc biệt tại Qatar, Algeria.

Ngoài ra chiến lược này còn khuyến khích người Trung Quốc tình nguyện ra nước ngoài làm việc, một mặt để chứng tỏ sức năng động của nhân công Trung Quốc, mặt khác cũng để giải tỏa nạn nhân mãn đã xuất hiện trong những trung tâm đô thị lớn, đang bắt đầu nghẹt thở. Từ khi chiến lược này được áp dụng, số người Trung Quốc đến châu Phi lập nghiệp tăng lên đột ngột. Trong thập niên 1990, số người Trung Quốc hiện diện tại châu Phi khoảng 50.000 người, qua năm 2001 lên gần 300.000 người và hiện nay lên đến 500.000 người. Người Trung Quốc hiện diện đông nhất ở Nam Phi, khoảng 200.000 người, tiếp đến là Nigeria (60.000 người), Zambia (30.000 người), Mauritania (30.000 người), Zimbabwe (10.000 người), Sudan (10.000). Trong thực tế số người Trung Quốc chính thức đi ra nước ngoài lập nghiệp hay làm việc phải trên một triệu người, được phân bố tại khắp nơi trên thế giới, đặc biệt là tại các quốc gia hải đảo Thái Bình Dương.

Chiến lược truy tìm tài nguyên bằng mọi giá

Trước đây tăng trưởng cao trong hai thập niên qua, nền kinh tế Trung Quốc rất cần nguyên vật liệu mới mà Trung Quốc rất thiếu, nếu không muốn nói là đang cạn kiệt, để tiếp tục duy trì tốc độ phát triển cao này. Vấn đề của chính quyền Bắc Kinh hiện nay là làm sao được các quốc gia có nhiều tài nguyên chấp nhận như một đối tác kinh tế chính yếu có thể tin cậy được. Vì với sự hiện diện muộn màng trên lục địa châu Phi, Trung Quốc không phải là đối thủ kinh tế của những quốc gia phương Tây đã xuất hiện từ lâu trên lục địa này. Các công ty đa quốc gia hay các công ty quốc doanh phương Tây, đặc biệt là Anh, Pháp, Đức và Hoa Kỳ, đã chiếm lĩnh hầu hết những thị trường béo bở hay làm chủ gần như toàn bộ những nguồn tài nguyên khoáng sản và nhân lực tại châu Phi.

Trong bối cảnh đó, Bắc Kinh áp dụng chính sách vùng tiền để tranh thủ sự ủng hộ của các quốc gia có nhiều tài nguyên khoáng sản. Đối với các quốc gia bị tẩy chay bởi thế giới phương Tây, như Nigeria, Libya, Sudan, Guinea, Zimbabwe, qua trung gian các công ty quốc doanh, Bắc Kinh áp dụng chính sách đầu tư trực tiếp (FDI-Foreign Direct Investment), trong đó 60% liên quan tới lãnh vực khai thác dầu thô. Hiện nay 1/4 lượng dầu thô của Trung Quốc nhập từ châu Phi.

Cùng trong mục đích truy tìm tài nguyên, Trung Quốc sẵn sàng bỏ tiền để tân trang lại những trang thiết bị khai thác những nguồn tài nguyên bị thế giới phương Tây chệch bỏ. Trong bối cảnh đó, các công ty quốc doanh Trung Quốc đã trúng thầu khai thác các mỏ đồng, cobalt từ Zambia, Congo dân chủ (Zaire), nickel ở Rufine. Đối với các quốc gia giàu có hơn như Nam Phi, Congo dân chủ và Tanzania, các công ty quốc doanh Trung Quốc tung tiền mua kim cương, bạch kim, đồng. Đối với các quốc gia sản xuất bông vải và có nhiều gỗ quý như Burkina Faso, Benin, Gabon, Congo dân chủ, Cameroun, Guinea, các công ty quốc doanh Trung Quốc muốn độc quyền mua bông vải và gỗ. Với Zimbabwe, vốn bị cô lập trên thế giới vì chính sách chiếm đoạt ruộng đất của các nông gia gốc da trắng, Trung Quốc gia tăng nhập khẩu thuốc lá. Nói tóm lại, các công ty quốc doanh Trung Quốc đang hiện diện trên 40 quốc gia châu Phi để mua hoặc bán hàng hóa.

Cùng với việc khai thác tài nguyên, qua trung gian các công ty quốc doanh, Bắc Kinh đang triển khai hợp tác lâu dài bằng cách viện trợ cho vay nhẹ lãi (ODA) để xây dựng những ống dẫn dầu từ sâu trong lục địa ra các hải cảng để tàu bè Trung Quốc cập bến mua dầu. Trung Quốc đã viện trợ ODA cho Angola hơn 2 tỷ USD để xây dựng lại hệ thống hạ tầng cơ sở, ở Nigeria để xây dựng lại hệ thống đường sắt, ở Algeria để xây dựng đường cao tốc. Công ty thông tin quốc doanh "Trung Hưng Thông Tấn" (ZTE) đã đầu tư sang 12 nước ở châu Phi để triển khai các kênh truyền thanh FM. Năm 2006, công ty này đã khánh thành đài phát thanh quốc tế tại Kenya truyền thanh bằng ba thứ tiếng Anh, Swahiri và Quan Thoại. Năm 2007, Nigeria đã thuê Trung Quốc bắn lên không gian một vệ tinh thông tin tại tỉnh Tứ Xuyên.

Vượt lên trên các quan hệ kinh tế và thương mại

Ngoài các quan hệ kinh tế và thương mại, chiến lược về châu Phi của Trung Quốc còn nhắm đến những mục tiêu phi kinh tế để tồn tại lâu dài tại châu Phi. Kế hoạch này được hoạch định tại hai hội nghị tổ chức vào năm 1999. Hội nghị đầu tiên là hội nghị của Bộ công an liên quan đến các hoạt động tình báo tại châu Phi, trong đó 17 vụ của bộ này đã trao đổi thông tin về kinh tế tài chính và đã soạn thảo văn kiện về chính sách kinh tế với các quốc gia châu Phi. Hội nghị thứ hai là hội nghị «quan hệ Trung-Phi trong chiến lược khai thác của thế kỷ 21» do bộ ngoại giao phối hợp cùng các bộ kinh tế, thương mại cùng với các chuyên gia Trung Quốc của châu Phi.

Sau hai hội nghị nói trên, trong năm 2000 Bắc Kinh đã tổ chức cuộc hội nghị thượng đỉnh giữa 45 nguyên thủ và bộ trưởng châu Phi để sáng lập diễn đàn FOCAC (Diễn đàn hợp tác Trung-Phi) ba năm họp một lần. Tháng 11-2006, diễn đàn này được nâng cấp thành hội nghị thượng đỉnh Bắc Kinh. Các lãnh tụ Trung Quốc như chủ tịch Hồ Cẩm Đào, thủ tướng Ôn Gia Bảo và các lãnh tụ châu Phi liên tục thăm viếng và tăng cường thêm các quan hệ phi mậu dịch. Nói chung mục đích của Bắc Kinh là hợp tác để khai thác tài nguyên.

Trong cuộc họp thượng đỉnh Trung-Phi tháng 1-2006, Bắc Kinh đã công bố chính thức lần đầu tiên «chính sách đối với châu Phi của Trung Quốc», đó là : bình đẳng hỗ tương, lợi ích hỗ tương, chi viện hỗ tương, học tập hỗ tương. Trong thực tế chính sách này chỉ là sự rút ngắn 5 nguyên tắc đã có từ thời Chu Ân Lai năm 1953, nhưng lần này yếu tố kinh tế và thương mại được triệt để đề cao : cho vay ưu đãi và xuất khẩu ưu đãi đối với các quốc gia châu Phi. Bù lại Trung Quốc sẽ chung sức khai thác tài nguyên với các nước châu Phi.

Đối với các quốc gia châu Phi, bản công bố này xác nhận vai trò lãnh đạo của Trung Quốc đối với các quốc gia châu Phi nghèo khó và kém phát triển. Trung Quốc đang đảm nhiệm vai trò đàn anh viện trợ và giúp đỡ các quốc gia kém phát triển tại châu Phi có thể tự túc về lương thực và quốc phòng. Nhiều công ty quốc doanh Trung Quốc đang thi hành những dự án tái tạo và xây dựng lại hệ thống hạ tầng tại châu Phi, đương nhiên là với nhân công và trang thiết bị từ Trung Quốc.

Sự kiện này làm người ta nhớ lại sự hiện diện của người Hoa tại Đông Nam Á cuối thế kỷ 19, lúc đầu là hiện diện trong các lãnh vực mà người địa phương còn yếu kém : thương mại, để sau đó chiếm lĩnh toàn bộ các thị trường và làm chủ nền kinh tế địa phương. Nhưng lần này sự hiện diện của người Hoa không tình cờ như hồi thế kỷ 19, chính quyền Trung Quốc chủ động sự hiện diện này trong một chiến lược trường kỳ : khai thác lâu dài các nguồn tài nguyên tại lục địa châu Phi.

Để củng cố chiến lược ấy, Trung Quốc thiết lập những hợp tác quân sự với các quốc gia đang bị thế giới phương Tây lên án hay cô lập, như Sudan, Zimbabwe... Hiện nay Trung Quốc đang trang bị và huấn luyện quân sự cho một số quốc gia châu Phi như Sudan, Zimbabwe, Mali, Namibia, Angola, Boswana, Erythrea, Comores, Cộng hòa Congo... Trên thực tế quân đội Trung Quốc đã có mặt tại Liberia và Cộng hòa dân chủ Congo trong các chương trình giữ gìn hòa bình do Liên Hiệp Quốc bảo trợ.

Thấy gì qua sự hiện diện này ?

Trong 10 năm qua sự hiện diện của Trung Quốc trên lục địa châu Phi đã có phần tăng lên, nhưng nếu so với sự hiện diện của các nước phương Tây thì vẫn chưa thể nói là lớn. Lượng tài nguyên châu Phi nhập vào Trung Quốc chỉ bằng khoảng 1/3 lượng nhập vào của các nước Âu Mỹ. Tổng số tiền đầu tư trực tiếp (FDI) từ Trung Quốc vào các nước châu Phi từ trước đến nay khoảng 6,6 tỷ USD, trong khi tổng số tiền đầu tư của các quốc gia phương Tây vào châu Phi từ trước đến nay đã trên 300 tỷ USD.

Theo giới chuyên gia Nhật, trong nhất thời Trung Quốc có thể là một đối thủ kinh tế lợi hại của Nhật tại châu Phi, nhưng về lâu về dài chính hàng hóa Trung Quốc biến thành trung gian để người châu Phi tìm mua hàng hóa của Nhật Bản vì bền chắc và trình bày đẹp hơn. Chính vì thế chính quyền Trung Quốc nên biết khiêm nhường khi vào châu Phi khai thác tài nguyên và nên tôn trọng dư luận quốc tế.

Kiên Hương (Kanagawa)

1968, thế giới thay đổi hẳn

Nguyễn Gia Kiểng

Nếu ai hỏi tôi về những cuộc cách mạng lớn nhất trong lịch sử thế giới, một trong những cuộc cách mạng mà tôi sẽ kể là cuộc cách mạng 1968. Những gì xảy ra năm 1968 đã làm thay đổi hẳn thế giới và Việt Nam. Không những chỉ thay đổi, nó còn quyết định một hướng đi không thể đảo ngược. Nó áp đặt một cách vĩnh viễn dân chủ và chủ nghĩa nền tảng của nó, chủ nghĩa cá nhân tự do. Nó không có những vĩ nhân. Nó cũng không gây đổ máu. Nó là cuộc cách mạng của những người không có quyền lực, không lật đổ chính quyền, nhưng buộc các chính quyền phải khuất phục và thay đổi. Nó là cuộc cách mạng của thanh niên nhưng lại bị đa số thanh niên, nghĩa là chính những tác nhân của nó, hiểu lầm gần như hoàn toàn lúc ban đầu.

Tôi ở trung tâm của cuộc cách mạng này vì nhiều lý do. Nó đã bùng nổ tại Paris trước khi nhanh chóng lan ra các nước khác, nhưng ngay cả sau khi nó đã được toàn cầu hóa Paris luôn luôn được coi là trung tâm. Cuộc cách mạng này phát xuất từ sinh viên. Lúc đó tôi đang là sinh viên tại Paris, năm 1968 cũng là năm tôi tốt nghiệp. Nhưng còn một lý do khác. Lực lượng nòng cốt của cuộc cách mạng này là Liên Hiệp Sinh Viên Pháp (UNEF). Trước đó không lâu, ban chấp hành UNEF khủng hoảng, chủ tịch từ chức, chỉ còn lại những phó chủ tịch. Một trong những phó chủ tịch là Alain-Pierre Muet, phó chủ tịch đặc trách các vấn đề quốc tế. Muet học cùng trường và cùng năm với tôi, chúng tôi rất thân nhau. Có lẽ hai chúng tôi là hai đứa đam mê chính trị nhất trường lúc bấy giờ và quý mến nhau về điểm này dù chúng tôi rất khác nhau về quan điểm. Muet là đảng viên đảng Xã Hội. Hẳn mê chủ nghĩa Mác-Lênin, chống đế quốc Mỹ, dành nhiều thời giờ tổ chức những cuộc biểu tình chống Mỹ, ủng hộ cộng sản Việt Nam. Tôi thì ngược lại coi chủ nghĩa Mác-Lênin là tầm bậy và dùng gần như toàn bộ thời gian và cố gắng ngăn chặn cộng sản chiếm nốt miền Nam. Hai đứa chúng tôi tranh cãi rất dữ dội và chẳng đứa nào chịu thua đứa nào. Do những hoạt động chống cộng tôi thường được những sinh viên cánh hữu yểm trợ, đặc biệt là vào những dịp chúng tôi tổ chức mít-tinh và biểu tình chống cộng. Trong số những sinh viên cánh hữu này có nhiều người sau này rất nổi tiếng, như Alain Madelin và Gérard Longuet, cả hai sau này trở thành phó thủ tướng Pháp. Madelin còn ra ứng cử tổng thống nhưng thất bại. Dù vậy tôi vẫn thân với Muet hơn họ.

Qua Muet tôi được thông tin hàng ngày và cũng được hỏi ý kiến về những gì xảy ra trong cơ quan đầu não của cuộc cách mạng 1968. Muet sau này trở thành giáo sư kinh tế trường Polytechnique, một địa vị rất danh giá tại Pháp, và chủ tịch Hội Đồng Kinh Tế Xã Hội, một trong những chức vụ danh giá nhất nước Pháp. Hẳn là người thành công nhất trong những người đã lãnh đạo cuộc cách mạng 1968.

Cách mạng 1968 đã xảy ra một cách không ngờ, ngay

cả bởi những người cầm đầu. Điều này chứng tỏ nó chỉ là kết cuộc của một tiến trình đã chín muồi và bắt buộc phải tới.

Nó bắt đầu vào ngày 22-3 tại trường đại học Nanterre ở ngoại ô Paris với sự thành lập của "Mouvement du 22 Mars" (Phong Trào 22 tháng 3). Nanterre là một trong những trường đại học dở nhất của nước Pháp, tập trung những sinh viên kém và phá phách. Từ vài năm trước các sinh viên trường đại học này đã liên tục biểu tình đập phá với những lý do khác nhau: ủng hộ cộng sản Việt Nam, ủng hộ Che Guevara, chống đế quốc Mỹ, chống bom nguyên tử, chống chủ nghĩa tư bản v.v. Lý do nào cũng tốt để họ xuống đường bởi vì họ bất mãn: họ cảm thấy không có chỗ đứng trong xã hội Pháp. Lúc đó kinh tế Pháp rất lành mạnh, hầu như không có thất nghiệp, nhưng Nanterre không phải là trường có giá trị, bằng cấp của nó không được quý trọng, hơn nữa nó lại có nhiều bộ môn mà ở bất cứ giai đoạn nào cũng khó kiếm việc làm: tâm lý học, xã hội học, văn học, triết, v.v. Chưa hết, các giáo sư và giảng viên phần lớn lại là những trí thức mác-xít, nghĩa là những người chủ trương đánh đổ xã hội dân chủ phương Tây mà họ đang sống.

Phong trào 22 tháng 3 chỉ là một trong vô số những nhóm nhỏ của sinh viên Pháp tại Paris. Cái tên của nó chứng tỏ nó chẳng có mục tiêu rõ rệt nào cả. Nó lấy ngày thành lập làm tên gọi và qui tụ đủ mọi thành phần bất mãn. Có lẽ nó còn là nhóm yếu nhất. Nhưng nó đã ra đời đúng lúc. Biến cố phát động nó cũng chỉ là một vụ nhỏ ít ai để ý. Hai ngày trước một vài sinh viên bị bắt giữ vì biểu tình xông vào một cư xá nữ sinh từ trước vẫn cấm nam sinh viên, sau đó họ được thả về trừ hai người. Mục đích đầu tiên của nó là tranh đấu đòi thả hai người này. Những cuộc biểu tình như vậy xảy ra hàng ngày tại Paris, nhưng lần này có lẽ vì nó có "chính nghĩa" (tự do quan hệ nam nữ) hơn là những cuộc biểu tình chống Mỹ, ủng hộ cộng sản Việt Nam, v.v. nên nó được hưởng ứng hơn. Các tổ chức mạnh hơn nhiều, như Phong Trào Thanh Niên Cộng Sản (Mouvement des Jeunes Communistes-MJC), cũng nhập cuộc. Một "ủy ban hành động" (Comité d'Action) được thành lập để chiếm đóng trường đại học Nanterre. Trường đại học ngừng giảng dạy, các giảng đường và phòng học biến thành các phòng hội thảo liên tục về tất cả mọi vấn đề, từ môi trường đến chế độ chính trị, qua tự do tình dục, tự do đồng tình luyến ái, hệ thống giáo dục (trong đó có đòi hỏi "diplôme sans examen", nghĩa là mọi bằng cấp phải được phát không chứ không qua thi cử!). Hai vấn đề được thảo luận sôi nổi nhất là tự do tình dục và Việt Nam. Lúc đó cuộc tổng tấn công Tết Mậu Thân đang gây tiếng vang rất lớn.

Tình trạng chiếm đóng sôi nổi kéo dài, và vì chính quyền không có biện pháp nào để chấm dứt nên nó dần dần lôi kéo sinh viên ở các nơi khác. Có lẽ chính quyền Pháp đã nghĩ rằng những biến động này rồi cũng sẽ qua đi như những vụ

biểu tình trước đó. Vào thời gian đó những cuộc biểu tình xảy ra hầu như hàng tuần, phần lớn là biểu tình chống sự can thiệp quân sự của Hoa Kỳ tại Việt Nam. Bên cạnh cũng có những cuộc biểu tình chống vũ khí nguyên tử, đòi tăng mức lương tối thiểu, chống giới chủ nhân, chống Đế Quốc Mỹ v.v. Đáng sau những chống đối và đòi hỏi này là ám ảnh một cuộc thế chiến giữa hai khối tư bản và cộng sản với vũ khí nguyên tử có khả năng hủy diệt cả thế giới. Hai khẩu hiệu thông thường nhất lúc đó là "*Làm tình chứ không tham chiến*" (Faire l'amour, pas la guerre) và "*Thà đỏ còn hơn là chết*" (Plutôt rouge que mort).

Nhưng lần này các hoạt động chống đối không qua đi như những lần trước vì nhiều biến cố quan trọng. Tại Việt Nam cuộc tổng công kích Tết Mậu Thân của các lực lượng cộng sản đã làm chấn động thế giới, tổng thống Mỹ Lyndon B. Johnson tỏ ra hoảng loạn rờ rệt. Ngày 31-3, ông tuyên bố chấp nhận hòa đàm với Hà Nội và không ra ứng cử tổng thống Mỹ nữa. Hành động này rõ ràng là một thú nhận thất bại. Phong trào chống Mỹ tại các nước phương Tây và Nhật lên như diều gặp gió vì chống Mỹ và



ủng hộ cộng sản Việt Nam vẫn là những động cơ chính của những cuộc biểu tình. Thêm vào đó cuộc "Đại Cách Mạng Văn Hóa" tại Trung Quốc đã đạt tới cao điểm. Cảnh các Vệ Binh Đỏ bắt trời và đánh đập các cấp lãnh đạo cao nhất, kể cả chủ tịch nước Lưu Thiệu Kỳ, diễn ra hàng ngày. Thế giới hoang mang không biết ai đang cầm quyền tại Trung Quốc và điều khiến đám Vệ Binh Đỏ này, chỉ thấy hàng triệu Vệ Binh Đỏ hò hét, hô hào thế chiến. Tâm lý chung lúc đó là lo âu. Chính phủ Pháp lúc đó cũng rất yếu, liên minh cầm quyền cánh hữu chỉ có được một đa số bốn ghế trong một quốc hội gần 600 dân biểu.

Thừa thắng xông lên, khối sinh viên phản kháng từ Nanterre tiến về Paris và được hưởng ứng. UNEF nhập cuộc và trở thành lực lượng chính. Sinh viên chiếm đóng và biến các trường đại học thành những trung tâm hành quân. Các "ủy ban chiếm đóng" (comité d'occupation) được thành lập khắp nơi. Và rồi Đảng Cộng Sản Pháp nhập cuộc. Lúc đó Đảng Cộng Sản Pháp là đảng năng động nhất nước Pháp, có số đảng viên đông nhất và cũng có tổ chức chặt chẽ nhất, ngoài ra họ còn kiểm soát được CGT, công đoàn lớn nhất nước Pháp. Họ có khả năng tổ chức những cuộc biểu tình lớn. Lý luận của đảng cộng sản Pháp rất giản dị : sinh viên không có tổ chức và không thể làm chủ lâu được tình thế, hãy dựa vào sinh viên để lật đổ chính quyền De Gaulle, sau đó dẹp sinh viên không khó. Nhưng con tính của Đảng Cộng Sản Pháp đã sai ở một điểm là sinh viên tẩy chay họ sau một thời gian rất ngắn. Phương pháp lý luận và hành động kiểu Stalin của họ hoàn toàn không phù hợp với đám sinh viên vô kỷ luật, không chấp nhận bất cứ một lãnh đạo nào, đòi tự do tuyệt đối trên tất cả mọi vấn đề. Lực lượng cộng sản tuy mạnh hơn hẳn nhưng không dám đánh dẹp sinh viên, bởi vì cảnh sát và quân đội chỉ đợi có thể để can thiệp dập tan họ. Sau một vài tuần lễ do dự, họ rút lui. Sự nhập cuộc, dù chỉ trong một giai đoạn ngắn, của đảng Cộng Sản Pháp đã thay đổi hẳn

tầm vóc của làn sóng chống đối. Cả Paris bị tê liệt vì đình công và biểu tình. Các đường phố trung tâm Paris bị chiếm ngự, các chiến lũy được dựng lên khắp nơi. Người ta gần như sống lại không khí Công Xã Paris 120 năm về trước. Cuộc biểu tình ngày lễ Lao Động 1-5-1968 đã quy tụ một nửa triệu người.

Không khí các trường đại học đúng là ngàn năm một thuở. Trong các giảng đường người ta thảo luận đủ thứ vấn đề. Trong cùng một trường đại học nhiều cuộc thuyết trình và thảo luận diễn ra cùng một lúc. Sinh viên ăn ngủ ngay trong trường. Nhiều giảng đường được biến thành phòng ngủ hỗn hợp cả trai lẫn gái, trong đó ai muốn làm gì cứ làm, tình dục được coi là một động tác giải phóng. Các cuộc hội thảo nhanh chóng trở thành nhảm chán, các thuyết trình viên phơi bày sự nông cạn của mình thay vì sự hiểu biết. Tuy vậy chúng cũng có tác dụng quyết định là khiến sinh viên khám phá ra những thiếu sót của mình và sự hụt hẫng của chủ nghĩa Marx mà họ vẫn tôn sùng. Rồi cũng có những vấn đề bắt buộc của cuộc sống hàng ngày như ăn uống, vệ sinh, điện nước, v.v., những vấn đề không hứng thú chút nào

mà lại đòi hỏi kỷ luật và tổ chức. Khí thế và lực lượng chiếm đóng sút giảm nhanh chóng. Dân chúng Pháp cũng dần dần khó chịu và sau cùng bực tức với đám sinh viên vô trách nhiệm. Tướng De Gaulle sau một lúc chao đảo muốn bỏ cuộc đã lấy lại được tinh thần và phản công. Đến lượt đảng De Gaulle tổ chức biểu tình bảo vệ trật tự và luật pháp. Hơn một triệu người tuần hành trên đại lộ Champs Elysées. Phong trào chống đối xẹp hẳn. De Gaulle giải tán quốc hội, cuộc bầu cử sau đó đem lại cho đảng ông hơn 3/4 số dân biểu. Cuộc nổi loạn 1968 chấm dứt tại Pháp.

Tuy vậy nó đã lan ra các nước khác, khắp Tây Âu và Hoa Kỳ, và tiếp tục một cách bền bỉ hơn tại các nước này. Nói chung, cả thế giới tư bản đã chấn động dữ dội. Tại Hoa Kỳ, năm 1968 đã là năm cực kỳ hỗn loạn. Phong trào dân quyền chống kỳ thị chủng tộc do mục sư Martin Luther King lãnh đạo nổi lên rầm rộ, rồi mục sư King bị ám sát, sau đó đến lượt ứng cử viên tổng thống Robert F. Kennedy. Đại hội đảng Dân Chủ tại Chicago đã dẫn tới bạo loạn và đốt phá làm 39 người chết và 2.500 người bị thương.

Một sản phẩm của cuộc cách mạng 1968 mà ít ai lưu ý lúc ban đầu nhưng đã là một trong những phong trào quan trọng nhất là phong trào giải phóng phụ nữ. Nó bắt đầu như một chuyện vui với những toán phụ nữ biểu tình lẻ tẻ, phát truyền đơn tại các nơi công cộng phản đối điều mà họ gọi là trọng nam khinh nữ, coi phụ nữ như đồ chơi của nam giới. Phong trào này đã gây được sự chú ý khi khoảng 10 phụ nữ thuộc tổ chức tự gọi là "Phụ Nữ New York Kiên Định" (New York Radical Women) gây ồn ào trong cuộc thi hoa hậu Mỹ bằng cách xịt thuốc chải tóc trong phòng thí, bên ngoài là khoảng 100 người biểu tình. Thế rồi phong trào cứ tiếp tục lan ra các nước khác và mạnh lên trong nhiều năm sau đó và đã chỉ chấm dứt khi vấn đề bình đẳng nam nữ trở thành một sự thật hiển nhiên.

Một phong trào khác, cơ bản hơn, là sự xét lại toàn bộ

các giá trị xã hội sau cơn chấn động 1968. Các sinh viên đã phủ nhận tất cả mọi giá trị và, điều có lẽ quan trọng nhất, họ đòi tự do tuyệt đối. Khẩu hiệu của họ là "*Cấm không được cấm*" (Il est interdit d'interdire). Họ đã khởi động cả một phong trào xét lại toàn cầu. Chưa bao giờ trên thế giới có một phong trào nghĩ lại và xét lại to lớn và mãnh liệt như thế. Kết quả là nhiều thành kiến bị đập đổ và hầu như mọi quan hệ giữa người và người đều thay đổi. Vẫn còn người giàu và người nghèo nhưng quan hệ giữa họ không còn như trước. Giàu không còn đồng nghĩa với danh dự và nghèo không còn đồng nghĩa với thấp hèn. Đồng tiền vẫn còn được tìm kiếm, có lẽ còn hơn trước, nhưng nó chỉ còn là dụng cụ. Trong các cơ quan, xí nghiệp sự phân biệt cấp bậc cũng thay đổi lớn, người lãnh đạo không còn là người mà cấp dưới phải nể sợ, người thừa hành cũng không còn là người có thể bị coi thường. Có sự phân biệt rõ ràng giữa chức vụ và nhân phẩm. Người ta không còn nhu cầu phải đóng kịch, ăn mặc, đi đứng, nói năng đúng với cấp bậc của mình và của người trước mặt. Nhu cầu mặc đồ lớn, thất cà-vạt gần như không còn. Ở mọi chức vụ người ta tôn trọng lẫn nhau. Con người, nghĩa là cá nhân, đã giành được một thắng lợi lớn, ít nhất tại các nước văn minh. Cũng không còn những ý kiến cấm nêu ra, những đề tài cấm bàn đến. Con người tự tin hơn, tự do hơn và sáng tạo hơn.

Nạn nhân chính của cuộc cách mạng 1968 chính là kẻ thắng tự nhiên lúc ban đầu : chủ nghĩa Marx và phong trào cộng sản. Cuộc cách mạng này, tại Pháp cũng như tại các nước khác, do các sinh viên cộng sản và thân cộng khởi xướng. Các sinh viên và một phần quần chúng đã coi chủ nghĩa Marx và phong trào cộng sản như là một phong trào giải phóng con người. Nhưng sau khi tranh luận rất ráo và cũng nhờ một lượng thông tin ngày càng lớn và chính xác hơn, họ đã thấy sự thật trái hẳn. Tôi thường lui tới tham gia các cuộc thảo luận này và thấy rõ là có một chuyển biến tư tưởng mạnh và nhanh chóng. Những câu hỏi "*tại sao các chế độ cộng sản lại cấm tự do báo chí ?*", "*tại sao lại đưa những người chống đối vào bệnh viện tâm thần ?*", "*tại sao Marx không đặt ra những vấn đề đạo đức, môi trường ?*", "*tại sao các nước cộng sản lại chậm tiến hơn các nước tư bản ?*", v.v. đều không có câu trả lời. Thắc mắc nhường chỗ cho hoài nghi, rồi hoài nghi nhường chỗ cho sự bác bỏ.

Biến cố thường được gọi là "Mùa Xuân Praha", trong đó ban lãnh đạo đảng cộng sản, dưới sự lãnh đạo của tổng bí thư Alexander Dubcek, chủ trương cởi trói khỏi giáo điều Mác-Lênin và sự khống chế của Liên Xô, chắc chắn đã không thể có cường độ của nó nếu không có bối cảnh thuận lợi của cuộc cách mạng 1968. Khi các xe tăng Liên Xô tiến vào nghiền nát hy vọng tự do tại Praha sự bác bỏ chủ nghĩa cộng sản nhường chỗ cho sự thù ghét. Phong trào cộng sản đã đạt tới cao điểm vào năm 1968 và cũng đã bắt đầu chết tại châu Âu mùa hè 1968. Trước 1968 các trí thức Mác-xít tự tin và kiêu hãnh bao nhiêu, sau 1968 họ thất vọng và bẽ bàng bấy nhiêu.

Cơn chấn động 1968 đã thay đổi hẳn cách suy nghĩ và hành động của các xã hội văn minh. Cuộc cách mạng 1968 cuối cùng đã là sự thắng lợi dứt khoát, không thể đảo ngược của chủ nghĩa cá nhân tự do, nền tảng của dân chủ. Lịch sử

thế giới xét cho cùng là cuộc hành trình của loài người về tự do, về một chỗ đứng xứng đáng hơn cho con người. Chưa bao giờ một cuộc cách mạng đã khiến một số người đông đảo như vậy hiểu và tin vào tự do như vậy. Chính vì thế mà cuộc cách mạng 1968 đáng được coi là một trong những cuộc cách mạng lớn nhất trong lịch sử thế giới. Nó mở ra một kỷ nguyên văn minh mới.

Tuy vậy, đối với Việt Nam, 1968 lại có một hậu quả rất khác. Cuộc tổng công kích Tết Mậu Thân quả thực là một thành tích quân sự phi thường của đảng cộng sản. Họ đã có thể xâm nhập tất cả mọi thị trấn miền Nam và tấn công đồng loạt trên khắp lãnh thổ. Chế độ Việt Nam Cộng Hòa với trên một triệu quân nhân và cảnh sát và những phương tiện khổng lồ do Mỹ cung cấp đã bị bất ngờ hoàn toàn. Nhưng đây cũng là một hành động tự sát của bộ tư lệnh cộng sản. Gần như toàn bộ lực lượng cơ sở miền Nam của họ đã bị hy sinh, trong khi bộ đội chính qui cũng bị thiệt hại nặng. Họ không chiếm được thêm được một địa điểm nào mà sau đó còn mất gần hết những vùng đã kiểm soát được trước đó. Ngược lại, quân đội Việt Nam Cộng Hòa chỉ chịu những thiệt hại rất giới hạn. Nếu lúc đó miền Nam có được những cấp lãnh đạo có bản lĩnh và tầm nhìn chiến lược thì biến cố Tết Mậu Thân chắc chắn đã là điểm khởi đầu của một thất bại của đảng cộng sản. Chính sự thiếu văn hóa chính trị, và thiếu văn hóa ngắn gọn, của các tướng tá miền Nam đã cho phép đảng cộng sản biến một thất bại quân sự khủng khiếp thành một thắng lợi tuyên truyền quyết định.

Các tướng tá miền Nam chắc chắn là rất kém, nhưng không thể đòi hỏi các quân nhân có viễn kiến chính trị hơn nhân sự chính trị. Vấn đề là miền Nam không có một nhân sự chính trị đúng nghĩa. Đừng quên là chính một thủ tướng dân sự, ông Phan Huy Quát, đã tự ý giao chính quyền cho quân đội vì thấy mình bất lực.

Chế độ Việt Nam Cộng Hòa còn một bất hạnh khác. Số phận nó tùy thuộc ở Hoa Kỳ, nhưng vào thời điểm đó Hoa Kỳ lại có một trong những tổng thống kém cỏi nhất, Lyndon B. Johnson. Ông ta là một chính trị gia địa phương cổ điển, thành thạo trong các giao tế và lobby nhưng không biết gì về thế giới bên ngoài. Do sự tình cờ mà ông trở thành tổng thống Mỹ. Ông không thuyết phục được dân Mỹ, không có kịch bản thắng lợi cho cuộc chiến Việt Nam, và đã hành động một cách hoảng loạn sau cuộc tổng công kích Mậu Thân mà một tổng thống Mỹ có chút ít bản lĩnh phải coi như là một cơ may hiếm có.

Điều đáng tiếc không phải là miền Nam đã thua, không thể khác. Điều đáng tiếc là chiến thắng đã lọt vào tay những người ngoan cố theo đuổi một chủ nghĩa sai lầm, và khi đã nhận ra sự sai lầm thì lại thiếu cả bản lĩnh lẫn thiện chí để từ bỏ nó một cách dứt khoát.

Cuộc cách mạng 1968 đã là một phúc lợi lớn cho thế giới, nhưng đối với Việt Nam nó đã có tác dụng ngược lại. Một lần nữa thực tế chứng tỏ rằng một cơ hội dù thuận lợi đến đâu cũng chỉ là một cơ hội cho những ai đã chuẩn bị sẵn để chờ đợi nó.

Nguyễn Gia Kiểng

Kiểm điểm 2007, dự liệu 2008

LTS. Trong số báo tắt niên 2007, bán tuần san Việt Luận, tờ báo Việt ngữ lớn nhất tại Úc, đã phỏng vấn ông Nguyễn Gia Kiểng về tình hình đất nước, bối cảnh thế giới, cuộc đấu tranh cho dân chủ ở trong và ngoài nước trong năm 2007 và những kết luận cần rút ra cho năm 2008. Cuộc phỏng vấn này đã được thực hiện đầu tháng 12-2007, trước khi có những cuộc biểu tình chống Trung Quốc sáp nhập Hoàng sa và Trường Sa. Sau đây là toàn văn bài phỏng vấn.

Việt Luận : Theo ông thì năm qua Việt Nam có sự kiện gì có ý nghĩa nhất đối với phong trào dân chủ ?

Nguyễn Gia Kiểng : Năm qua đã là một năm nhiều biến cố. Phong trào dân chủ sôi nổi từ năm 2006 với sự xuất hiện của nhiều gương mặt dân chủ mới mà một số đông là thanh niên, đầu năm 2007 chính quyền cộng sản tung ra một đợt đàn áp hung bạo hơn cả đợt đàn áp năm 2002 với những phiên tòa thô bỉ trong đó các bị cáo không được quyền bào chữa, có khi bị bịt miệng. Phong trào dân oan khiếu kiện phát triển ở một mức độ gay gắt mới. Việt Nam tiến một bước quan trọng trong tiến trình hội nhập với thế giới, được hưởng qui chế thương mại bình thường vĩnh viễn với Hoa Kỳ, rồi được vào Hội Đồng Bảo An Liên Hiệp Quốc. Trong lúc này miền Trung đang bị lũ lụt nghiêm trọng, do bão lớn một phần nhưng cũng do môi trường bị quản lý một cách vô ý thức và vô trách nhiệm, đặc biệt là việc lấp ao hồ và các bờ sông để lấy đất xây nhà.

Tuy nhiên sự kiện nổi bật nhất, cần được suy nghĩ để rút kinh nghiệm, là phong trào dân chủ đã phát triển một cách quá xô bồ, với hàng chục tổ chức được tuyên bố thành lập nhằm gây tiếng vang mặc dù không có chuẩn bị, để rồi bị đàn áp dễ dàng và xẹp xuống. Thật đáng tiếc, vì từ mùa hè 2004, với sự chuẩn bị đại hội 10 của Đảng Cộng Sản Việt Nam, hội nghị APEC, vận động để được qui chế PNTR và một ghế trong Hội Đồng Bảo An, đối lập dân chủ Việt Nam được hơn hai năm tương đối dễ dãi. Giai đoạn này đáng lẽ đã phải được vận dụng một cách khôn ngoan để giành một thắng lợi quyết định cho cuộc vận động dân chủ, nghĩa là biến đổi lập có tổ chức trong nước thành một thực tế, một yếu tố thường trực trong sinh hoạt chính trị của đất nước. Đó đã có thể là ánh sáng thực sự cuối đường hầm và mở ra một giai đoạn mới đầy hứa hẹn. Thật là đáng tiếc, chúng ta đã bỏ lỡ cơ hội đó cho nên cuộc vận động dân chủ đã không giành được những thắng lợi quyết định đáng lẽ có thể có.

VL : Trước sự kiện đó thì cộng đồng hải ngoại nói chung hay các hội đoàn nói riêng có đưa ra các phản ứng kịp thời và thích đáng hay không, thưa ông ?

NGK : Nếu không muốn sử dụng ngôn ngữ của lưỡi gươm thì phải nói thẳng rằng cộng đồng người Việt hải ngoại nói chung và các tổ chức nói riêng đã phản ứng không thích đáng. Thay vì thảo luận với nhau để đi đến đồng thuận

trong một chiến lược chung và nếu có thể thống nhất hành động trong một mặt trận dân chủ thì lại có sự phân tán lực lượng mạnh ai nấy làm trong một cuộc tranh đua xô bồ xem ai làm trước, ai gây được tiếng vang nhiều nhất, ai tranh thủ được cảm tình của nhiều người dân chủ trong nước nhất, ai lôi kéo được sự chú ý nhất v.v. Trong cuộc tranh đua này điều quan trọng không phải là ai thực, ai giả, hành động nào nghiêm túc, hành động nào phù phiếm mà là những gì giúp ta có chỗ đứng, có thanh thế. Có người đã nói một cách mỉa mai tới một "chợ trời dân chủ", hơi quá nhưng không phải là không có lý do. Nhiều tổ chức và nhân sĩ đã tỏ ra thiếu cả thông tin lẫn hiểu biết về đấu tranh chính trị.

Một thí dụ là trường hợp ông Hoàng Minh Chính. Cá nhân ông Chính là một người tốt và đáng kính nhưng bệnh tình hiểm nghèo đã đặt ông trong tình trạng lệ thuộc và bị lợi dụng. Người ta đã lạm dụng uy tín của ông để nhân danh ông làm một việc mà ông không có quyền làm : đơn phương áp đặt ông Trần Khuê làm đại diện cho mọi người dân chủ trong nước ; hành động vô nguyên tắc này đã gây đổ vỡ lớn trong anh em dân chủ trong nước. Dù quý trọng ông Hoàng Minh Chính và thông cảm với ông đến đâu thì sau vụ này cũng phải rút ra kết luận đáng buồn là ông đã bị vô hiệu hóa. Mặc dù vậy khi ông Hoàng Minh Chính tới Mỹ và, dưới ảnh hưởng của Đảng Nhân Dân Hành Động, tuyên bố thành lập Phong Trào Dân Chủ Việt Nam Thống Nhất - với mục tiêu gồm thu các lực lượng dân chủ trong một tổ chức do đảng cộng sản khống chế - cũng vẫn có rất nhiều tổ chức và nhân sĩ phấn khởi muốn tham gia. Kế hoạch này đã không thành công chỉ vì được thực hiện một cách vụng về. Không có dấu hiệu nào là những tổ chức và nhân sĩ này đã rút ra những bài học cần thiết sau kinh nghiệm này.

Một thí dụ khác là trường hợp linh mục Nguyễn Văn Lý. Ông là một người dũng cảm và có thiện chí, nhưng không có kiến thức và kinh nghiệm chính trị nào đáng kể. Ông lẫn lộn những người ký tên ủng hộ một bản tuyên ngôn với một tổ chức và hình như coi tổ chức này là của riêng ông và thuộc quyền định đoạt tùy tiện của ông. Dựa vào "tổ chức" này ông cũng lập ra một số tổ chức hữu danh vô thực khác với cùng một số thân hữu ít ỏi. Rõ ràng là một người nhiều thiện chí nhưng chẳng có bài bản nào cả. Ngay cả nếu không bị đàn áp thì sau cùng một người lãnh đạo như vậy cũng chỉ có thể đưa đến thất vọng. Dù vậy nhiều

người đã nô nức ủng hộ ông, coi ông như biểu tượng của cuộc đấu tranh vì dân chủ. Họ không ý thức được rằng quý mến một người và ủng hộ người đó như một lãnh tụ chính trị là hai điều cần được phân biệt. Với tấm hình bịt miệng Nguyễn Văn Lý đã có đóng góp quan trọng lên án sự bạo ngược của chính quyền cộng sản, nhưng trước đó ông cũng đã vô tình lôi kéo sự chú ý khỏi những cố gắng nghiêm chỉnh. Không phải là lỗi của Nguyễn Văn Lý mà là lỗi của các tổ chức và nhân sĩ đã ủng hộ ông một cách không đúng.

Tôi còn có thể kể nhiều thí dụ khác. Có những thanh niên vừa mới nhập cuộc đã thành lập tổ chức để làm ngọn cờ. Phong cách này dù có xuất phát từ nhiệt tâm đi nữa cũng không nên khuyến khích. Một mặt nó chứng tỏ niềm tin ngây thơ cho rằng một tổ chức chính trị có thể xây dựng được một cách dễ dàng, mặt khác nó là một sự ngạo mạn với những cố gắng của những người đi trước. Chọn lựa đúng đắn của một người mới nhập cuộc là quan sát và tìm đến với những người và tổ chức dân chủ lương thiện để hợp tác chứ không phải là thành lập một tổ chức mới để làm lãnh tụ, nhất là khi mình có may mắn là còn trẻ. Nếu ta thực sự quý mến tuổi trẻ thì ta cần cảnh giác họ về những bông bột của tuổi trẻ thay vì khuyến khích họ trong sự sai lầm. Đáng tiếc là không phải như vậy. Vẫn có những nhân sĩ và tổ chức hoan hô để tranh thủ cảm tình của họ.

Phải nói lên một sự thực đáng buồn là những phản ứng không thích đáng trên đây có thể vẫn còn tiếp diễn trong tương lai bởi vì trong cộng đồng người Việt hải ngoại những hành động sai và có hại không được phê phán ở mức độ cần có. Lý do là vì số người thực sự quan tâm tới tương lai đất nước và do đó theo dõi các hoạt động chính trị một cách trách nhiệm quá ít. Trong tổng số hơn ba triệu người Việt hải ngoại, số người còn tham gia hoặc ủng hộ các hoạt động hướng về đất nước nhiều lắm là 30.000, nghĩa là chưa tới 1%, số người tham gia tham gia đấu tranh cho dân chủ và nhân quyền trong tất cả mọi tổ chức cộng lại chưa tới 3.000, nghĩa là chưa tới 1 phần ngàn. Trong hoàn cảnh đó những người đấu tranh cho dân chủ giống như những diễn viên nghèo trình diễn trước một đám thính giả thưa thớt. Và chúng ta rơi vào vòng luẩn quẩn : khán giả thưa thớt khiến diễn viên không cần tài năng, trình diễn không đặc sắc nên khán giả thưa thớt v.v.

Nguy cơ nghiêm trọng hiện nay là tình trạng thờ ơ ngày càng có khuynh hướng gia tăng của cộng đồng người Việt hải ngoại. Hơn ba mươi năm đã trôi qua từ ngày 30-4-1975, tình cảm với quê hương cũ dần dần nhường chỗ cho những ưu tư của cuộc sống và sự gắn bó với quê hương mới, nhất là khi những hoạt động đấu tranh cho dân chủ không đem lại kết quả và cũng không tạo được niềm tin ở một thắng lợi chắc chắn. Phải đảo ngược lại cái vòng luẩn quẩn này. Hoạt động đấu tranh cho dân chủ phải nghiêm chỉnh để xứng đáng được quan tâm và yểm trợ, số người quan tâm đông hơn thì sự phê phán và đánh giá càng chính xác, và hoạt động lại càng nghiêm chỉnh hơn. Động viên khối người Việt hải ngoại là điều bắt buộc vì dù muốn hay không trong giai đoạn này cộng đồng người Việt hải ngoại vẫn còn là thành trì tối cần thiết của cuộc vận động dân

chủ. Nhưng đồng bào chỉ có thể động viên được nếu có một tổ chức dân chủ mạnh đem lại cho họ niềm tin vào thắng lợi.

VL : *Ở hải ngoại thì sự kiện nào được xem là đáng chú ý nhất, và theo ông trong sự kiện đó người Việt ở hải ngoại có điều gì làm được, điều gì chưa làm được ; thậm chí có điều gì đi quá mức cần thiết ?*

NGK : Tôi lưỡng lự giữa hai sự kiện. Một là cuộc khủng hoảng trầm trọng đang diễn ra trong nội bộ Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất tại hải ngoại. Sự kiện một số tăng sĩ và cư sĩ thuộc GHPGVNTN trong nước lấy khoảng cách với giáo hội để thành lập nhóm Thân Hữu Già Lam, với lập trường không khác giáo hội nhà nước bao nhiêu dĩ nhiên là một thiệt hại, nhưng từ đó đến khủng hoảng trầm trọng trong hàng ngũ GHPGVNTN tại hải ngoại là điều rất không bình thường, nó chứng tỏ rằng nhiều vấn đề nhỏ đã tích lũy từ lâu và khi cần phải giải quyết thì giải pháp đã không thích nghi. Thuốc đã vật ngã thay vì cứu bệnh nhân. Đây là nhận định của nhiều anh em Phật tử rất ủng hộ hai hòa thượng Huyền Quang và Quảng Độ mà tôi đã gặp và trao đổi.

Trong hoàn cảnh bị cô lập và truy bức hiện nay ở trong nước, hải ngoại là chỗ dựa chính của GHPGVNTN, nếu hậu thuẫn hải ngoại bị rạn nứt thì GHPGVNTN dù có tồn tại được cũng bị suy giảm nặng. Đây là một thiệt hại lớn cho cuộc vận động dân chủ bởi vì tuy GHPGVNTN không làm chính trị và cũng không có tham vọng chính trị, nhưng nó cũng vẫn là một điểm hội tụ quan trọng của những khát vọng dân chủ và nhân quyền của khối đông đảo Phật tử Việt Nam và một đồng minh khách quan của các lực lượng dân chủ. Cần lưu ý là trong lúc này chính quyền cộng sản đang ra tay một cách rất có kế hoạch. Họ tạm thời để yên, có khi còn mua chuộc, mọi tôn giáo để tập trung dứt điểm GHPGVNTN, và trong GHPGVNTN họ tập trung mũi dùi vào hòa thượng Quảng Độ. Chúng ta cần yểm trợ Quảng Độ một cách mạnh mẽ và dứt khoát, ông rất xứng đáng được kính trọng và yểm trợ, ngay cả nếu chúng ta nghĩ rằng trong những gì vừa xảy ra, ông đã thiếu thông tin chính xác về tình hình hải ngoại và đã làm quá mức độ cần thiết. Tôi có cảm giác lo âu rằng Quảng Độ chưa được yểm trợ ở mức độ phải có.

Sự kiện thứ hai là sự khẳng định chính sách của Hoa Kỳ đối với Việt Nam. Hoa Kỳ đã dứt khoát chọn chính sách hữu nghị và hợp tác đối với các chính quyền cộng sản Việt Nam và Lào. Những việc họ rút Việt Nam khỏi danh sách các nước đáng quan tâm về tự do tôn giáo, cho Việt Nam hưởng qui chế PNTR, đón tiếp chủ tịch và thủ tướng Việt Nam, ủng hộ Việt Nam vào Hội Đồng Bảo An Liên Hiệp Quốc là những chỉ dấu rõ rệt. Việc họ gài bẫy bắt tướng Vang Pao còn rõ rệt hơn. Việc Nhà Trắng tiếp xúc với một số nhân vật Việt Nam mà họ nghĩ là có ảnh hưởng trong cộng đồng người Việt tại Mỹ cũng không ngoài mục đích là để triệt tiêu những chống đối đối với chính sách này. Không nên coi đây là một sự phản bội. Hoa Kỳ vẫn muốn Việt Nam có dân chủ nhưng nhận định của họ là càng hợp

tác với Mỹ, càng chịu ảnh hưởng của Mỹ thì Việt Nam càng sớm có dân chủ. Chúng ta phải thích nghi với chính sách này.

Cũng cần nói thêm là đối với Hoa Kỳ, Việt Nam là một vấn đề đã giải quyết xong trên nguyên tắc. Việt Nam không còn chống lại Hoa Kỳ, hơn thế nữa còn muốn gia tăng hợp tác với Hoa Kỳ. Việt Nam hoàn toàn không còn là một trở ngại đối với Hoa Kỳ và sớm hay muộn cũng sẽ trở thành một nước dân chủ. Đối với Hoa Kỳ như thế là đủ rồi, còn bao giờ Việt Nam có dân chủ, một năm, hai năm, hay hai mươi năm, chỉ là vấn đề của người Việt Nam.

VL : Ông nhận xét như thế nào về áp lực quốc tế đối với Hà Nội trên lĩnh vực nhân quyền, có kịp thời và đủ mạnh hay không ?

NGK : Những vụ án chính trị thô bạo và tẩm hình linh mục Nguyễn Văn Lý bị bịt miệng đã gây xúc động và phẫn nộ lớn trong dư luận thế giới, nhưng đã không ngăn cản Việt Nam được bầu vào Hội Đồng Bảo An Liên Hiệp Quốc mà không bị một phiếu chống nào. Nhưng điều này không có nghĩa là các áp lực quốc tế trên lĩnh vực dân chủ và nhân quyền đã yếu đi đối với Việt Nam. Trái lại chúng tiếp tục gia tăng và sẽ còn gia tăng mạnh mẽ trong tương lai. Vấn đề là chúng sẽ không thể hiện qua những biện pháp mà nhiều người mong muốn, như lên án, cấm vận, tẩy chay, trừng phạt kinh tế v.v.

Những áp lực này thực ra thường phản tác dụng. Nạn nhân của các biện pháp trừng phạt kinh tế chẳng hạn thường là khối quần chúng nghèo khổ cần được giúp đỡ chứ không phải là những tập đoàn độc tài bạo ngược. Loại áp lực có hiệu quả hơn nhiều là loại áp lực của bối cảnh và luật chơi. Đi với Bụt mặc áo cà sa, đi với ma mặc áo giấy. Chơi với các nước văn minh thì phải có phong cách văn minh. Không nên coi thường những áp lực loại này.

Thử lấy một thí dụ : mọi người đi dự đám cưới đều phải ăn mặc tề chỉnh dù không ai bị đe dọa cả, bởi vì đó là một bó buộc của bối cảnh và luật chơi. Vả lại ngay cả những biện pháp trừng phạt cũng chỉ có hiệu lực đối với những chính quyền nhiều quan hệ hợp tác với thế giới bên ngoài.

VL : Ông nhận xét như thế nào về phản ứng của Hà Nội trước áp lực đó ?

NGK : Chính quyền cộng sản Việt Nam đã nhận thấy sự gia tăng của những áp lực. Họ không còn bắt giam những người đối lập một cách thách thức như trước nữa. Phát ngôn viên bộ ngoại giao đã phải lên tiếng về vụ hành hung Nguyễn Phương Anh, dù là để nói dối chạy tội. Họ cũng không truy bức những người hợp tác với các tờ báo *Tự Do Ngôn Luận* và *Tổ Quốc*. Người Việt hải ngoại về thăm quê nhà cũng không còn bị sách nhiễu, hay nếu có bị mời "làm việc" thì cũng không gay gắt như trước đây.

Trong trường hợp của Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên chúng tôi nhận thấy có một sự thay đổi khá rõ rệt. Hàng năm vẫn có những chí hữu của chúng tôi về thăm nhà với chiếu khán hợp lệ, họ luôn luôn phải chịu đựng những buổi "làm việc" dài và khó chịu với công an. Từ vài tháng nay

tôi thấy có tiến bộ, các chí hữu của Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên hoặc không còn bị thẩm vấn, hoặc nếu có được mời "làm việc" thì cũng được đối xử một cách trang nhã, trong một vài trường hợp họ còn đánh giá Tập hợp Dân Chủ Đa Nguyên là một tổ chức đứng đắn.

Tôi có thể đánh cuộc với bất cứ ai là Nguyễn Văn Lý, Nguyễn Văn Đài, Lê Thị Công Nhân, Nguyễn Phong, Lê Nguyễn Sang và mọi người dân chủ đang bị giam giữ sẽ được trả tự do trước hạn kỳ. Nếu tự đặt vào địa vị những người cầm quyền Việt Nam ta sẽ thấy rằng họ đang bối rối trước một khúc quanh lớn. Họ là những chuyên viên khủng bố, họ thừa hiểu rằng khủng bố có logic riêng của nó, nó phải rất hung bạo nếu muốn đạt hiệu quả mong muốn, nếu không nó chỉ có thể tạo ra phản ứng ngược. Những bản án hai ba năm tù chẳng gây khiếp sợ cho ai mà chỉ kích thích sự chống đối.

Trường hợp các đảng viên và thân hữu của đảng Việt Tân vừa bị bắt là một trường hợp đặc biệt vì chính quyền cộng sản Việt Nam đã từng xếp đảng này vào danh sách các tổ chức khủng bố. Đảng Việt Tân đã nhiều lần tuyên bố công khai chọn phương thức đấu tranh bất bạo động nhưng chính quyền cộng sản vẫn có thể biện luận để kéo dài thời giờ. Tuy vậy có nhiều triển vọng những người có quốc tịch nước ngoài sẽ được phóng thích trong tương lai không xa.

VL : Ông có dự đoán gì về tình hình năm tới ?

NGK : Năm 2008 có thể có đại hội đảng giữa nhiệm kỳ với khả năng ông tổng bí thư Nông Đức Mạnh xin nghỉ hưu ; đảng cộng sản sẽ phải tranh cãi nhiều trong việc chọn người lãnh đạo cao nhất. Hai ông thái thượng hoàng Đỗ Mười và Lê Đức Anh cũng có thể không còn nữa hoặc không còn sức khỏe để nắm chính quyền trong hậu trường, ông Nguyễn Tấn Dũng không còn dựa vào thế lực của hai ông này được nữa. Có thể sẽ có tranh chấp quyền lực gay go.

Một hiện tượng đã bắt đầu từ hai năm nay và ngày càng trở nên rõ rệt là vật giá gia tăng. Chỉ số giá cả có thể gia tăng 9% trong năm 2007 theo thống kê chính thức nhưng thực phẩm, giá thuê nhà, học phí và những nhu yếu phẩm của quần chúng có thể tăng trên 20%, trong khi thu nhập của quần chúng chỉ tăng từ 5 đến 10% tùy khu vực. Như vậy mức sống của quần chúng sẽ sa sút và tạo ra căng thẳng trong xã hội.

Năm 2008 cũng sẽ là năm mà vấn đề môi trường sẽ được thảo luận một cách gay gắt hơn hẳn trước đây, không những bởi đối lập dân chủ mà còn bởi chính những người có trách nhiệm trong đảng và nhà nước. Những diễn văn thiện chí không còn tác dụng xoa dịu nữa, đã đến lúc phải có những biện pháp cụ thể để bảo vệ môi trường đã quá nguy ngập

Khối dân oan cũng sẽ quyết tâm hơn, mạnh bạo hơn và có kinh nghiệm đấu tranh hơn. Nhiều thảo luận khó khăn sẽ diễn ra, đảng cộng sản sẽ rất bối rối và dù muốn hay không cũng phải nới lỏng sự đàn áp, tương tự như trước mỗi đại hội đảng.

Và cũng phải kể đến một sự kiện khác : Đảng Cộng Sản Trung Quốc sau đại hội vừa qua cũng đã bày tỏ một khuynh hướng cởi mở hơn ; nhượng bộ đối với xã hội dân sự chưa quan trọng nhưng cũng khá rõ rệt. Đảng Cộng Sản Việt Nam thường rập khuôn theo Đảng Cộng Sản Trung Quốc. Họ phải hiểu rằng tiến trình dân chủ hóa không thể đảo ngược được và do đó nên tổ chức thay vì chịu đựng sự chuyển hóa bắt buộc về dân chủ.

Những yếu tố trên đây cho phép ta dự đoán rằng năm tới các hoạt động dân chủ sẽ dễ dàng hơn và cũng không thể loại trừ khả năng đảng cộng sản bắt đầu tìm một thỏa hiệp nào đó với khát vọng dân chủ của nhân dân Việt Nam. Vấn đề của những người dân chủ là tìm ra một kịch bản đúng cho cố gắng vận động dân chủ. Kịch bản đó, theo tôi, phải đặt trọng tâm vào việc xây dựng một lực lượng dân chủ có tầm vóc. Nên khuyến khích mọi hình thức đấu thân tranh đấu cho dân chủ, nhưng khuyến khích ở mức độ thích đáng với từng trường hợp và, nếu cần, đi kèm với những cảnh giác và phê phán chứ không phải khuyến khích không điều kiện. Không nên tốn kém quá nhiều thời giờ và nghị lực cho những nhân sĩ và những nhóm mới thành lập bởi những người chưa có kinh nghiệm. Phải tập trung tham gia và yểm trợ những tổ chức đã có thời giờ để chứng tỏ thiện chí, tầm nhìn và sự kiên trì.

Khát vọng dân chủ và công lý của quần chúng Việt Nam rất cao nhưng chỉ có thể động viên được thành một sức mạnh đổi đời để áp đặt sự thay đổi nếu có một tổ chức dân chủ mạnh để đem lại lòng tin ở một thắng lợi chắc chắn. Đừng bao giờ quên rằng quần chúng chỉ có thể động viên được nếu có một tổ chức mạnh để lãnh đạo, và đảng nào thì quần chúng cũng chỉ động viên được trong một thời gian ngắn. Một cuộc nổi dậy của quần chúng hoặc giành được thắng lợi nhanh chóng hoặc sẽ thất bại, kiên trì không phải là một đức tính của quần chúng.

Một lần cho tất cả phải ý thức một cách thật rõ rệt rằng khi chưa có một tổ chức mạnh thì mọi cố gắng vận động quần chúng đều vô ích, cùng lắm chỉ gây được tiếng vang nhất thời và sau đó để lại sự thất vọng. Xây dựng một tổ chức chính trị đúng nghĩa đòi hỏi một cố gắng dài hơi trong hàng thập niên, nhưng là điều kiện bắt buộc. Trong hơn ba thập niên qua chúng ta đã cố tránh điều cốt lõi này, đã cố đi tìm những đường tắt nên đã chẳng đạt được thành tựu nào đáng nói. Nếu vào năm 1975, hay ngay cả sau khi bức tường Berlin sụp đổ năm 1989, chúng ta dám có can đảm nhận diện và xắn tay áo giải quyết vấn đề cốt lõi này thì đất nước đã có dân chủ rồi. Chúng ta đã tránh né thay vì đối đầu với khó khăn cho nên khó khăn vẫn còn đó. Tuy vậy chúng ta không phải bắt đầu từ số không bởi vì trong thời gian đó cũng đã có những người nhìn đúng và hành động đúng, họ đã đi được một đoạn đường quan trọng, cố gắng của họ chỉ cần được đẩy mạnh thêm.

Năm 2008 sẽ là một năm thuận lợi cho cuộc vận động dân chủ, năm 2009 và những năm kế tiếp sẽ còn thuận lợi hơn, nhưng một tình thế dù thuận lợi đến đâu cũng cần được vận dụng đúng. Phải khẩn cấp thay đổi cách suy nghĩ và hành động./.

Chia sẻ ý nghĩ đầu năm 2008

Phạm Hồng Sơn

Đạo diễn Lê Hoàng đang thực hiện bộ phim *Thủ tướng* để trình chiếu trong dịp Tết nguyên đán Mậu Tý sắp tới. Theo những thông tin hành lang cho biết, bộ phim sẽ đưa ra một hình mẫu Thủ tướng trẻ tuổi với những trọng trách quốc gia nhưng không thiếu những ham muốn, suy tư « tầm thường » của con người.

Qua những gì mà Lê Hoàng đã trình bày trên sân khấu, trên màn ảnh và những bài phiếm luận..., khán giả hy vọng sẽ được chia sẻ những cách nhìn thực tế, những kỳ vọng hữu ích về một nguyên thủ quốc gia cho Việt Nam, bên cạnh yếu tố thư giãn của nghệ thuật thứ bảy. Với bối cảnh thực tế hiện nay của đất nước đang bị lâm nguy trước giặc ngoại xâm và những kim hãm, mưu tính của giặc nội xâm, khát khao cho đất nước Việt Nam có những nguyên thủ có đủ phẩm chất cần có để đưa đất nước vượt qua sự lâm nguy hẳn không chỉ là đề tài cho những sáng tác nghệ thuật.

Cách đây vài năm cũng đã có một cuộc thăm dò không được công bố (?) tại Việt Nam cho thấy thần tượng của giới trẻ đã nghiêng nhiều về mẫu hình của một vị tổng thống Mỹ. Cho dù nước Mỹ không phải là toàn bộ thế giới, nhưng những dấu hiệu trên đây, là một thực tế không thể phủ nhận, cho thấy nhận thức chính trị của thế hệ trẻ Việt Nam đã phần nào vượt qua hệ thống chính trị hiện thời để hướng ra bên ngoài và vấn đề « kinh bang tế thế » quốc gia không thể chỉ là chuyện riêng của các vị « vua » hay bất cứ « đội tiên phong » tự xưng nào.

Những cuộc xuống đường của giới trẻ tại Hà Nội và Sài Gòn để phản đối Trung Quốc xâm lấn trong tháng cuối năm 2007 vừa qua, cho dù đã bị kim hãm, ngăn trở, cũng nói lên tư duy chính trị của thế hệ trẻ Việt Nam đã cảm thấy chật chội và bức bối với không gian chính trị hiện tại. Việc giải tỏa những bức bối chính trị luôn là một nhu cầu tự thân của bất kỳ hệ thống nắm quyền nào và giải pháp duy nhất đúng chính là sự sáng suốt giảm áp lực bằng việc mở rộng không gian cho những bức bối đó, thay vì sai lầm hay ấu trĩ dẫn đến việc đè ép những bức bối để phải đối phó với những áp lực tất yếu lớn hơn. Sự gia tăng áp suất với mọi nghĩa đều là nguy hiểm cho tất cả mọi người. Rất mong những vị đang giữ quyền lực trong hệ thống chính trị Việt Nam hiểu nhận định này như một qui luật.

Năm mới 2008 đã bắt đầu bằng những ngày đầu tiên với những tia nắng chan hòa trên khắp đất nước, khác hẳn với những ngày đầu năm đã qua. Theo truyền thống của mọi dân tộc, đón một năm mới không gì tốt lành bằng nhìn vào tương lai với một niềm lạc quan tựa trên một lòng quyết tâm và một tinh thần cầu thị mở rộng, sẵn sàng thu nhận những tinh hoa của loài người, vượt lên trên nỗi mặc cảm, sự đố kỵ, hẹp hòi cá nhân hay dân tộc chủ nghĩa. Với tinh thần đó, xin chân thành gửi tới các vị đang giữ những trọng trách quốc gia của đất nước Việt Nam và quý bạn đọc, bài biên dịch sau đây :

Bản lĩnh nguyên thủ

Nước Mỹ có thể sẽ rất khác nếu không có những tổng thống có bản lĩnh.

Không một điều khoản nào trong bản Hiến pháp nước Mỹ qui định dân Mỹ phải chọn một người có bản lĩnh nguyên thủ làm tổng thống. Nhưng mong muốn về bản lĩnh nguyên thủ ở một tổng thống đã được tạo dựng từ thời George Washington. Vào năm 1795, vị anh hùng già cả của nước Mỹ lo ngại về việc người Anh có thể bóp nghẹt quốc gia non trẻ của mình bằng cách gia tăng chiến tranh ở phía bờ biển Đại tây dương và kích động các thổ dân da đỏ chống lại những người lập cư tại Mỹ. Để ngăn chặn nguy cơ đó, G. Washington đã phái John Jay sang London nhằm đàm phán một hiệp ước hòa bình. Rất nhiều người dân Mỹ đã nhìn nhận sự nhượng bộ trong Hiệp ước Jay (Jay's Treaty) là sự nhục nhã. Nhiều hình nộm của Jay đã bị đốt cháy. Một số người dân Mỹ còn kêu gọi luận tội Washington tại Quốc hội và thậm chí còn có cả kêu gọi ám sát Tổng thống. Ngay tại vùng Virginia yêu dấu của G. Washington, nhiều cựu binh của G. Washington còn phẫn nộ: «*Tướng Washington, hãy chết đi!*». Sau đó, Washington đã về hưu vào năm 1797 với sự khinh thị chưa từng có của dân chúng. Martha Washington, phu nhân Tổng thống, đã cho rằng sự đau khổ này đã góp phần đưa đến cái chết của G. Washington hai năm sau đó.

Tháng Tám năm 1864, các cố vấn lãnh đạo chiến dịch tranh cử tổng thống của Abraham Lincoln đã nói với A. Lincoln rằng ông không còn cơ may nào để chiến thắng trong cuộc bầu cử tổng thống vào tháng Mười một năm đó, vì nhiều cử tri ở miền Bắc mặc dù vẫn quyết tâm chiến đấu để giữ miền Nam ở lại trong Liên hiệp (Union) nhưng họ lại không muốn trả tự do cho các nô lệ. Nhiều người đã dứt khoát khuyên Lincoln phải từ bỏ bản Tuyên ngôn giải phóng (nô lệ) năm 1863, để lấy lại sự ủng hộ của số cử tri đó. Tuy cũng đã bị nghiêng ngả chút ít bởi ý tưởng đó, nhưng sau khi đã nhìn sâu vào lương tâm mình, Lincoln đã quyết định rằng «*Tôi thà làm theo lương tâm còn hơn làm một Tổng thống*». Và đúng như những gì đã xảy ra, với thắng lợi giành lại được vùng Atlanta đúng thời điểm vào tháng Chín do tướng William Tecumseh chỉ huy, Lincoln đã đắc cử Tổng thống nhiệm kỳ hai. Cuối cùng, Lincoln đã đạt được cả hai: vừa là con người của lương tâm, vừa là Tổng thống. Nhưng Ông lại không thể tránh được âm mưu ám sát của kẻ hận Ông đã giải phóng các nô lệ.

Năm 1940, khi Franklin D. Roosevelt chuẩn bị kêu gọi nhân dân Mỹ cho một cuộc đối đầu lớn với sự nguy hiểm từ Adolf Hitler, các cộng sự của Ông đã nhắc Ông rằng nước Mỹ vẫn ở ngoài cuộc chiến và sự táo bạo như thế có thể sẽ làm hỏng chiến dịch tranh cử tổng thống nhiệm kỳ ba của Ông. Nhưng Roosevelt đã vượt qua lời khuyên đó và thực hiện một cuộc tổng động viên quân sự ngay trong thời bình lần đầu tiên trong lịch sử nước Mỹ, chỉ đúng một tuần trước cuộc bầu cử năm 1940 diễn ra. Vị Đại sứ Mỹ tại London, Joseph Kennedy, theo trường phái biệt lập (isolationist), khi đó đã nói thẳng với Roosevelt: «*Ngài hoặc sẽ ra đi như một người vĩ đại nhất trong lịch sử, vĩ đại hơn cả Washington hay Lincoln, hoặc sẽ như một chú lừa vĩ đại*». F.D.Roosevelt đã đáp lại rằng «*đã có một lựa chọn thứ ba*»: nếu không tăng cường sức mạnh phòng thủ của nước Mỹ, Hitler có thể thống trị cả thế giới và «*Tôi có thể phải ra đi như một tổng thống của một quốc gia hèn yếu*».

Tổng thống John F. Kennedy là người đã từng ủng hộ phong

trào đòi Quyền dân sự và Hội nhập các chủng tộc vào nước Mỹ vào những năm 1950 và chính ông là người đã can thiệp để thủ lĩnh phong trào đòi Quyền dân sự - Mục sư da đen Martin Luther King được ra khỏi tù sớm. Nhưng trong suốt hai năm rưỡi đầu tiên nhậm chức tại Phòng Bầu dục (Oval Office), John F. Kennedy không dám chuyển dự luật quan trọng về các Quyền Dân sự (civil-rights bill) cho Quốc hội phê duyệt. Cho tới khoảng tháng Năm năm 1963, khi các cuộc xung đột đã trở nên trầm trọng ở thành phố Birmingham tiểu bang Alabama, Tổng chưởng lý (Bộ trưởng tư pháp) Robert Kennedy đã cảnh báo thẳng thừng với Tổng thống - anh trai mình - là các thành phố khác, đặc biệt là ở miền Bắc cũng sẽ bị rối loạn nếu không hành động sớm. John F. Kennedy đã phản ứng ngay bằng việc trình dự luật giá trị nhất trong suốt một thế kỷ về Quyền dân sự cho Quốc hội. Hành động đó của John F. Kennedy ngay lập tức đã bị trả giá bằng việc mất sự ủng hộ của các cử tri da trắng tại miền Nam, những người đã rất dấn đo khi bầu cho John F. Kennedy trong cuộc bầu cử năm 1960. Cuối cùng JFK (John F. Kennedy) đã nói với người em trai rằng Ông ta «*có thể bị thua trong lần bầu cử tới vì vấn đề này,*» nhưng Ông vẫn cương quyết «*Nếu chúng ta cần phải ra đi, chúng ta sẽ ra đi cùng với nguyên tắc của đạo lý.*»

Tổng thống Ronald Reagan là người từng được mệnh danh là «*kẻ chống cộng*» quyết liệt, là người khởi xướng ý tưởng phòng thủ trong không gian để đối trọng lại với nguy cơ chiến tranh hạt nhân từ khối xã hội chủ nghĩa, đứng đầu là Liên-Xô. Nhưng khi phát hiện ra Gorbachev là người thực sự muốn tìm kiếm hòa bình cho thế giới, Ronald Reagan đã không ngần ngại thúc đẩy việc trao đổi với Liên-xô, chấp nhận sự nổi giận của các nhân vật ủng hộ cứng rắn của mình, những người đã gọi Ronald Reagan khi đó là «*kẻ dẫn độn yếu đuối*».

Không một ai trong số các Tổng thống kể trên là vị thánh, tất cả họ là những chính trị gia đều có những mối lo lắng, ưu tư về bản thân, đều cố tránh phải xuyên qua những «*đám lửa*».

Nhưng nếu không có sự bản lĩnh nguyên thủ có tên là Lincoln, chắc rằng Hợp chúng quốc Hoa Kỳ đã bị tan rã.

Nếu không có sự bản lĩnh có tên FDR, đất nước Hoa Kỳ đã không thể vượt qua nổi những đổ nát, tàn phá do Hitler và đế chế Nhật Bản gây ra, và sự thiếu đi bản lĩnh của Kennedy cùng với cuộc cách mạng đòi Quyền dân sự có thể đã xé nát cả đất nước Hoa Kỳ.

Nếu không có sự quyết đoán của Ronald Reagan khi quan hệ với Gorbachev, bức tường chia cắt Berlin chắc đã không thể sụp đổ vào ngày 09 tháng 11 năm 1989 và hàng trăm triệu người dân tại đông Âu vẫn chưa thể biết đến những tự do và phúc lợi như những gì mà Liên hiệp châu Âu (EU) hay hiệp ước Schengen đang mang lại.

Trên hết, nếu không có George Washington phải chịu đau khổ cho tới lúc chết, nước Mỹ chưa chắc đã có một truyền thống bản lĩnh nguyên thủ của tổng thống. Nhưng Washington đã hiểu rằng tất cả những gì mà Ông làm trên cương vị là một tổng thống sẽ tạo ra một truyền thống cho những tổng thống kế tiếp. Ông hy vọng rằng sự ủng hộ can đảm của Ông đối với Hiệp ước Jay sẽ chuyển thông điệp cho những người kế vị Ông rằng không việc gì phải sợ hãi khi ta hành động vì lợi ích quốc gia.

Phạm Hồng Sơn (Hà Nội)

Nguồn : Michael Beschloss «*A president's ultimate test*», Newsweek, 14-5-2007 & tư liệu ngoài.

Luân lý và chính trị

Tôi xin giới thiệu vài tư tưởng của Hồng y Joseph Ratzinger (nay là Giáo hoàng Biển Đức 16) trong cuốn sách "Những giá trị trong một thời đại hỗn loạn" (*Values in a time of upheaval*) có thể ích lợi cho sự xây dựng nền tảng chế độ dân chủ Việt Nam tương lai.

Nhiều người thường nói "Tổ quốc trên hết", hay "Quốc gia trên hết". Nhưng theo Ratzinger thì tổ quốc cũng như quốc gia không phải là một quyền uy tối thượng. Quyền uy của quốc gia phải được đặt dưới sự chỉ đạo của một nền đạo đức và luân lý biết tôn trọng nhân phẩm của con người và phân biệt được thiện ác. Nếu không thì những người cầm vận mệnh của quốc gia, tức là vua chúa hay các nhà lãnh đạo, sẽ lợi dụng uy quyền tuyệt đối của quốc gia để áp bức dân chúng.

Cũng có nhiều người cho rằng trong một thể chế dân chủ, đa số quyết định những luật lệ có lợi cho toàn thể xã hội và như vậy không cần một luân lý chỉ đạo. Nhưng nếu đa số bị cưỡng ép phải tuân theo một tư tưởng triết lý - chủ nghĩa - nào mà mình không ưa thích hay tôn trọng, thì tự do bị xâm phạm và nguyên tắc dân chủ bị hủy bỏ. Nếu không có những căn bản luân lý về việc tôn trọng nhân phẩm và công bằng, dù cho chế độ được đa số ủng hộ, thì quyền sống của các nhóm thiểu số có thể bị chà đạp trong một thực tại hữu hình hoặc vô hình của độc tài của đa số, như đã nhiều lần diễn ra trong lịch sử nhân loại (lịch sử của dân da đen ở Hoa Kỳ là một ví dụ).

Hơn nữa ta khó có thể phủ nhận rằng đa số đôi khi có thể bị lầm lẫn, ngay cả trong những vấn đề quan trọng, làm cho nhân phẩm và nhân quyền không còn được bảo đảm nữa và tự do mất hết ý nghĩa của nó. Thế kỷ 20 vừa qua đã cho thấy các nhà chính trị hoạt đầu có thể dùng những chính sách mỵ dân lèo lái đa số để thực hiện những ý đồ đen tối của mình (như Mussoloni, Hitler và Stalin), đưa đến những hậu quả thê thảm cho toàn thể nhân loại.

Nhiệm vụ chính của chính trị là đặt quyền lực dưới tiêu chuẩn của luân lý và luật lệ, và như vậy quy định việc dùng quyền lực một cách có ý nghĩa. Không phải luật của kẻ mạnh hay của nhà cầm quyền phải được thượng tôn, mà chính pháp luật phải được đề cao. Quyền lực phải được dùng để phục vụ pháp luật. Một uy quyền không đếm xỉa gì đến pháp luật và luân lý thì nó không còn là một uy quyền chính đáng nữa; đó chỉ là bạo quyền. Muốn cho đời sống của xã hội được an toàn thì phải loại bỏ những gì gây sự nghi ngờ cho pháp luật và những quy định của nó. Như vậy thì mới tránh được cách cư xử độc đoán của chính quyền và tất cả mọi người mới thực sự có tự do. Một nền tự do không có pháp luật và luân lý phân minh sẽ đưa đến hỗn loạn, và tự do sẽ bị tiêu diệt.

Luật pháp phải được lập ra dựa trên những nguyên tắc luân lý. Một xã hội tốt đẹp không thể đưa ra những đạo luật trái với luân lý, ví dụ như cho phép giết hoặc loại bỏ một hạng người nào đó. Luật pháp cũng phải được lập ra

với sự tham gia của mọi người, qua những đại biểu chính đáng của họ (quốc hội dân chủ). Như vậy uy quyền mới được chia sẻ và thể hiện một cách hợp lý và công bằng, nhân quyền của mọi người mới được bảo đảm.

Tự do đòi hỏi chúng ta phải tôn trọng luân lý. Luân lý tự nó không có quyền lực nhưng chúng ta phải hiểu rằng chỉ có luân lý mới có sức mạnh thực sự để thăng tiến con người. Tự do đòi hỏi những chính phủ và những ai có trách nhiệm phải tôn trọng một thực thể không có một chút khả năng ép buộc nào: đó là luân lý. Chế độ độc tài Đức quốc xã cũng như cộng sản đã không xem một hành động nào tự nó là độc ác và vì thế luôn luôn vô luân. Bất cứ hành động nào phục vụ cho mục đích của phong trào hay của đảng đều được tổ chức phát-xít và cộng sản ca ngợi, dù cho nó vô nhân đạo và tàn nhẫn đến đâu mặc lòng.

Nhiệm vụ của chính quyền là điều hòa đời sống của con người trong xã hội, tạo nên một thể cân bằng giữa tự do và luân lý, giúp cho mỗi cá nhân sống một đời sống xứng đáng. Ta cũng có thể nói chính quyền bảo đảm luật pháp. Đó là một điều kiện tiên quyết của tự do và việc chia sẻ phần thịnh. Cai trị là một phần nhiệm vụ của chính quyền, nhưng sự cai trị này không chỉ là thi thố quyền hành mà là bảo đảm nhân quyền của mỗi cá nhân và phúc lợi cho mọi người.

Chính quyền không có nhiệm vụ hay khả năng biến thế giới thành thiên đường. Nếu chính quyền hành xử như là Thiên Chúa (nghĩa là xem mình có uy quyền tuyệt đối chẳng khác Trời, Phật hay Đấng Tối Thượng) thì nó sẽ trở thành con ác quỷ của địa ngục. Chính quyền phải tỏ ra mình là cơ quan gìn giữ sự thật và công lý. Chính quyền phải là kẻ giám hộ trung thành của trật tự, giúp cho mọi người sống an lành trong xã hội. Chúng ta phải tuân theo một chính quyền như vậy. Tuân thủ luật pháp không làm chúng ta mất tự do, nhưng làm cho tự do được bảo đảm. Nhưng nếu chính quyền tự xem mình như Thiên Chúa và đơn phương quyết định cái gì là lẽ phải hay chân lý thì nó sẽ phá hủy con người bằng cách chối bỏ nhân tính của họ. Chúng ta không có bổn phận phải tuân phục một chính quyền như vậy. Đó là chưa nói đến những chính quyền tham nhũng hay dùng vũ lực để áp bức dân chúng. Họ không còn là một chính quyền chính đáng nữa, mà chỉ là một băng đảng.

Chính quyền tự nó không phải là nguồn gốc của chân lý và đạo đức. Nó không có quyền tạo ra chân lý bằng một chủ nghĩa nhân danh dân chúng, chủng tộc, giai cấp hay một thực thể nào khác. Nó cũng không thể sản xuất ra chân lý qua đa số. Quyền lực của chính quyền không phải là tuyệt đối.

Mục tiêu của chính quyền không phải là để bảo vệ một nền tự do không có những nguyên tắc luân lý rõ rệt. Để gây dựng một trật tự thỏa đáng cho đời sống xã hội, chính quyền cần phải tôn trọng một chân lý và một nền luân lý tối thiểu và không được tùy tiện áp dụng hay không áp dụng chúng. Nếu không, chính quyền sẽ chỉ ngang hàng với một băng đảng trộm cướp.

Nguyễn Mừng (Champaign, NC)

Tại sao có quá nhiều ý kiến mà lại không có được kết luận ?

Trần Bảo Lộc

Tháng 10 năm nay (2007 là đúng một nửa thế kỉ các nhà kĩ thuật Nga đã phóng một trái cầu kim loại có đường kính nửa mét lên không gian. Trái cầu này cân nặng 80 kí, được trang bị 4 ăng-ten và có tên là Sputnik (tiếng Nga có nghĩa là "bạn").

Chỉ sau vài tháng thì Sputnik đã bị cháy trong bầu khí quyển. Nhưng thời kì không gian đã bắt đầu. Và nó cũng là khởi đầu của một chuỗi biến cố không thể lường trước làm cho cuộc sống của những người sống trên trái đất thay đổi một cách mãnh liệt. Vì Sputnik đã đưa đến Internet, đến e-mail, đến Google và đến thế giới ảo ba chiều của trò chơi trên mạng mang tên Second Life.

Sputnik đã là cú "sốc" đối với người Mỹ: người Nga hình như đã tiến xa hơn là họ nghĩ. Ngay lập tức người Mỹ đã lập chương trình để khôi phục lại vị trí kĩ thuật siêu việt của họ. Một trong những phương cách quan trọng nhất để thực hiện việc này là phải thiết lập một hệ thống mạng thông tin cho quân đội thật kiên cố để việc tấn công bằng bom nguyên tử của Nga không thể huỷ diệt được. Như vậy không thể là một hệ thống mạng với một trung tâm điện thoại mà mọi đường dây đều tụ về đó và chỉ cần trúng một trái bom là tất cả bị huỷ diệt. Không thể được, phải là một mạng lưới nhện có dây và các chỗ nối ngang dọc giúp dây này sẽ có thể làm thay dây kia để kẻ địch không thể biết đâu mà phá và do đó không có một trung tâm rõ ràng.

Đó là một ý tưởng vô cùng hữu ích cho thế giới vì cái gì tốt cho quân đội Mỹ cũng rất hữu ích với các trường đại học và sau đó hữu dụng cho mọi người dân bình thường. Ngày nay đã có khoảng hơn một tỉ người trên thế giới có thể nhờ mạng lưới này liên hệ với nhau.

Internet đã trở thành phương tiện truyền thông cho mọi người trên trái đất. Vì vậy nó cũng là một phương tiện hữu hiệu cho việc tranh đấu đòi hỏi dân chủ của đối lập dân chủ. Nhờ nó đối lập dân chủ Việt nam có thể thông tin và thảo luận với nhau dễ dàng hơn. Qua internet chúng ta đã mở ra được nhiều cuộc thảo luận về nhiều vấn đề. Và nhiều khi hình như chúng ta bị tràn ngập các ý kiến. Đã có khi chúng ta nghĩ là những ý kiến khác nhau sẽ giúp chúng ta tìm ra chân lí như câu nói của người Pháp: "*Du choc des opinions jaillit la verité*" (Do va chạm ý kiến mà có được chân lí). Nhưng điều đó nhiều khi lại không phải như vậy. Và vì vậy đã khiến chúng ta phải đặt ra những câu hỏi. Có phải có lúc chúng ta chưa có đủ ý kiến? Thực sự những ý kiến chúng ta đưa ra đó muốn nói gì? Chúng có đi vào những sự kiện cụ thể không hay là lại làm cho chúng ta quên đi những sự kiện? Chúng có giúp chúng ta giải quyết được cái gì không?

Hãy theo dõi những thảo luận trên đài, báo chí và mạng internet. Nhiều khi chúng ta thấy là những quan điểm, những người phát biểu thường không soi sáng được điều gì mà chỉ làm cho tình trạng rối rắm thêm. Việc thảo luận về

những vấn đề xã hội đã không đưa đến một tiến bộ nào mà còn làm cho bị rách nát, bị phân cực và chẳng đưa đến một kết luận nào. Một thí dụ cụ thể về việc này là cuộc thảo luận mới đây trên trang web Thông Luận về bài viết "Thời điểm của một xét lại bắt buộc" của ông Nguyễn Gia Kiểng. Cuộc thảo luận này giống như một cuộc thảo luận để tranh hơn thua và tìm cách hạ nhục nhau. Nó đã chẳng giúp chúng ta đi đến một kết luận chung nào có thể làm cho đối lập dân chủ lớn mạnh hơn.

Tại sao lại như vậy? Lí do gì đã làm cho việc có nhiều ý kiến như vậy mà lại chỉ có ít kết quả như thế? Điều đó là do một số nguyên nhân.

Nguyên nhân thứ nhất là việc cá nhân hóa việc đóng góp ý kiến. Ngày nay các giáo hội, các đảng phái chính trị và các cơ quan tổ chức xã hội càng ngày càng không thành công trong việc thuyết phục người dân chấp nhận cái nhìn của họ về thế giới. Bởi vậy các công dân đã không còn dựa vào những thế giới quan chặt chẽ của các niềm tin ấy để có một cái nhìn về thế giới. Họ muốn tự mình tìm kiếm. Họ không muốn dựa vào những sơ đồ suy nghĩ đã được thử nghiệm của các giáo hội, đảng phái hoặc tổ chức xã hội mà đi từ những cảm giác và những cảm tình riêng của mình. Vì những cảm giác và cảm tình ấy không được sắp xếp rành mạch và không được hệ thống hóa rõ ràng nên việc đóng góp ý kiến trở thành cá nhân hơn, tình cảm hơn và thường gắn liền với thế giới sống riêng của mình.

Thứ theo dõi các cơ quan truyền thông báo chí ngoại quốc và các trang mạng Việt Nam. Chúng ta sẽ thấy là trong biển ý kiến ấy cũng có những chiếc phao chỉ dẫn. Đó là một đội quân "các nhà làm ra ý kiến" tự do, các nhà bình luận báo chí và các người điều khiển các chương trình thảo luận trên đài. Họ đang đưa ra cái nhìn của họ về thực tế cho việc truyền thông. Nhưng họ cũng chỉ hành xử dưới nhãn hiệu cá nhân. Trong các xuất hiện họ đều nhấn mạnh là các ý kiến đưa ra chỉ là các ý kiến thuần túy cá nhân và là một vấn đề cá nhân. Đó là một hình thức tự biểu lộ. Ý kiến luôn gây ra các ý kiến phản bác và một người góp ý muốn góp ý tiếp với người nói trước là một hiện tượng rất hiếm hoi. Người đọc nhiều bài bình luận và góp ý sẽ nhận ra hiện tượng này. Một số bình luận gia thường viết về ý kiến của người khác hơn là về các hiện tượng xã hội. Họ thường cùng nhau tranh luận và tạo ra một khối liên minh những người đối chọi nhau giúp nhau thực tập nghề nghiệp.

Việc cá nhân hóa việc đóng góp ý kiến còn được củng cố nhờ những ý kiến ấy thường nói về một cá nhân. Ông Bush còn được nhiều cảm tình của dân chúng không? Hiện nay ông Nguyễn Tấn Dũng có phải là người quyền lực nhất của đảng cộng sản không? Ông Nguyễn Gia Kiểng có phải là một người chống cộng thực sự không? Những câu hỏi

đại loại như thế này thường được đặt ra trong các buổi thảo luận. Đó là những câu hỏi có tính nóng bỏng. Cơ cấu và những vấn đề phát triển xã hội thường ít được đề cập đến trong việc đóng góp ý kiến này và vì vậy ít được sự chú ý hơn. Thay vào đó thì những ý kiến bất chợt thế chỗ cho những lí luận có suy tư kĩ lưỡng và các nhà chính trị không được đánh giá bằng những suy tư mà bằng cách trình bày của họ. Thí dụ cuộc thảo luận về bài viết "Thời điểm của một xét lại bất buộc" của ông Nguyễn Gia Kiểng. Trong cuộc thảo luận này người ta không đánh giá những suy tư của ông mà lại đánh giá cách trình bày của ông như bị quan, khiêu khích, trích thượng, dạy đời v.v.

Việc cá nhân hóa việc đóng góp ý kiến vì vậy đã đưa đến một cuộc thảo luận về cá nhân, rất ít tính xã hội. Người ta cũng quên là tranh luận có vận động riêng của nó. Đó là ý kiến đưa ra sẽ có những ý kiến phản lại. Và các người tranh luận, trước khi nhận ra, thường quên tất cả những gì chung quanh và tranh luận về chính các người tranh luận thay vì về sự việc. Trong đó tâm lí không dám chấp nhận mình đã sai và người tranh luận với mình đúng càng làm cho việc tranh luận về chính những người tranh luận trở thành kịch liệt hơn. Lại lấy thí dụ về cuộc thảo luận bài viết "Thời điểm của một xét lại bất buộc" của ông Nguyễn Gia Kiểng. Trong cuộc thảo luận này có những ý kiến đưa ra chỉ là những tưởng tượng về cá nhân ông Nguyễn Gia Kiểng như sáng uống cà phê, tối xem phim ảnh, hoặc xin lỗi thế cho ông. Những ý kiến như vậy không làm vấn đề sáng tỏ hơn và không giúp cho ta thấy đối lập dân chủ mạnh hay yếu như thế nào, các cách tranh đấu của người Việt tự do dân chủ đã đúng chưa hay chỉ là kiểu tranh đấu như "lên đồng" hoặc "đánh phèng la". Việc các người tranh luận không còn bị gó bó bởi một chủ nghĩa là một điểm thắng lợi nhưng nó chỉ thực sự được coi là thắng lợi nếu nó được hướng dẫn bằng lí luận xã hội thay vì bằng lí luận tâm lí. Trong một cuộc tranh luận xã hội thì cuộc sống cá nhân là một khởi điểm chỉ có giá trị hạn chế. Việc tuyệt đối hóa nó là một thảm họa.

Nguyên nhân thứ hai của cơn lũ ý kiến là việc dân chủ hoá việc đóng góp ý kiến, một cuộc giải phóng cảm giác dân chúng. Người ta không cần phải là một giáo sư đại học mới có thể có ý kiến và một ý kiến thông tin cũng có giá trị như một ý kiến được đúc kết từ nhiều suy tư và quan sát. Internet đã thúc đẩy việc dân chủ hóa việc đóng góp ý kiến một cách rất mạnh mẽ. Trên internet mọi người có thể có cả triệu khán giả và điều đó hình như là một kích thích rất lớn trong việc phổ biến những quan điểm về mọi vấn đề.

Ta thấy việc giải phóng cảm giác dân chúng ở khắp nơi và điều đó là nhờ hào quang của tính xác thực mà nó có. Chỉ có tôi mới là trung thực và chính xác vì đó chính là những cảm nhận của tôi với cuộc sống tôi đang trải qua.

Việc dân chủ hóa việc đóng góp ý kiến trong mọi trường hợp đều có những mặt trái của nó. Trước hết vì nó không phải là của một đảng phái hay tổ chức hiện hữu nên ảnh hưởng của nó tới xã hội không được lớn lắm. Các ý kiến thường có liên hệ tới một vấn đề nào đó và thường

là sản phẩm của một hình ảnh thế giới cá nhân. Người ta không thể thay đổi thế giới bằng một ý kiến. Còn cần nhiều thứ khác nữa : một dự án, những cộng sự viên, một phong trào. Điều đó người ta thường quên khi ngồi trước máy điện toán.

Tiếp theo vì do các thành phần khác nhau với những trình độ hiểu biết khác nhau phát biểu nên dễ rơi vào cảnh ông nói gà bà nói vịt. Và vì vậy nhiều khi vấn đề được đưa ra thảo luận không sáng sủa hơn mà lại trở thành mù tối và hỗn loạn hơn. Thí dụ việc thảo luận về bài viết "Kịch bản nào cho cuộc cờ này ?" của ông Nguyễn Gia Kiểng. Ý tác giả chỉ muốn làm một cuộc so sánh giữa đánh cờ và tranh đấu cho dân chủ. Trong đánh cờ thì phải biết các thế cờ để hạ đối phương và học cách để đưa đối phương vào những thế cờ ấy. Trong tranh đấu thì cũng phải biết các kịch bản để làm cho đối phương thua cuộc và học cách để đưa đối phương vào các kịch bản ấy. Đây không phải là một bài viết so sánh tương quan lực lượng hay bàn về các nguyên tắc đánh cờ như phải duy trì và bảo vệ từng quân cờ. Đây chỉ là một bài viết muốn cho thấy là : "để tranh đấu thành công thì phải đầu tư suy nghĩ và học tập". Không thể có tranh đấu thành công khi chỉ hành động theo bản năng tự phát hoặc chạy theo biến cố.

Điều đó không có nghĩa là những ý kiến cá nhân không quan trọng. Dù những ý kiến ấy bị các tổ chức chính trị hiện hữu hoặc báo chí không để ý tới, nhưng nếu có một cá nhân hoặc một nhóm nào đó có thể góp nhặt những ý kiến ấy rồi biết làm cho mình trở thành điểm hội tụ của những bất mãn xã hội thì những ý kiến ấy lại trở thành quan trọng và có sức công phá rất lớn. Bởi vì khối quần chúng có những ý kiến ấy sẽ nhận ra người này hoặc nhóm này là người hoặc nhóm đại diện cho họ mà họ cần phải ủng hộ. Trong thời đại hậu chủ nghĩa chúng ta thấy ở các nước phương Tây đã có nhiều nhà đầu cơ chính trị biết lượm lặt những ý kiến cá nhân rời rạc để biến nó thành ý kiến của tập thể.

Cho tới nay thì đảng cộng sản Việt Nam vẫn còn thành công trong việc ngăn chặn những ý kiến ngoài luồng lọt vào cơ chế đảng. Đảng vẫn cho là cơ chế của đảng rất bền vững khó thể bị phá vỡ. Những ý kiến cá nhân rời rạc chẳng có một trọng lượng nào. Nhưng trong thực tế những ý kiến cá nhân đang được nhiều người theo dõi kĩ lưỡng. Và một khi có tổ chức hoặc cá nhân biết thu lượm các ý kiến ấy và biết biến mình thành tụ điểm của những ý kiến ấy thì nó sẽ có sức công phá ghê gớm làm cho cơ chế đảng cộng sản bị phá vỡ, trừ khi đảng cộng sản cũng biết tiếp thu những ý kiến ngoài luồng ấy để tự thay đổi.

Nguyên nhân thứ ba là cơ quan truyền thông. Truyền thông tạo ra một sân chơi cho việc đóng góp ý kiến nhưng nó cũng giữ nhiệm vụ hối thúc. Sự kiện được trình chiếu trên màn ảnh dễ gây nhàm chán. Chỉ có sự kiện không thì không có người xem. Bởi vậy một khách được mời nói chuyện trên truyền hình cần cắt nghĩa một sự kiện gì mà phải kéo dài quá 10 giây thì người điều khiển chương trình và các vị khách được mời khác có vẻ khó chịu. Cho nên

nhiều người điều khiển chương trình hay cắt ngang lời người khách được mời với câu hỏi : "Nhưng ông/bà tìm thấy cái gì ở trong các sự kiện ấy ?".

Thực vậy, sự kiện trần trụi tự nó chưa nói lên điều gì. Sự kiện phải được giải thích và lồng trong một ngữ cảnh thì mới có ý nghĩa. Điều đó không phải dễ dàng, nhất là với những sự kiện dễ gây hiểu lầm hoặc xúc động. Ngoài ra cả truyền thông lẫn người đọc hoặc người xem đều gặp vấn đề "các điểm tựa để phán đoán bị phá sản". Trong việc giải thích và chỉ dẫn thì những sơ đồ suy nghĩ được tin tưởng trước đây không còn thích hợp nữa, vậy lấy gì làm điểm tựa để phán đoán và đâu là các tiêu chuẩn ?

Để giải quyết vấn đề này thì ngành báo chí đứng đắn đã tìm ra hai giải pháp.

Một là việc không tin tưởng có xếp đặt trước vào giới cầm quyền. Ông John Lloyd, tổng biên tập tờ *Financial Times* trong quyển sách *What the Media are doing to Our Politics*, xuất bản năm 2004, có nói : "*Both sides assume bad faith*" (cả hai đều có ý xấu). Trong một cuộc phỏng vấn với một giới chức thẩm quyền thì người đi phỏng vấn thường có ý nghĩ là mình sẽ bị giới chức thẩm quyền dẫn dụ hoặc lừa gạt vì họ cho là giới chức thẩm quyền luôn luôn chuẩn bị trước cho một cuộc chiến mà những người đi phỏng vấn có ưu thế hơn. Theo Lloyd thì không chắc chắn là có kết quả vì kĩ thuật để thu lượm được thông tin lại gây ra nhiều hỏa mù hơn. Lloyd có lí hay không, chúng ta còn phải chờ xem. Nhưng có một hậu quả không chối cãi được là có một lối suy nghĩ chống đối gây hấn, một bầu không khí mà những vấn đề chính trị dễ trở thành những vấn đề cá nhân và những ý kiến cũng như những hình ảnh giữ vai trò chủ động. Tình trạng đáng nản này thường thấy ở Mĩ. Chẳng hạn các "sô" thời sự của các đài truyền hình như *Fox News*, khách mời không được hỏi gì mà chỉ bị "xát xà phỏng".

Hai là để ngăn ngừa báo hoặc các chương trình thời sự trong thời đại hậu chủ nghĩa trở thành nhạt nhẽo không màu sắc, người ta đã tạo ra những chỗ để những người ngoài cuộc, dưới danh nghĩa cá nhân, trình bày ý kiến của họ về thế giới. Các mục bình luận, các trang ý kiến, các mục thư nhận được, các diễn đàn thảo luận trên mạng, các cuộc phỏng vấn và các cuộc tranh luận. Phương thức này được hầu hết các cơ quan truyền thông sử dụng với hậu quả là ở bất kì một trang báo, vào bất kì một trang mạng hay mở một đài phát thanh hoặc truyền hình nào thì đều gặp một người nào đó đang phát biểu ý kiến. Đôi khi cũng thấy thích thú nhưng thường thì chỉ thấy bức mình. Điều mà ta có thể thấy rõ ràng nhất là các chống đối trở nên dữ dội và sự đóng góp kiểu ấy chỉ được thế chỗ của bài mà một nhà báo không có thành kiến muốn dành cho để mong tìm các sự kiện đằng sau những ý kiến.

Như vậy chúng ta phải kết luận là có nhiều ý kiến được đưa ra nhưng vẫn không giúp chúng ta có được một cái nhìn rõ ràng hơn. Trái lại cái nhìn cá nhân trong nhiều bài bình luận chỉ gây ra phân cực và những giải pháp cá nhân của những người đưa ra ý kiến không đóng góp vào việc tìm ra một giải pháp chung. Thật là đáng tiếc vì đã có lúc

chúng ta nghĩ rằng sự va chạm ý kiến sẽ đưa đến một cái gì tốt hơn.

Vấn đề thứ hai là các ý kiến đã chiếm chỗ của các sự kiện. Các nhiệm vụ kinh điển của báo chí như mô tả, phân tích và giải thích đã bị thua những ý kiến được hình thành vội vã.

Vậy phải làm gì ? Lập một nắm mô để chôn việc đóng góp ý kiến ? Đó là một ý tưởng điên khùng. Hay có lẽ chỉ để cho những người ít thích "gáy" hơn làm khách mời nói chuyện ? Nên có ít các cuộc phỏng vấn trên đường phố ? Phải giảm bớt các bài bình luận mà kinh nghiệm cá nhân được coi là mẫu mực để phán đoán mọi việc ? Cần có nhiều người được phát biểu hơn ? Thỉnh thoảng nên có một kí giả sẵn sàng đi tìm sự thật ở đằng sau các ý kiến ?

Riêng với đối lập dân chủ Việt Nam thì còn nhiều câu hỏi nữa cũng cần phải được đặt ra. Đối lập dân chủ Việt Nam phải làm gì trước cơn lũ ý kiến ? Làm thế nào để việc đóng góp ý kiến giúp đối lập dân chủ Việt nam càng ngày càng đồng thuận ? Có cần tìm ra những cách phát biểu ý kiến để việc tranh luận bớt căng thẳng và không làm ai bị mất mặt ? Và như vậy đối lập dân chủ Việt nam có cần đầu tư suy nghĩ và học tập thêm về việc đóng góp ý kiến để các ý kiến đóng góp đem đến kết quả ?

Trả lời được các câu hỏi này thì rồi trong tương lai việc đóng góp ý kiến sẽ giúp soi sáng hơn là gây ra phân cực và mù tối. Đó là niềm hi vọng của đất nước và các thế hệ trẻ Việt Nam tương lai.

Lâm Đồng, ngày lễ Noel 25-12-2007

Trần Bảo Lộc

MUA BÁO

Gia nhập HVNHD

ABONNEMENT

Adhésion à VNFraternité

Họ (Nom) :

Tên (Prénom) :

Địa chỉ (Adresse) :

Mã số hành chính (Code postal).....

Thành phố (Ville) :.....

Điện thoại (Tél.) :

Tôi đăng ký (Je m'inscris) (*) :

mua / gia hạn mua báo (35 EUR/năm)
pour un abonnement / réabonnement (35 EUR/an)

gia nhập Hội Việt Nam Huynh Đệ
pour une adhésion à l'Association Vietnam Fraternité

(*) đánh dấu nếu CÓ, bỏ trống nếu KHÔNG
Cocher pour OUI, en blanc pour NON

Ngân phiếu (Chèque à l'ordre de) : **Vietnam Fraternité**

Gửi về địa chỉ (envoyer à l'adresse) : 7 Allée Bouleau Carreau -
77600 Bussy Saint Georges - France

Ngày (Date) :

Chữ ký (Signature).....

Đưa ra câu hỏi trên, ông Trần Bảo Lộc đã hỏi xoáy thẳng vô vấn đề làm sao để đổi lập dân chủ đi tới đồng thuận. Mùa hè vừa rồi có bài viết "Thời điểm của một xét lại bắt buộc" và "Kịch bản nào cho cuộc cờ này", ông Nguyễn Gia Kiểng đã có một cố gắng - chưa thành - để khởi động một cuộc đối thoại có thực chất về những vấn đề của đổi lập dân chủ để đưa phong trào dân chủ tiến xa hơn trước các đòi hỏi của tình hình mới. Trong khi giá trị thảo luận của hai bài viết trên vẫn còn nóng hổi và các vấn đề vẫn còn để ngỏ, thì vấn nạn làm sao để thảo luận và đóng góp ý kiến đi tới một số kết quả cụ thể - thu được một số giải pháp cho các vấn đề được nêu, có được một tầm nhìn và chương trình hành động mới nhờ sự đồng thuận - cần phải được mổ xẻ nghiêm chỉnh trong lúc này. Có thể coi bài viết này như một cố gắng thử trả lời câu hỏi nói trên. Cũng có thể coi nó như một ý kiến thảo luận trong thời gian chờ đợi trong khi phòng họp đang được chuẩn bị cho một buổi hội thảo lớn về các vấn đề mà ông Nguyễn Gia Kiểng đã nêu ra.

Thí nghiệm độc đáo của MacLean's

Đây là một thí nghiệm được *MacLean's* - tuần báo hàng đầu ở Canada - tiến hành và công bố kết quả trong số ngày 1 tháng Bảy 1991. Đây là thời điểm mà Canada phải đối mặt nghiêm túc với các vấn đề về hiến pháp, và cùng với nó vấn đề Quebec [1]. 12 người - không biết nhau, được lựa chọn một cách khoa học, đại diện cho những quan điểm chính khác nhau về sự thống nhất quốc gia - được mời tham dự một hội luận do *MacLean's* tổ chức và được điều phối bởi một nhóm chuyên gia giải quyết tranh chấp, đứng đầu là Roger Fisher, giáo sư luật ở Havard.

Mặc dù giữ chắc quan điểm của mình, mỗi người trong nhóm này quan tâm tới việc gặp gỡ những người có quan điểm khác. Khi được yêu cầu đạt đến một viễn kiến cho tương lai của Canada, chỉ trong vòng ba ngày cuối tuần làm việc cùng với nhau họ đã đạt được đồng thuận dưới dạng một phác thảo, cho dù họ chẳng thực sự lắng nghe quan điểm và kinh nghiệm của những người khác - vốn rất khác với của chính họ. Một kinh nghiệm thành công rất đáng để ý tới, nghiên cứu, và học hỏi.

Tiến trình đó xảy ra như thế nào ? Họ bắt đầu bằng một quyết định khác thường, hoàn toàn không đoán trước được : họ chọn ba đề tài rộng cho các cuộc thảo luận, chỉ một trong số đó liên quan tới các vấn đề hiến pháp. Cái kia là kinh tế. Và cái còn lại, theo cách gọi của họ là "sự hiểu biết lẫn nhau", mà theo họ là tâm điểm của cuộc khủng hoảng lúc đó ở Canada. Và ba đề tài đó nên được thảo luận cùng lúc. Cách tiếp cận của họ đã giúp đạt được bản "các gợi ý chung" để tái tạo hình ảnh về quốc gia.

Thành công này khẳng định một cái rất thiết yếu mà ban biên tập của *MacLean's* thấy thiếu vắng trong các cuộc tranh luận khắp nước - nhưng chẳng đi tới một kết quả nào - lúc đó : đối thoại có thực chất. Một diễn đàn cho các cuộc thảo

luận bổ ích giữa những người Canada có quan điểm khác nhau thực sự cần thiết.

Để đạt mục tiêu đó, *MacLean's* đã yêu cầu Decima Research, một công ty thống kê, nhận diện các lối nghĩ chính trong khuôn mặt tâm thế quốc gia lúc đó và cung cấp tên những người rơi vô các phân loại đó. Họ đã nhận diện được sáu nhóm : từ kiên quyết giữ vững liên bang, sang tìm kiếm thỏa hiệp, cho tới ly khai cứng rắn. Thông qua các cuộc phỏng vấn, họ chọn ra 11 người. Tất cả đều muốn bảo vệ quan điểm của mình và quan tâm đến gặp gỡ với người có quan điểm khác. Người thứ 12 là một người Canada thiếu số bản địa.

Cùng lúc, *MacLean's* tìm kiếm người điều phối để dẫn dắt nhóm tới các cuộc thảo luận có kết quả. Mọi lối đều chỉ tới các phương cách thực hành hiện đại để giải quyết xung đột, *Đề Án Đàm Phán Havard*. Roger Fisher, một giáo sư luật Havard, đã phát triển một lý thuyết "đàm phán theo nguyên tắc" có tính khai phá, trong đó sự tìm kiếm các quyền lợi chung thay thế cho những đòi hỏi không thể đàm phán được. Lối tiếp cận này tương phản với lối đàm phán truyền thống, vốn bao hàm cái xác tín là các bên tranh chấp phải bắt đầu cuộc hội thoại bằng các mục tiêu được tuyên bố cụ thể và rõ ràng cũng như các vị trí cuối cùng không được tuyên bố mà họ đã chuẩn bị để rút ngược trở lại. Fisher, lúc đó đã 69 tuổi, đã từng làm cố vấn hoặc tư vấn cho hơn một chục nước, gồm luôn cả Liên Xô, Nam Tư, Colombia, El Salvador và Nam Phi. Ông đã giúp chính quyền Mỹ soạn ra các thủ tục mà giúp dẫn tới hiệp ước Camp David giữa Ai Cập và Israel năm 1978. Fisher và hai đồng nghiệp nhận lời mời.

MacLean's không hề có tham vọng là những người tham dự sẽ cứu được đất nước. Tuy nhiên, các kết luận mà họ đạt được và cùng ký tên, đã chỉ ra một cách rõ ràng các vấn đề chính trị, kinh tế, xã hội khiến Canada bối rối. Đáng hy vọng hơn, chúng chỉ ra những cách mà những người đại diện này tin là các vấn đề đó có thể được giải quyết.

Trên đây chỉ là một cố gắng để cô đọng lại những gì đã được *MacLean's* mô tả. Để biết thêm chi tiết của cuộc thí nghiệm độc đáo này, xin đọc bài *Nhận Định của Người Dân* [2], bài *Một Cuối Tuần Bộc Trục* [3], và bài *Doanh Nghiệp Về Đạt Được Đồng Thuận* [4] đăng trong số báo đó. Toàn bộ số báo cho chủ đề này có thể được đọc ở <http://www.co-intelligence.org/S-Canadaadvsariesdream.html>.

Bài học của thí nghiệm độc đáo này là gì ? Một cuộc thảo luận theo một đường hướng khác hẳn với các phương cách truyền thống có thể dẫn các cá nhân ra khỏi các vị trí được giữ một cách cứng cỏi và vào trong các cố gắng được điều hợp để cùng định ra và bảo vệ các mối quan tâm chung. Kinh nghiệm của diễn đàn *MacLean's* cho thấy nếu có một cuộc đối thoại thực sự diễn ra ở cấp quốc gia, nó sẽ là một tiến trình hết sức hữu ích.

Tiến tới đồng thuận

Phương pháp mà Fisher sử dụng trong thí nghiệm

MacLean's chính là sự vận dụng và biến đổi chút ít của những gì mà ông mô tả trong sách *Tiến Tới Đồng Thuận : Thỏa Thuận Trên Bàn Đàm Phán Mà Không Phải Nhượng Bộ* [5], xuất bản năm 1983 cùng với William Ury. Trong sách này ông và Ury mô tả bốn nguyên tắc đàm phán hiệu quả, ba trở ngại đàm phán thông thường và thảo luận những phương cách để vượt qua nó. Theo Fisher và Ury, một thỏa thuận tốt là một thỏa thuận khôn ngoan, hiệu quả, và cải thiện được mối quan hệ giữa các bên. Các thỏa thuận khôn ngoan thỏa mãn quyền lợi của các bên và thường là công bằng và lâu dài. Thỏa thuận theo kiểu ngã giá không phải là một thỏa thuận khôn ngoan. Nó khuyến khích sự cứng đầu và có khuynh hướng làm hại mối quan hệ giữa các bên. Bốn nguyên tắc đàm phán của Fisher và Ury là :

1. Tách bạch rõ giữa người và vấn đề ;
2. Tập trung vô quyền lợi thay vì các vị thế ;
3. Sản ra nhiều lựa chọn khác nhau trước khi cùng thỏa thuận ;
4. Nhấn mạnh rằng thỏa thuận được đặt trên các tiêu chuẩn khách quan.

Các nguyên tắc này phải được tôn trọng ở mỗi bước đàm phán.

Tách bạch con người ra khỏi vấn đề. Điều này cho phép các bên nêu rõ vấn đề mà không làm tổn hại tới mối quan hệ. Các tác giả nêu ra ba vấn đề con người cơ bản. Thứ nhất là sự khác nhau trong nhận thức giữa các bên. Bởi vì phần lớn các tranh chấp là do cách diễn dịch thực tế khác nhau giữa các bên, nên việc hiểu rõ quan điểm của bên kia rất quan trọng. Cảm tính là nguồn thứ hai của vấn đề con người. Người ta thường phản ứng lo ngại hoặc giận dữ khi cho rằng quyền lợi của họ bị đe dọa. Coi thường các cảm xúc của người khác như là vô lý có khả năng gây nên các phản ứng còn đầy cảm tính hơn nữa. Bên này phải cho phép bên kia biểu lộ cảm xúc, và không nên phản ứng một cách đầy cảm tính trước các phát lộ cảm tính của bên kia. Truyền đạt là nguồn thứ ba của vấn đề con người. Ngay cả khi các bên lắng nghe lẫn nhau, hiểu lầm vẫn có thể xảy ra. Hiểu quan điểm của người khác không có nghĩa là đồng ý với họ. Nên nói trực tiếp và xoáy vào những gì muốn truyền đạt. Các bên nên tránh tấn công và kết tội lẫn nhau. Cách tốt nhất để đối phó với vấn đề về con người là ngăn ngừa để cho nó đừng có cơ hội trở dậy. Các vấn đề về con người ít có cơ hội xảy ra nếu các bên có được mối quan hệ tốt và coi bên kia như một đối tác hơn là đối thủ.

Chú mục vô quyền lợi. Định ra một vấn đề dựa trên vị thế thường dẫn tới sự hơn thua. Khi một vấn đề được định ra theo quyền lợi thì dễ tìm được một giải pháp thỏa mãn các bên. Bước đầu tiên là phải nhận diện rõ quyền lợi của các bên khi liên hệ tới vấn đề. Sau đó cùng tích cực thảo luận với nhau về quyền lợi để hướng tới một giải pháp thay vì vào các sự kiện đã xảy ra. Các bên nên có sự chú mục rõ rệt cho quyền lợi của mình, nhưng phải rộng mở trước các đề nghị.

Sản ra nhiều lựa chọn. Có nhiều lựa chọn hơn giúp mở rộng khả năng đàm phán. Có bốn trở ngại cho việc sản ra các lựa chọn có tính sáng tạo để giải quyết vấn đề : quyết định thiếu chín chắn và bỏ quên các lựa chọn khác ; dự tính thu hẹp các lựa chọn để có một câu trả lời duy nhất cho vấn

đề ; định ra vấn đề theo ngôn ngữ thẳng thua ; quyết định rằng tùy bên kia có muốn đi tới một giải pháp hay không. Bốn kỹ thuật được đề ra để khắc phục các trở ngại này : tách bạch tiến trình động não ra khỏi giai đoạn lượng định ; sự lượng định nên bắt đầu với các đề nghị nhiều hứa hẹn nhất ; chú tâm vào quyền lợi chung ; và nhận diện những người có quyền quyết định và hướng các đề nghị thẳng tới họ.

Sử dụng các tiêu chuẩn khách quan. Các quyết định đặt căn bản trên các tiêu chuẩn hữu lý khiến các bên dễ đồng ý hơn và giữ được mối quan hệ tốt. Bước đầu tiên là phải định ra các tiêu chuẩn khách quan. Các bên phải đồng ý các tiêu chuẩn nào là tốt nhất cho tình huống. Các tiêu chuẩn phải hợp pháp lẫn thực dụng. Có ba điểm cần giữ trong đầu khi sử dụng các tiêu chuẩn khách quan : mỗi vấn đề nên được tiếp cận như một sự tìm kiếm chung cho các tiêu chuẩn khách quan ; các bên phải giữ cho đầu óc rộng mở ; những người đàm phán không bao giờ chịu nhượng bộ trước áp lực, đe dọa, hoặc mua chuộc.

Khi một bên mạnh hơn. Có những cách để bảo vệ bên yếu hơn, và giúp bên yếu sử dụng tốt nhất khả năng của mình. Thường các nhà đàm phán cố gắng thiết lập một "đường đáy", vốn là những gì được coi như kết quả tệ nhất có thể chấp nhận được, để bảo vệ bên mình. Thay vào đó, bên yếu hơn nên tập trung vào lượng định một giải pháp thay thế tốt nhất so với một thỏa thuận có được nhờ đàm phán. "Bạn đàm phán để có được những gì tốt hơn cái kết quả mà bạn có được khi không cần đàm phán," các tác giả lưu ý. Quyền lực trong đàm phán cũng đến từ khả năng bước ra khỏi phòng đàm phán. Thường thì bên yếu hơn có thể lấy những bước đơn phương để cải thiện các giải pháp thay thế của mình đối với đàm phán. Bên yếu hơn phải nhận diện được các cơ hội tiềm tàng và lấy các bước đi để phát triển xa hơn các cơ hội đó. Fisher and Ury kết luận "phát triển các giải pháp thay thế tốt nhất không những cho phép bạn xác định những gì là một thỏa thuận tối thiểu có thể chấp nhận được, nó có lẽ sẽ nâng cao lên cái mức tối thiểu đó."

Khi một bên không sử dụng đàm phán theo nguyên tắc. Các tác giả đưa ra ba cách tiếp cận để đối phó với các đối thủ vẫn còn vướng trong lối ngã giá hơn thua. Thứ nhất, một bên cứ tiếp tục lối tiếp cận theo nguyên tắc. Hai tác giả lưu ý là lối tiếp cận này dễ lây lan. Thứ hai, bên theo nguyên tắc có thể sử dụng "nhu thuật đàm phán" để mang bên kia trở lại với các nguyên tắc. Cốt lõi là từ chối ăn miếng trả miếng. Nói chung bên theo nguyên tắc nên sử dụng các câu hỏi và sự im lặng chiến lược để kéo bên kia ra khỏi não trạng của họ. Thứ ba, một bên thứ ba có thể được mời tới làm trung gian đàm phán và thảo ra các đề nghị theo các yêu cầu của hai bên. Khi bên ba cảm thấy không thể cải thiện các đề nghị thêm được nữa, các bên phải quyết định hoặc chấp nhận đề nghị hoặc hủy bỏ đàm phán.

Khi một bên chơi bẩn. Đôi khi một bên sử dụng những mánh lới vô đạo đức hoặc không dễ chịu để có được lợi thế trong đàm phán. Cách tốt nhất để phản ứng đối với các chiến thuật lừa lọc đó là công khai nêu vấn đề lên trong cuộc đàm phán, và tiến hành đàm phán theo nguyên tắc để thiết lập các nguyên tắc thủ tục nền tảng cho cuộc đàm phán.

Ở đây cần nhấn mạnh tới các chiến thuật lừa lọc mà các tác giả liệt kê ra và phương thức đối phó chúng. Một là chiến

thuật nói láo có tính toán. Cách tốt nhất để chống lại là tìm kiếm sự thẩm tra tuyên bố của các bên. Một loại thông thường khác là chiến tranh tâm lý, chẳng hạn như tạo một môi trường đầy stress, tấn công cá nhân, hoặc đe dọa. Với cái đầu, nhận diện các yếu tố có vấn đề và yêu cầu phải thay đổi hợp lý. Thường nhận diện công khai các đòn tấn công cá nhân với bên tấn công sẽ giúp đặt dấu chấm hết cho các hành động đó. Làm ngơ trước các đe dọa nếu được. Hạng cuối cùng là các chiến thuật gây áp lực lên vị thế để sắp xếp các cuộc đàm phán mà theo đó chỉ một bên buộc phải nhượng bộ. Hoặc họ từ chối đàm phán, hoặc dùng ngay sự tham dự của mình để làm giá. Bên theo nguyên tắc phải nhận thức được đây chỉ là chiến thuật ngả giá, và điều tra tại sao họ từ chối đàm phán. Hoặc họ mở đầu bằng cách ra giá thiệt cao, hoặc họ nâng cao thêm các đòi hỏi của mình cho mỗi nhượng bộ mà họ chịu. Bên theo nguyên tắc phải công khai nhận diện các trò này và cho các bên tham dự một cơ hội liệu họ muốn đàm phán trong các điều kiện như thế không. Nhiều bên cũng có thể cố đưa ra các cam kết dứt khoát cho một vị trí nào đó hoặc cho các đề nghị kiểu hoặc phải lấy hoặc bỏ. Bên theo nguyên tắc phải coi chúng chỉ như là những đề nghị hoặc các mối quan tâm được biểu lộ, phải kiên quyết rằng các đề nghị phải được đánh giá bằng chính nội dung của nó và đừng ngăn ngại chỉ ra các trò lừa lọc.

Trên đây chỉ là một cố gắng cô đọng lý thuyết thực hành đàm phán ẩn dằng sau thí nghiệm của *MacLean's*, dựa trên bài tóm tắt sách của Fisher và Ury. Để có một cái nhìn rộng rãi hơn về phương pháp, các ví dụ khác, cùng các vấn đề liên hệ, xin mời đọc trang web của Conflict Research Consortium, Viện Đại Học Colorado, Hoa Kỳ.

Một đề nghị

Số lượng các diễn đàn do đối lập dân chủ Việt Nam lập ra lâu nay cũng khá nhiều. Chúng cung cấp chỗ cho những người nãng nổ chính trị phóng lên các ý kiến, các suy nghĩ, các phàn nàn, đôi khi cùng là chỗ cho một số người tham dự xả các đôn nén hoặc uất ức nữa hoặc đơn giản chỉ là "gáy". Lướt qua các diễn đàn đó, ta có thể thấy ngay sự tranh cãi rất là nhiều, rất hăng say, có nhiều lửa, nhưng - rất tiếc - rất thiếu những cuộc thảo luận có phẩm chất. Hoặc, nhiều khi, có một số cố gắng để mở ra các cuộc thảo luận có phẩm chất, nhưng hầu như đều tàn lụi sau một thời gian. Nguyên nhân chính là chúng ta thiếu sự đối thoại có thực chất và một phương pháp để dẫn dắt đối thoại đi đến đồng thuận. Những phương thức thảo luận hoặc đàm phán truyền thống dựa trên kinh nghiệm, cảm tính tỏ rõ bị phá sản trước các đòi hỏi này. Hậu quả là đối lập dân chủ có rất nhiều nhóm khác nhau, manh mún, tập hợp lại với nhau vì có cùng một cách tiếp cận vấn đề, cùng kinh nghiệm, hoặc chỉ đơn giản là cùng một não trạng. Trên bình diện rộng, khôn ngoan cá nhân chưa có được cơ hội để tích hợp lại thành trí tuệ tập thể. Chúng ta rất thiếu những tổ chức có tính đa dạng, có khả năng thu hút sự ủng hộ từ các bộ phận khác nhau trong xã hội. Với tình trạng như vậy, việc hình thành một mặt trận dân chủ để tạo đối trọng với chế độ độc tài hậu toàn trị có lẽ vẫn còn là một giấc mơ, cho dù tình hình mới đòi hỏi điều đó ngày một cấp bách.

Nếu chỉ được dùng một từ để đánh giá *Thông Luận*, tôi

sẽ không ngần ngại dùng ngay từ "tiên phong". Tôi tin rằng kinh nghiệm và lý thuyết thực hành được mô tả trên không hoàn toàn xa lạ với *Thông Luận*, một tổ chức được hình thành từ các cuộc thảo luận dựa trên những suy nghĩ và đối thoại có thực chất. Tôi tin rằng kinh nghiệm của *MacLean's* có thể được *Thông Luận* đem áp dụng thành công cho những cơ hội thảo luận với các nhóm bên ngoài tổ chức. Trong tư cách một cơ quan truyền thông, *Thông Luận* hoàn toàn có thể làm được các thí nghiệm như *MacLean's* đã làm.

Có một số trở ngại kỹ thuật, nhưng hoàn toàn có thể giải quyết được. Trong thời đại internet, việc tổ chức một diễn đàn cho các cử tọa từ những vùng địa lý rất phân tán có phần dễ hơn so với những khó khăn *MacLean's* phải đối mặt trước đây. Một diễn đàn công khai, được quảng bá rộng rãi, và trực tuyến là điều hoàn toàn có thể có được trong tầm tay. *Thông Luận* có thể tổ chức một diễn đàn cho các cá nhân bình thường trước, để làm cơ sở nghiên cứu, học tập và rút kinh nghiệm trước khi tổ chức một diễn đàn chính trị thật sự để thảo luận và giải quyết các vấn đề lớn hơn giữa các đảng phái và tập hợp chính trị. Với sự trợ giúp của các chuyên gia, có lẽ không khó để nhận diện các kiểu mẫu suy nghĩ trong đối lập dân chủ và lựa chọn các người đại diện thích hợp cho các mẫu đó để mời tới diễn đàn. Tôi cũng tin rằng sẽ có không ít các chuyên gia về lĩnh vực đàm phán và quản lý tranh chấp sẵn lòng hợp tác trong một dự án có tính cách tiên phong như thế cho Việt Nam. Tôi cũng tin rằng *Thông Luận* sẽ có được sự ủng hộ từ các cơ quan truyền thông độc lập khác, và có được sự ủng hộ tài chính cần thiết.

Để tạo một cú đột phá, một sự dẫn dắt bằng ví dụ rất cần thiết. Nếu một diễn đàn cho những cá nhân có tính đại diện bình thường thành công trong việc đạt tới một đồng thuận, đó sẽ là một sự khích lệ, một kho kinh nghiệm quý báu, và một tác động hướng dẫn công luận to lớn. Không lý gì những người bình thường có thể đối thoại có thực chất được thông qua điều hợp hợp lý để đạt tới những đồng thuận trong những vấn đề cụ thể, còn giới hoạt động chính trị - đại diện thực của các khuynh hướng - thì không. Chúng ta đã từng có nhiều lý do để bi quan vì nhiều tính cách của mình dường như chống lại việc đi tới các thảo luận có thực chất và đồng thuận, và chúng ta sẽ có lý do để lạc quan về triển vọng đồng thuận nếu thí nghiệm này thành công.

Đây chỉ là những ý nghĩ có được từ đọc những bài của ông Nguyễn Gia Kiểng và ông Trần Bảo Lộc, và từ sự tìm hiểu riêng. Có thể thấy ngay đề nghị này vẫn còn ở dạng phác thảo, một đôi chỗ có phần thiên về ao ước, và đòi hỏi thêm nhiều động não cho hoàn chỉnh và khả thi; tuy nhiên, tôi hy vọng *Thông Luận* sẽ đón nhận đề nghị này.

Dallas, 1-1-2008

Đình Khiêm

- [1] Mary Janigan, "Cội rễ của Xung Đột". *MacLean's*. July 1, 1991.
- [2] Robert Marshall, "Nhận Định của Người Dân". *MacLean's*. July 1, 1991.
- [3] Bruce Wallace, "Một Cuối Tuần Bộc Trục". *MacLean's*. July 1, 1991.
- [4] Anthony Wilson-Smith, "Doanh Nghiệp về Đạt Được Đồng Thuận". *MacLean's*. July 1, 1991.
- [5] Roger Fisher and William Ury, "Getting to Yes: Negotiating Agreement Without Giving In". (New York: Penguin Books, 1983). Bản tóm lược của Conflict Research Consortium

Nền tảng của cuộc vận động dân chủ

Ô Xuân Minh

Chúng ta muốn thay đổi lịch sử : độc tài và lạc hậu thành dân chủ và phồn vinh. Mọi cuộc đấu tranh thay đổi lịch sử đều rất khó khăn. Đối với Việt Nam, ngoài chế độ độc tài còn có di sản lịch sử và văn hóa, thất vọng và chán nản, tâm lý nóng vội và chủ quan. Những khó khăn này vừa hỗ trợ cho chế độ độc tài vừa là môi trường thuận lợi cho các tập đoàn thời cơ. Muốn vượt thoát, phải nhận rõ nền tảng của cuộc vận động dân chủ.

Mọi chế độ chính trị đều xây dựng trên, và được bảo vệ bởi, hệ thống giá trị của nó. Nếu hệ thống giá trị đối thì chế độ không thể tồn tại. Hệ thống giá trị mới sẽ áp đặt sự chuyển hóa về dân chủ và nó là nền tảng của cuộc vận động dân chủ.

Muốn thắng chế độ đang cầm quyền có đủ mọi phương tiện và tham vọng, đối lập dân chủ - mà vũ khí chỉ là lẽ phải và lương tâm - phải được đại khối dân tộc đồng tình và ủng hộ. Hậu thuẫn này chỉ có thể có nếu xây dựng được một đồng thuận dân tộc.

Đồng thuận này không thể là sự căm thù chế độ. Không thể xây dựng một quốc gia hòa bình và ổn định trên hận thù. Nó cũng không phải chỉ là sự chán ghét chính quyền độc tài tham nhũng. Đồng thuận dân tộc cần có, và phải có, là đồng ý với nhau về một chế độ chính trị mới, về một dự án tương lai chung và về phương thức xây dựng tương lai đó. Nghĩa là đồng thuận trên một dự án chính trị.

Tuy nhiên, trong một quốc gia độc tài không thể phổ biến một dự án chính trị đến với mọi người. Điều có thể thực hiện là vận động xây dựng phần cốt lõi của nó : *một hệ thống giá trị mới cho một nước Việt Nam mới*. Một đồng thuận dân tộc sẽ được thành hình trên nền tảng những giá trị đó và sẽ đưa cuộc vận động dân chủ đến thành công. Có nhiều lý do.

Trước hết, một hệ thống giá trị mới có khả năng vận động quần chúng. Xã hội Việt Nam hiện nay là một xã hội khủng hoảng và bế tắc. Người dân phần uất nhưng phải cam chịu luôn lách vì không thấy, hay không tin vào, một giải pháp khác. Nhiệm vụ quan trọng nhất hiện nay là làm sao để người dân thấy, và tin vào, một giải pháp vừa tốt cho quốc gia vừa tốt cho chính họ. Giải pháp đó trước hết là xây dựng một hệ thống giá trị tiến bộ.

Trong đời sống hàng ngày không thiếu những sự việc chứng minh rằng tất cả những tệ nạn đã nảy sinh vì những giá trị tiến bộ không được tôn trọng : vụ việc mất đất và mất biển ; dân oan ; tham nhũng ; chênh lệch giàu nghèo khủng khiếp ; thanh niên, sinh viên và học sinh không có tương lai ; nhiều thành phần dân tộc bị bỏ rơi ;...

Mọi lúc, mọi nơi đều có những thí dụ cụ thể để nhắc nhở hay giải thích : một xã hội chỉ có thể mang lại phúc lợi và phẩm giá cho mọi người nếu được xây dựng trên một hệ thống giá trị tiến bộ.

Thứ hai, đây là một cuộc vận động có nội dung. Nghĩa là có đường lối và lý thuyết. Mỗi giá trị tiến bộ là một khái niệm đã được thử nghiệm và đã chứng tỏ sự cần thiết của nó. Thế giới cho thấy mọi xã hội tiến bộ đều được xây dựng trên nền tảng của những giá trị tiến bộ. Hiến pháp, luật pháp, cách điều hành nhà nước, cách tổ chức xã hội, các biện pháp kinh tế trong các quốc gia văn minh đều chỉ là sự thể hiện của những giá trị tiến bộ.

Hơn nữa, một hệ thống giá trị được hỗ trợ bởi những lý luận hợp lý và gắn bó với nhau là một hệ tư tưởng. Quốc gia nào cũng cần có tư tưởng cả. Một quốc gia không có tư tưởng không khác một con thuyền trôi dạt, không định hướng. Cần lưu ý đến tầm quan trọng của tư tưởng. Karl Marx đã nhận định : *"tư tưởng sẽ trở thành sức mạnh vật chất"*. Đây là một nhận định đúng : chế độ cộng sản đã thắng tại nhiều quốc gia nhờ được hỗ trợ bởi tư tưởng mácxít.

Như đã trình bày trước đây : tất cả chủ nghĩa chính trị đều lỗi thời, kết quả của nó chỉ là bạo lực và chuyên chế. Hệ tư tưởng cần có cho Việt Nam không phải là một hệ tư tưởng kín và cứng nhắc của chủ nghĩa. Hệ tư tưởng cần có là một hệ tư tưởng mở, luôn được cập nhật để phù hợp với thời đại và được áp dụng một cách uyển chuyển theo nhu cầu của xã hội hay chọn lựa của người dân. Đây là một hệ tư tưởng được xây dựng trên một hệ thống giá trị tiến bộ. Nó là sản phẩm của sự kết hợp và thỏa hiệp tối ưu giữa những giá trị cần thiết cho mỗi giai đoạn (1).

Thứ ba, tạo môi trường thuận lợi cho công cuộc xây dựng dân chủ. Mục đích của chúng ta là xây dựng một quốc gia dân chủ và phồn vinh. Giải thể chế độ độc tài cộng sản chỉ là một điều kiện cần, không phải là một điều kiện đủ. Nếu không có một môi trường thuận lợi cho dân chủ, một chế độ độc tài khác sẽ tiếp tục lũng đoạn quốc gia. Cần phải tránh sự lặp lại của lịch sử.

Thế kỷ trước chống thực dân và kết quả là gánh ách độc tài với một cuộc chiến dài đầy thảm khốc. Đó cũng là thế kỷ mà những khái niệm hòa bình, tự do, dân chủ, nhân quyền đã bị lạm dụng hay không được coi là những giá trị cơ bản của xã hội.

Thế kỷ này chống độc tài cộng sản và kết quả là có thể bị khống chế bởi một liên minh Tiền-Quyền. Liên minh này có thể chấp nhận một chế độ dân chủ hình thức - kiểu Châu Mỹ La Tinh trước đây, hay tương tự như Nga hiện nay với tình trạng tệ hại hơn (2) - nhưng sẽ đàn áp dân chủ thật sự để bảo vệ quyền lợi của họ. Họ xây dựng quyền lực trên sự yếu kém của đối lập dân chủ và nhất là trên sự chán nản hay hoang mang của người dân. Liên minh này sẽ hủy hoại tiềm năng vươn lên của quốc gia và Việt Nam có nguy cơ vĩnh viễn là một trong những quốc gia nghèo nàn và chậm tiến nhất. Chỉ có sự ngự trị của một hệ thống giá trị tiến bộ mới có thể tránh được cho Việt Nam nguy cơ này.

Có nhận định cho rằng dân trí Việt Nam còn thấp nên

khó có dân chủ. Nếu dân trí được hiểu là trình độ hiểu biết của người dân thì dân trí của người Việt Nam hiện nay cao hơn rất nhiều so với những dân tộc khác khi họ bắt đầu có dân chủ. Nhưng nếu được hiểu là sự gắn bó với những giá trị đúng và sự quyết tâm làm chủ đất nước mình thì nhận định của Phan Chu Trinh cách đây gần một thế kỷ vẫn còn có tính thời sự. Chúng ta thiếu một đội ngũ trí thức dũng cảm quyết tâm phát huy và bảo vệ các giá trị dân chủ. Xây dựng, và bảo vệ, một hệ thống giá trị tiến bộ là điều kiện tiên quyết để có, và để bảo đảm, dân chủ.

Thứ tư, mọi người đều có thể đóng góp vào cuộc vận động này. Những giá trị mà chúng ta muốn xây dựng là những giá trị phổ cập, luôn hiện diện trong đời sống của mọi xã hội. Mọi người đều muốn có hòa bình, tự do, dân chủ và nhân quyền; đều thấy sự cần thiết của bình đẳng, nhà nước pháp trị, liên đới, đối thoại, hợp tác, lợi nhuận và môi trường.

Vận động cho những giá trị này có thể là đưa ra những nhận xét rất cụ thể và thực tế trong đời sống hàng ngày: nếu có dân chủ thì đã không có "dân oan"; nếu có tự do thì đã không có tù nhân chính trị; nếu có nhân quyền thì đã không bị sách nhiễu, khủng bố; nếu không có độc tài thì quốc gia đã không tụt hậu và đã bảo vệ được lãnh thổ và lãnh hải; nếu có liên đới thì chúng ta có thể bảo vệ được quyền lợi hay phẩm giá của mình; ...

Cũng có thể là phát biểu những nhận định về bối cảnh đất nước, về phương cách hành xử của chính quyền hay của các tổ chức chính trị; có thể là phân tích về tình hình thế giới hay đề nghị các giải pháp xây dựng một quốc gia dân chủ và phồn vinh; cũng có thể là đóng góp xây dựng một triết lý chính trị hay một hệ tư tưởng mới; và tích cực hơn, tham gia vào một tổ chức dân chủ đứng đắn. Nói chung, mọi người, tùy theo vị thế và sáng kiến của mình, đều có thể đóng góp cho cuộc vận động này.

Thứ năm, rất khó chống lại cuộc vận động xây dựng một hệ thống giá trị tiến bộ. Những giá trị mà chúng ta muốn xây dựng là những giá trị *hòa bình, tự do, dân chủ, bình đẳng, nhân quyền, nhà nước pháp trị, đối thoại, hợp tác, lợi nhuận, môi trường và liên đới* (3). Đây là những giá trị đã được thế giới công nhận và bảo vệ. Chống lại hệ thống giá trị này là chống lại trí tuệ và lương tâm của nhân loại. Chắc chắn sẽ bị thế giới kết án, đặc biệt đối với một quốc gia đã là thành viên của Hội Đồng Bảo An Liên Hiệp Quốc.

Chống lại hệ thống giá trị này cũng là phản bội lý tưởng xây dựng một xã hội công bằng và văn minh mà rất nhiều người cộng sản đã hy sinh vì lý tưởng đó. Trong trường hợp này, đảng cộng sản sẽ phân hóa và chế độ sẽ bị cô lập ngay trong nội bộ của đảng cộng sản.

Chính quyền này cũng không có một lý do nào để buộc tội những người tham gia cuộc vận động này vì chính họ không thể phủ nhận những giá trị đó. Đây là một nỗ lực xây dựng chứ không phải đánh đổ: nếu chính quyền chấp nhận hệ thống giá trị mới này thì rất có thể họ sẽ được người dân tín nhiệm vào vai trò lãnh đạo quốc gia. Đây là một cuộc vận động vì tương lai, vì lẽ phải và vì lương tâm. Nó có thể được thực hiện trên quy mô quốc gia và chắc

chắn sẽ được hỗ trợ bởi trào lưu tiến bộ của nhân loại. Nó có một sức mạnh lớn, các chế độ độc tài chỉ có thể nhượng bộ hay bị đào thải.

Những thập niên trước đây ít ai cho rằng chế độ độc tài cộng sản có thể tồn tại cho đến ngày hôm nay. Họ vẫn còn cầm quyền vì đối lập dân chủ tụt nát và vì người dân thất vọng, chán nản. Các chế độ độc tài không muốn gì hơn là người dân thờ ơ với chính trị. Không có hậu thuẫn của quần chúng, thì dù với thời cơ thuận lợi, đối lập dân chủ cũng không thể thắng. Xây dựng một đồng thuận dân tộc là trọng tâm của cuộc vận động dân chủ hiện nay. Một đồng thuận vừa cần có, và phải có, cho Việt Nam, vừa có nhiều khả năng thực hiện nhất là xây dựng một hệ thống giá trị tiến bộ. Nó là nền tảng của cuộc vận động dân chủ.

Võ Xuân Minh (Paris)

1. "Bản chất của cuộc vận động dân chủ", Võ Xuân Minh, *Thông Luận* số 220, tháng 12-2007.
2. "Người trí thức Nga nói gì về nước Nga của Putin?", Trần Thế Nguyên, www.thongluan.org, 22-12-2007.
3. "Dự Án Chính Trị Dân Chủ Đa Nguyên 2001 - Thành Công Thế Kỷ 21", trang 51, Paris, 2001.

TỔ QUỐC ẮN NĂN

NGUYỄN GIA KIỂNG

Có sửa chữa và bổ túc, thêm lời tựa cho lần in thứ hai.

Liên lạc: Nguyễn Gia Kiểng - 11 Mail Le Corbusier, 77185 Lognes, France - Email : kqhh@aol.com

Giá bán (đã kể cước phí bưu điện):

- Tại châu Âu: 30 Euro, chi phiếu xin đề: **Nguyễn Gia Kiểng**, và gửi về địa chỉ như trên.

- Tại Hoa Kỳ: 35 USD, chi phiếu xin đề: **Nguyễn Văn Hiệp**, và gửi về địa chỉ: 1332 Land Grant Road, Charlotte, NC 28217, USA.

- Tại Úc: 50 AUD, chi phiếu xin đề: **Thu S. Duong**, và gửi về địa chỉ: Sơn Dương, 3/118 Rosmore Avenue, Punchbowl, NSW 2196, Australia.

Tổ Quốc Ắn Năn đã là cuốn sách chính luận gây thảo luận sôi nổi nhất trong ba năm qua, ở cả trong lẫn ngoài nước.

Quý độc giả có thể giới thiệu với những người không đọc được tiếng Việt tìm mua bản dịch *Tổ Quốc Ắn Năn* ra tiếng Anh:

**Whence... Whither...
VIETNAM ?**

do giáo sư Nguyễn Ngọc Phách dịch và xuất bản.

Sách dày 366 trang, bìa màu vàng, giấy láng, khổ 17x26cm. Giá bán: **35 EUR** hay **35 USD** (đã kể cước phí bưu điện).

Tìm mua sách, độc giả có thể liên lạc với đại diện Thông Luận tại các địa phương, hay liên lạc với:

- Ông **Nguyễn Ngọc Phách**: 7/29 Robe Street, Saint Kinda, VIC 3182, Australia. Tel/Fax: 613 9537 2531. Email: evennp@malc.org.au

TỰ DO BÁO CHÍ Ở VIỆT NAM !

- Bố ơi ! Hôm nay con lại muốn tranh luận với bố về tự do báo chí ở Việt Nam nhân vụ Hoàng Sa và Trường Sa đây.

- Sao ? Anh thấy có gì không ổn à ?

- Vâng ! Báo chí ta thì im lặng nhưng báo chí nước ngoài đang ầm ĩ vụ Hoàng Sa và Trường Sa lên đấy.

- Ôi dào, chuyện Hoàng Sa và Trường Sa ấy à ? Chuyện "nhỏ như con thỏ" mà. Từ từ rồi đảng ta sẽ tìm cách giải quyết được thôi.

- Thưa bố, tại sao trong lúc báo chí nước ngoài, rồi báo chí người Việt hải ngoại, rồi các trang Blog ngập tràn các thông tin về Hoàng Sa và Trường Sa thì báo chí trong nước lại im thin thít vậy bố ?

- Không được manh động con ạ. Mọi chuyện đâu rồi sẽ vào đấy, ta và Trung Quốc là hai người bạn, hai người anh em chí cốt nên có gì thì "đóng cửa bảo nhau" chứ cứ làm ầm lên là các "thế lực thù địch" lại tìm cách lợi dụng. Đấy, con thấy không, các cuộc biểu tình vừa rồi là do các "thế lực phản động" trong và ngoài nước kích động đó là bọn Việt Tân và Tập Hợp thanh niên dân chủ chủ mưu...

- Kia bố ! Sao lại "gấp lửa bỏ tay người" và khinh thường trí thức, sinh viên chúng con như vậy ? Đấy là do lòng yêu nước thôi thúc mọi người xuống đường biểu tình để phản đối Trung Quốc đấy chứ ?

- Yêu nước cái gì ? Đó không phải là việc của các anh. Việc đó đã có đảng và Bộ chính trị lo. Việc của các anh là lo học lấy cái bằng để sau này đi làm thuê cho bọn tư bản Châu Á da vàng mũi tẹt và nếu có rồi thì rủ nhau đi vũ trường mà "lắc".

- Bố coi thường chúng con quá đấy.

- Các anh biết gì mà xía vào chuyện của đảng. Đất nước này là do đảng ta "cướp" được từ tay bọn thực dân Pháp nên làm gì ? Cho ai ? Là việc riêng của đảng đấy nhé.

- Thưa bố, ông Võ Văn Kiệt từng bảo rằng "đất nước Việt Nam là của chung tất cả mọi người chứ không của riêng một ai, của một đảng phái hay một tôn giáo nào..." kia mà ?

- Ủ, nhưng trừ đảng cộng sản ra.

- Có lẽ đất nước này là của riêng của đảng cộng sản thật nên mấy người tham gia biểu tình khi chưa được đảng "cho phép" mới bị giải tán và làm khó dễ như anh Hoàng Hải là phóng viên tự do và chị Trang Hạ nhà văn phải không bố ?

- Con đã nhìn nhận ra sự việc rồi đấy. Mấy tên nhà báo "quèn" này nhằm nhò gì ! Tuy báo chí của đảng ta chưa ra thông báo chính thức nhưng sự việc đã được các tờ báo lớn nước ngoài như BBC đưa tin rồi đấy ! Con có biết việc gì không ? Đó là việc kỷ luật tờ báo điện tử lớn nhất Việt Nam là tờ *Vietnamnet* và tổng biên tập của nó, ông Nguyễn Anh Tuấn.

- Vì tội gì vậy bố ?

- Thì vì tội "cầm đèn chạy trước ô tô" chứ còn gì ! Ngay sau hôm biểu tình đầu tiên, ngày 9-12, tờ báo này đã cho đăng một bài viết rất nhạy cảm đó là bài "Sức mạnh đồng thuận Việt Nam : Nhìn từ Hoàng Sa - Trường Sa".

- Con chưa kịp đọc, thế bài đó viết gì vậy bố ?

- Nó đề cập đến hai vấn đề, thứ nhất là chỉ có người Việt

mới yêu thương và bảo vệ được nhau, tuy còn nhiều khác biệt nhưng phải đoàn kết lại để bảo vệ đất nước ; thứ hai là phải nhanh chóng làm cho Việt Nam phát triển và hùng mạnh về kinh tế xã hội, chỉ khi đó mới có thể tự bảo vệ được mình, chỉ yêu nước bằng miệng thôi không đủ...

- Một bài báo tuyệt vời như vậy mà sao ông Nguyễn Anh Tuấn và *VietnamNet* lại bị "trừng phạt" hử bố ? Họ nói quá đúng chứ còn gì nữa ?

- Có hai lý do để đảng ta "tung chuông" đánh *VietnamNet*, thứ nhất mấy vụ biểu tình vừa rồi đã gây tiếng vang lớn trong dư luận trong cũng như ngoài nước, khiến chính quyền Trung Quốc rất tức giận nên "khiến trách" đảng ta rất thậm tệ, nên đảng phải "thí tốt"...

- Ông này đâu phải là "tốt đen", ông làm tổng biên tập một tờ báo vào loại lớn nhất nước hơn 10 năm nay chứ ít gì ?

- Để bố nói tiếp đã ! Ủ thì cứ cho rằng ông này là "pháo" hoặc "mã", chứ nếu chỉ là "tốt" thì các đồng chí Trung Quốc không thể nguôi giận được. Cái thứ hai nữa là cái thằng *VietnamNet* này nó "hãng" quá. Nhiều vấn đề rất nhạy cảm trong cuộc sống xã hội Việt Nam luôn bị chúng nó phản ánh trên mặt báo. Bố đã nghe rất nhiều than phiền từ các "cụ" lớn trong Bộ chính trị. Đã có chỉ thị là phải "dạy" cho thằng *VietnamNet* này một bài học, và đây là một cơ hội...

- Con e rằng "gậy ông lại đập lưng ông", nếu lấy lý do vì tội "yêu nước" mà ra tay "trừng phạt" cánh báo chí thì lại "xôi hỏng bỏng không" ! Không khéo ông Nguyễn Anh Tuấn lại trở thành "anh hùng", một người "tử vì đạo"...

- Đúng là như vậy, vì thế quyết định cuối cùng về việc cách chức ông ta vẫn chưa được thông qua, có lẽ phải chờ dư luận lắng xuống một thời gian cái đã.

- Làm như thế, đảng cố tình đẩy một người tài năng vào ngõ cụt, vào thất vọng à ?

- "Gái có công chồng không phụ", nếu ông ta ngoan ngoãn im lặng và chấp nhận "chịu đòn" cho đảng thì mai đây đảng lại kiếm cho ông ta một chỗ "tươm tất", không chừng còn hơn. Còn nếu không thì đành "hy sinh" ông ta vậy, để thế chỗ ông ta luôn có một đồng người đang đứng chực, tuy nhiên tài năng thì có thể không bằng ông ta.

- Thế thì người tài sẽ bỏ rơi đảng hết chứ còn gì hử bố ?

- Yên tâm đi con ! Trí thức ta luôn là "phò chính thống" mà lại. Mà con thấy đấy, không mạnh tay với báo chí thì chúng nó đi tràn xuống cả lòng đường chứ chả không đấy à ? Vừa rồi đã xử hai nhà báo kỳ cựu là phó tổng biên tập của báo *Tuổi Trẻ* thế mà chúng nó có biết sợ đâu ? Lập pháp, Hành pháp, Tư pháp ta đều nắm được, không lẽ lĩnh vực báo chí vốn được mệnh danh là "quyền lực thứ tư" ta lại không nắm được à !

- Thưa bố, thế thì dân ta bao giờ mới biết được sự thật, biết được những gì cần biết hử bố ?

- Cái gì cần cho dân biết, đảng ta sẽ cho biết. Chứ biết hết mọi cái là không được. Dân ngu đảng mới dễ trị chứ con...

- Tại sao đảng lại sợ và cấm người dân biết hết mọi chuyện hử bố ?

- Biết nhiều khổ nhiều chứ có được cái gì đâu ? Cứ ăn no ngủ kỹ đi. Chuyện chính trị đã có đảng lo cho rồi...

- Thế thì con người sống khác gì con vật ?

- Được sống dưới chế độ xã hội chủ nghĩa ưu việt, con còn muốn gì nữa hử con ?

- ???

Việt Hoàng (Moskva)

Một cái nhìn về bộ quốc phòng của chế độ cộng sản Việt Nam

Nguyễn Văn Huy

Không nên ảo tưởng

Từ 20 năm trở lại đây đã có không biết bao nhiêu tin đồn về một cuộc nổi dậy của những tướng lãnh và sĩ quan cao cấp trong quân đội cộng sản Việt Nam chống lại chính quyền trung ương.

Bắt đầu từ 1987, khi ông Nguyễn Hộ cùng với một số cán bộ cựu kháng chiến như Tạ Bá Tòng, Nguyễn Văn Trấn... đứng ra xin lập Hội Những Người Kháng Chiến Cũ và phát hành tờ Truyền Thống Kháng Chiến nhưng không được chấp thuận, nhiều cán bộ cộng sản đã được gửi ra nước ngoài vận động ủng hộ một cuộc nổi dậy của một số tư lệnh quân khu và sư đoàn chống lại chính quyền trung ương. Kể từ đó tin đồn về một cuộc đảo chánh do một số tướng lãnh trong quân đội cầm đầu ngày càng đồn dập, nhất là vào những dịp kề cận các đại hội đảng 1986, 1991, 1996, 2001 và 2006. Tên tuổi nhiều nhân vật nổi tiếng được nêu ra như Kim Tuấn (Nguyễn Công Tiến), Trần Văn Trà, Trần Độ, Võ Nguyên Giáp, Nguyễn Nam Khánh... Gần đây hơn, nhiều cán bộ cộng sản được tung ra nước ngoài để truyền tai những cuộc nổi dậy tưởng tượng này, có người còn nói có bao nhiêu sư đoàn và bao nhiêu binh lính sẵn sàng chờ tín hiệu để nổi dậy. Kết quả là đã có rất nhiều cá đã cắn câu, nhất là tại Hoa Kỳ. Bây giờ những tin đồn loại này đã giảm đi nhưng thỉnh thoảng vẫn còn được một người liên quan đến guồng máy đảng và nhà nước nhắc đến.

Những người đưa ra các loại tin này muốn dò xét phản ứng của cộng đồng người Việt hải ngoại về những thay đổi chính quyền trong nước bằng biện pháp võ trang này như thế nào. Cách trình bày đã rất tình tiết khiến nhiều người tin những tin đồn này và cho đó là giải pháp khả thi nhất để thay đổi chính quyền toàn trị cộng sản một cách nhanh nhất, nếu không muốn nói là giải pháp tốt đẹp nhất mà mọi người mong muốn. Lý do là vì trước sự khống chế toàn diện xã hội của đảng cộng sản, lực lượng có khả năng đối đầu với guồng máy cầm quyền hiện nay chỉ có thể là quân đội. Vì theo lẽ tự nhiên, quân đội không đàn áp nhân dân và là lực lượng đủ sức đối đầu với công an bằng biện pháp võ trang khi cần. Không ai tin lực lượng công an tổ chức đảo chánh để thay đổi chế độ, vì công an thường được coi là công cụ bảo vệ chính quyền và đàn áp nhân dân. Càng khó tin hơn là các tổ chức đối lập hải ngoại thay đổi chế độ bằng đường lối võ trang. Nói chung, những tin đồn loại này thường hấp dẫn những người nóng vội, thiếu hiểu biết về hệ thống tổ chức của quân đội cộng sản Việt Nam, và ngành phản gián của công an lẫn quân đội đã lợi dụng sự thiếu hiểu biết này để gài bẫy những người nhẹ dạ vào tròng rồi bắt.

Trong thực tế, tổ chức của quân đội cộng sản Việt Nam là một trong những hệ thống nặng nề và chặt chẽ nhất thế giới. Nặng nề vì dựa theo hệ thống tổ chức của quân đội

Liên Xô cũ thời chiến tranh lạnh, nghĩa là rất đông đảo và rất giáo điều. Chặt chẽ vì mỗi đơn vị quân sự là một tổ chức không kẽ hở, người này theo dõi người kia và báo cáo thường xuyên lên cấp trên những đồng đội của mình. Thêm vào đó, trong mỗi đơn vị quân sự luôn luôn có sự hiện diện của một thủ trưởng chính trị, được gọi là chính trị viên (ở cấp đại đội và tiểu đoàn) hoặc chính ủy (ở cấp trung đoàn trở lên). Theo qui chế mới, chế độ "một thủ trưởng", tất cả những chính trị viên này giữ các chức vụ tham mưu trưởng và tham mưu phó trong từng đơn vị. Chính những thủ trưởng chính trị này mới là người lãnh đạo và điều khiển thực sự các đơn vị quân sự chứ không phải những tư lệnh hay chỉ huy được đề cử, và cũng chính họ thi hành và kiểm soát những quyết định và chỉ thị đến từ trung ương. Trong tất cả cơ quan và cơ sở của quân đội, bộ phận chính trị, gọi là bộ tham mưu và cục chính trị, lãnh đạo và đảm bảo sự thi hành các chính sách và đường lối của đảng cộng sản. Chính sự nặng nề và chặt chẽ này mà từ ngày thành lập năm 1945 đến nay chưa hề xảy ra một vụ nổi loạn hay chống đối nào trong quân đội. Khi hiểu rõ hệ thống tổ chức của quân đội cộng sản Việt Nam thì người ta sẽ thấy không làm gì có chuyện đảo chánh, vì một lý do giản dị là... không thể có.

Bộ quốc phòng và nhân sự lãnh đạo

Bộ quốc phòng là cơ quan trực thuộc chính phủ, có nhiệm vụ quản lý và điều hành quân đội nhân dân Việt Nam trên bình diện chiến lược, và thực hiện nhiệm vụ chiến đấu chống ngoại xâm, bảo vệ tổ quốc, phòng thủ quốc gia. Trụ sở đặt tại số 1, đường Nguyễn Tri Phương, Quận Ba Đình, Hà Nội.

Theo tổ chức của đảng cộng sản Việt Nam, bộ trưởng bộ quốc phòng thường là một quân nhân, hiện nay là đại tướng Phùng Quang Thanh (ủy viên bộ chính trị, phó bí thư đảng ủy quân sự trung ương, ủy viên Hội đồng quốc phòng và an ninh quốc gia). Trên nguyên tắc phụ tá bộ trưởng gồm 4 thứ trưởng cấp thượng tướng: Nguyễn Khắc Nghiên (tổng tham mưu trưởng, ủy viên thường vụ đảng ủy quân sự trung ương), Nguyễn Huy Hiệu, Phan Trung Kiên, Nguyễn Văn Đước; tất cả đều là ủy viên ban chấp hành trung ương đảng cộng sản Việt Nam. Trong thực tế, những người điều hành thực sự quân đội là chủ nhiệm 5 tổng cục: chính trị, kỹ thuật, tình báo, hậu cần và công nghiệp quốc phòng.

Bộ trưởng quốc phòng và các thứ trưởng có nhiệm vụ quản lý và điều hành bộ tổng tham mưu, 5 tổng cục và một số cơ quan chức năng trực thuộc. Về mặt lãnh thổ, bộ quốc phòng còn quản lý 8 quân khu. Tất cả các chỉ huy trưởng cấp cao thuộc bộ quốc phòng, các binh chủng, quân chủng và quân khu đều là ủy viên ban chấp hành trung ương đảng.

Trong thực tế, cơ quan lãnh đạo thực sự quân đội là “đảng ủy quân sự trung ương”, gọi tắt là “quân ủy trung ương”, được thành lập từ tháng 1-1946, gồm một số ủy viên ban chấp hành trung ương công tác trong quân đội và một số ủy viên ban chấp hành trung ương công tác ngoài quân đội, tất cả được đặt dưới sự lãnh đạo của bộ chính trị. Nhiệm vụ của quân ủy trung ương là đề xuất lên ban chấp hành trung ương đảng cộng sản những vấn đề về đường lối, nhiệm vụ quân sự và quốc phòng ; lãnh đạo mọi mặt trong quân đội.

Quân ủy trung ương còn trực tiếp và thường xuyên lãnh đạo Tổng cục chính trị quân đội là đơn vị huấn luyện tư tưởng và bảo vệ đường lối, chủ trương của đảng và nhà nước. Trong thực tế chính Tổng cục chính trị mới là cơ quan lãnh đạo quân đội vì nắm tư tưởng. Chủ nhiệm tổng cục này hiện nay là đại tướng Lê Văn Dũng, bí thư trung ương đảng cộng sản, cựu tổng tham mưu trưởng quân đội. Chủ tịch đảng ủy quân sự trung ương thường là tổng bí thư đảng cộng sản đương nhiệm, từ 2001 đến nay là tổng bí thư Nông Đức Mạnh ; chức phó chủ tịch quân ủy trung ương từ năm 1986 đến nay dành cho bộ trưởng bộ quốc phòng, hiện nay là đại tướng Phùng Quang Thanh. Hai vị này chỉ có hư vị.

Việc thành lập cơ quan lãnh đạo trực tiếp quân đội này gây ra khá nhiều tranh cãi trong nội bộ đảng cộng sản : bộ quốc phòng có vai trò gì trong cơ cấu tổ chức quân đội ? Chính vì không tìm ra được một giải thích rõ ràng , cơ quan này mang rất nhiều tên qua các thời kỳ. Đảng ủy quân sự trung ương được thành lập năm 1946 với tên gọi ban đầu là Trung ương quân ủy, sau đổi thành Tổng chính ủy (từ tháng 8-1948 đến tháng 5-1952), rồi Tổng quân ủy (tháng 5-1952 đến tháng 1-1961), Quân ủy trung ương (tháng 1-1961 đến tháng 12-1982), Hội đồng quân sự (tháng 12-1982 đến tháng 7-1985), từ ngày 4-7-1985 là Đảng ủy quân sự trung ương. Đây là một cơ chế chỉ có trong quân đội cộng sản và các chế độ độc tài nhằm kiểm soát tư tưởng và hành động của từng quân nhân (để tránh đảo chánh).

Trong hệ thống quân giai, các chức vụ cao nhất trong quân đội cộng sản là tổng tham mưu trưởng, chủ nhiệm tổng cục chính trị. Từ 2005 trở lại đây, trách nhiệm của từng chức vụ được qui định lại như sau :

- Các chức vụ bộ trưởng, tổng tham mưu trưởng, chủ nhiệm tổng cục chính trị có cấp bậc quân hàm cao nhất là đại tướng ;

- Chức vụ tư lệnh quân khu, tư lệnh quân chủng, tư lệnh bộ đội biên phòng có cấp bậc quân hàm cao nhất là trung tướng ; hiện nay quân hàm trung tướng và phó đề đốc hải quân do thủ tướng chính phủ kiêm phó chủ tịch Hội đồng quốc phòng và an ninh quốc gia ký quyết định phong cấp.

- Chức vụ tư lệnh quân đoàn, tư lệnh binh chủng có cấp bậc quân hàm cao nhất là thiếu tướng ;

- Chức vụ phó tư lệnh quân đoàn, phó tư lệnh binh chủng, sư đoàn trưởng có cấp bậc quân hàm cao nhất là đại tá ;

- Chức vụ lữ đoàn trưởng có cấp bậc quân hàm cao nhất là thượng tá ;

- Chức vụ trung đoàn trưởng, trung đoàn phó có cấp bậc

quân hàm cao nhất trung tá ;

- Chức vụ tiểu đoàn trưởng, tiểu đoàn phó có cấp bậc quân hàm cao nhất là thiếu tá ;

- Chức vụ đại đội trưởng, đại đội phó có cấp bậc quân hàm cao nhất là đại úy ;

- Chức vụ trung đội trưởng có cấp bậc quân hàm cao nhất là thượng úy.

Từ 1956 đến nay, quân đội cộng sản Việt Nam có 12 đại tướng, trong số 6 người hiện còn sống : Võ Nguyên Giáp (sinh 1911), Lê Đức Anh (1920), Nguyễn Quyết (1922), Phạm Văn Trà (1935), Phùng Quang Thanh (1949, đang tại chức) và Lê Văn Dũng (1945, đang tại chức) ; 33 thượng tướng, trong đó 5 người còn đương nhiệm : Nguyễn Huy Hiệu (1947), Nguyễn Văn Rinh (1942), Nguyễn Văn Được (1946), Phan Trung Kiên (1946), Nguyễn Khắc Nghiên (1951) ; 149 trung tướng, trong đó 43 người đang tại chức ; 293 thiếu tướng, trong đó 134 người đang tại chức.

Năm 1958, chế độ quân hàm mới chính thức được áp dụng rộng rãi và ổn định từ đó đến nay, trừ một vài thay đổi nhỏ. Hệ thống quân hàm sĩ quan Quân đội Nhân dân Việt Nam hiện nay có 3 cấp : Tướng, Tá, Úy, mỗi cấp có 4 bậc được phân theo số sao : Đại (4 sao), Thượng (3 sao), Trung (2 sao) và Thiếu (1 sao), riêng cấp Úy có thêm bậc Chuẩn úy (sĩ quan chuyên nghiệp). Dưới quân hàm sĩ quan là các quân hàm Học viên, Hạ sĩ quan và Chiến sĩ. Hạ sĩ quan (cấp sĩ) có 3 bậc : Thượng, Trung và Hạ. Cấp Binh (Chiến sĩ) có 2 bậc : Binh nhất và Binh nhì.

Cấp hàm Thượng tướng, Thượng tá và Thượng úy được quy định từ năm 1958. Cấp hàm Thượng tá bị bãi bỏ năm 1983 rồi được khôi phục lại từ năm 1992. Các cấp hàm có tên gọi riêng trong hải quân : Đô đốc (tương đương Thượng tướng), Phó Đô đốc (tương đương Trung tướng), Chuẩn Đô đốc (tương đương Thiếu tướng) được quy định lần đầu tiên trong Luật sĩ quan Quân đội Nhân dân Việt Nam ban hành ngày 31 tháng 12 năm 1981.

Quân nhân chuyên nghiệp là quân nhân có trình độ chuyên môn kỹ thuật nhất định cần cho công tác chỉ huy chiến đấu, do đó làm công tác chuyên môn nghiệp vụ dài hạn trong quân đội sau khi hoàn thành nghĩa vụ quân sự. Sĩ quan chuyên nghiệp không làm công tác chỉ huy, quản lý. Cấp hàm thấp nhất của sĩ quan chuyên nghiệp là Chuẩn úy và cao nhất là Thượng tá.

Quân hàm Quân đội Nhân dân Việt Nam có hai hình thức chính là quân hàm chính thức và quân hàm kết hợp. Quân hàm chính thức là cấp hiệu đeo ở trên vai áo. Quân hàm kết hợp là phù hiệu binh chủng kết hợp cấp hiệu đeo ở trên ve áo (còn gọi là quân hàm dã chiến). Sĩ quan chuyên nghiệp không đeo quân hàm kết hợp. Quân hàm Chuẩn úy không áp dụng cho sĩ quan chỉ huy.

Hiện nay Việt Nam có hai lực lượng võ trang : công an và quân đội. Trong quân đội có ba thứ quân : chủ lực (cơ động), địa phương (đồn trú) và dân quân-tự vệ. Trừ dân quân-tự vệ là lực lượng bán quân sự do địa phương quản lý, số còn lại là quân đội chuyên nghiệp và được tổ chức chính quy, đặt dưới quyền quản trị của bộ quốc phòng,

trong thực tế do đảng ủy quân sự trung ương lãnh đạo.

Cấp tổ chức của quân đội cộng sản Việt Nam từ thấp đến cao là tiểu đội, trung đội, đại đội, tiểu đoàn, trung đoàn, lữ đoàn, sư đoàn (trước đây gọi là đại đoàn). Cấp cao nhất là quân đoàn (tức binh đoàn), mỗi quân đoàn gồm nhiều sư đoàn và binh chủng riêng. Hiện nay trên toàn quốc có 10 quân đoàn là các quân đoàn 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 68, 34. Đây là quân chủ lực cơ động.

Từ cấp tiểu đoàn trở lên có ban chỉ huy gồm cấp trưởng, cấp phó, tham mưu trưởng và cấp phó phụ trách công tác chính trị, theo chế độ "một thủ trưởng". Trước đây, khi thực hiện chế độ "hai thủ trưởng", thì ngoài thủ trưởng quân sự (đại đội trưởng, tiểu đoàn trưởng...), từ cấp đại đội trở lên còn có thủ trưởng chính trị, được gọi là chính trị viên (ở cấp đại đội và tiểu đoàn) hoặc chính ủy (ở cấp trung đoàn trở lên). Trong chế độ một thủ trưởng, như tiểu đoàn trưởng, trung đoàn trưởng, lữ đoàn trưởng, sư đoàn trưởng, quân đoàn trưởng, chính trị viên là những tham mưu trưởng và cấp phó. Do đó, về tổ chức không có gì thay đổi, chỉ cách đặt tên là thay đổi. Những tham mưu trưởng và phó này mới là người lãnh đạo thực sự quân đội. Bộ tổng tham mưu mới là cơ quan lãnh đạo trực tiếp quân đội.

Những cơ quan chức năng trực thuộc bộ quốc phòng

Ngoài những binh chủng, quân đoàn, bộ đội biên phòng, bộ tư lệnh bảo vệ lăng Hồ Chí Minh, bộ quốc phòng còn quản lý 5 tổng cục, một số cơ quan chức năng trực thuộc và 8 quân khu.

Năm tổng cục

1. Tổng cục chính trị là cơ quan lãnh đạo tư tưởng và đường lối của đảng trong quân đội. Trong thực tế đây là cơ quan đầu não của quân đội cộng sản, trực thuộc chủ yếu vào đảng ủy quân sự trung ương chứ không phải bộ quốc phòng. Chủ nhiệm cơ quan này là đại tướng Lê Văn Dũng, ủy viên và bí thư ban chấp hành trung ương đảng cộng sản, các phó chủ nhiệm là các trung tướng Bùi Văn Huấn và Đàm Đình Trại. Cơ cấu tổ chức của tổng cục này rất chặt chẽ, gồm văn phòng tổng cục chính trị và các cục chính trị, tư tưởng-văn hóa, tổ chức, cán bộ, tuyên huấn, bảo vệ an ninh quân đội, dân vận và tuyên truyền đặc biệt, chính sách, ủy ban kiểm tra đảng, tòa án quân sự trung ương, viện kiểm sát trung ương, nhà xuất bản quân đội, bảo tàng lịch sử quân sự, viện lịch sử quân sự, trung tâm quản lý học viện và bồi dưỡng cán bộ, báo *Quân Đội Nhân Dân*, tạp chí *Văn Nghệ Quân Đội*, tạp chí *Quốc Phòng Toàn Dân*, thư viện, điện ảnh, truyền hình, phát thanh, nhà máy in, đoàn ca múa, đoàn kịch nói, trường đại học văn hóa-nghệ thuật quân đội, báo công đoàn quốc phòng, báo thanh niên và phụ nữ quân đội.

2. Tổng cục kỹ thuật có chức năng tổ chức, quản lý, nghiên cứu đảm bảo vũ khí và phương tiện, trang bị kỹ thuật chiến đấu cho các quân, binh chủng của quân đội. Chủ nhiệm tổng cục này là trung tướng Trương Quang Khánh, ủy viên ban chấp hành trung ương đảng cộng sản, phó chủ nhiệm kiêm tham mưu trưởng quân đội; bí thư

đảng ủy là trung tướng Nguyễn Mạnh Đầu. Các cơ quan và đơn vị trực thuộc tổng cục này là bộ tham mưu và các cục chính trị, quân khí, quản lý xe-máy, tiêu chuẩn-đo lường-chất lượng, kỹ thuật binh chủng, các trung cấp kỹ thuật xe-máy, vũ khí-đạn, đo lường, các tổng kho quân khí Tây Nguyên, Tây Bắc bộ, Đông Bắc bộ, Bắc Trung bộ, Nam Trung bộ, Đông Nam bộ, Tây Nam bộ, bảo tàng vũ khí-đạn, công ty Chiến Thắng (sửa chữa xe tăng và thiết giáp), nhà máy sửa chữa súng pháo Z133, các công ty nhà máy xí nghiệp sửa chữa bảo dưỡng khác, trường cao đẳng Wilhelm Pieck đào tạo sĩ quan kỹ thuật chuyên ngành.

3. Tổng cục Tình báo (được biết nhiều dưới tên **Tổng cục 2**) là lực lượng chuyên trách về tình báo chiến lược (chính trị, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, kinh tế, khoa học, kỹ thuật, công nghệ môi trường, văn hóa-xã hội, thu thập và xử lý tin liên quan đến sự sống còn của chế độ), góp phần hoạch định đường lối đối nội, đối ngoại, chủ trương, kế hoạch, biện pháp và quyết sách... Đối tượng và mục tiêu của lực lượng tình báo là những quốc gia, tổ chức và cá nhân ở trong và ngoài nước có âm mưu hoạt động, đe dọa hay chống phá đảng và nhà nước cộng sản Việt Nam. Lãnh đạo tổng cục này là trung tướng Nguyễn Chí Vịnh, và 8 phó tổng cục trưởng với cấp bậc thiếu tướng: Phạm Ngọc Hùng (ngoại giao), Lưu Đức Huy (kinh tế), Trần Nam Phi (chính trị), Trần Ánh Dương (quân sự), Dương Xuân Vinh (văn hóa-tư tưởng-thông tin), Trần Viết Cường (phản gián), Lê Hồng Phong, Hoàng Anh Tuấn. Trụ sở đặt tại số 322 đường Lê Trọng Tấn, quận Hoàng Mai, Hà Nội. Các cơ quan trực thuộc tổng cục này gồm bộ tham mưu và các cục chính trị, hậu cần, kỹ thuật, các cục với mã số 11, 12, 15, 16, 25, 71, các trung tâm A95 (trình sát kỹ thuật), 701, 501, các viện V75 (Lai Xá), V7 (Hà Nội), đoàn trinh sát đặc nhiệm K3 (Yên Nội), đoàn 74, 94, tạp chí Kiến Thức Quốc Phòng Hiện Đại, học viện khoa học quân sự, đại học ngoại ngữ, trường sĩ quan trinh sát quân báo, công ty ứng dụng công nghệ cao (Hitaco), công ty xuất nhập khẩu công nghệ Vạn Xuân (Vaxuco), công ty du lịch Hatutour, bảo tàng tổng cục II.

4. Tổng cục hậu cần có chức năng đảm bảo hậu cần cho quân đội. Trong mỗi cơ quan, đơn vị cấp quân chủng, binh chủng, quân đoàn, quân khu, tổng cục, bộ tổng tham mưu, bộ đội biên phòng đều có cục hậu cần. Chủ nhiệm tổng cục này là thiếu tướng Ngô Huy Hồng. Các cơ quan trực thuộc tổng cục này gồm có bộ tham mưu, các cục quân y, quân nhu, xăng dầu, doanh trại, chính trị, vận tải, các bệnh viện 354, 105, 87, tổng công ty Thành An (Binh đoàn II, Hà Nội), các công ty may 28, 20, công ty dệt và thiết bị y tế, công ty xăng dầu quân đội, công ty dệt may 7.

5. Tổng cục công nghiệp quốc phòng có chức năng tổ chức, quản lý của liên hiệp xí nghiệp, nhà máy và công ty chế tạo vũ khí và các phương tiện phục vụ chiến đấu. Chủ nhiệm là trung tướng Phạm Tuân, chính ủy trung tướng Nguyễn Đình Hậu. Các cơ quan và đơn vị trực thuộc gồm các cục tham mưu-kế hoạch, quản lý công nghệ, chính trị, hậu cần, văn phòng tổng cục, trung tâm công nghệ, trường trung học công nghiệp quốc phòng, phòng quản lý

đầu tư, phòng vật tư, tài chính, thông tin, điều tra hình sự, thanh tra tổng cục, tạp chí *Công nghiệp quốc phòng và kinh tế*, xí nghiệp Liên Hiệp 751, xí nghiệp Ba Sơn, các công ty Tây Hồ, đóng tàu Hồng Hà, Sông Thu, 189, xây dựng và lắp máy 789, vật tư công nghiệp quốc phòng (Gaet), cơ khí Z111, Z125, Z183, Z117, điện Sao Mai Z181, quang điện tử Z95, cơ điện và vật liệu nổ Z31, hóa chất và vật liệu nổ Z123, hóa chất 21, cơ khí và hóa chất 13, 76, nhà máy cơ khí 27, 29, dụng cụ điện 43, cao su 75.

Các Viện, Trung tâm nghiên cứu, Học viện, Trường đại học

Các Viện và Trung tâm nghiên cứu : Viện chiến lược quân sự, Trung tâm Khoa học và công nghệ quân sự, Viện lịch sử quân sự, Trung tâm nhiệt đới Việt- Nga, Phân viện độ bền nhiệt đới, Phân viện sinh thái nhiệt đới, Phân viện y học nhiệt đới, Công ty Thái Sơn, Viện khoa học xã hội và nhân văn quân sự, Viện kỹ thuật cơ giới quân sự, Viện kỹ thuật phòng không-không quân, Viện kỹ thuật hải quân, Trung tâm công nghệ, Viện 70, 75, Viện bảo tàng lịch sử quân sự Việt Nam.

Các Học viện, Trường đại học cấp bộ quốc phòng : Học viện Quốc phòng (tức Học viện Quân sự cấp cao, Hà Nội), Học viện Lục quân (Học viện quân sự cấp trung, Đà Lạt), Học viện Chính trị Quân sự (Học viện quân sự cấp trung, Hà Đông và Bắc Ninh), Học viện Kỹ thuật Quân sự (Học viện quân sự cấp trung), Học viện Quân y (Hà Nội), Học viện Hậu cần (Long Biên), Trường Sĩ quan Lục quân 1 (Sơn Tây), Trường Sĩ quan Lục quân 2 (Long Thành).

Các Học viện, Trường đại học cấp trung ương : Học viện Hải quân (Nha Trang), Học viện Khoa học Quân sự (gồm ba cơ sở : Trường tình báo quân sự, Đại học ngoại ngữ quân sự, Trường sĩ quan trinh sát quân báo tại Hà Nội và Lai Xá), Học viện Phòng không-Không quân (Sơn Tây), Học viện Biên phòng (Sơn Tây và Mai Dịch), Trường Đại học Văn hóa Nghệ thuật quân đội (Hà Nội).

Các trường Sĩ quan cấp Quân, Binh chủng và Tổng cục : Trường Sĩ quan không quân (Nha Trang), Trường Sĩ quan Tăng-Thiết giáp (Vĩnh Phúc), Trường Sĩ quan Thông tin (Nha Trang), Trường Sĩ quan Đặc công (Xuân Mai, Hà Tây), Trường Sĩ quan Công binh (Bình Dương), Trường Sĩ quan Phòng hóa (Sơn Tây), Trường Sĩ quan Pháo binh (Sơn Tây), Cao đẳng Kỹ thuật Wilhelm Pieck (Sài Gòn).

Các trường đại học, sĩ quan chuyên môn và cao đẳng quân sự : Đại học ngoại ngữ quân sự (nay là Học viện khoa học quân sự), các trường sĩ quan Lục quân 3, Chính trị, Chính trị quân sự, Kỹ thuật, Vũ khí đạn, Bản đồ, Phòng hóa, Biên phòng, Đặc công, Pháo binh, Pháo phòng không, Chỉ huy kỹ thuật không quân, Chỉ huy kỹ thuật hải quân, Kỹ thuật tên lửa ra đa, Chỉ huy kỹ thuật tăng, Chỉ huy kỹ thuật thông tin, Chỉ huy kỹ thuật công binh, Chỉ huy kỹ thuật xe hơi.

Văn phòng Bộ và các cục, đơn vị đầu mối khác

Trực thuộc Bộ Quốc phòng còn có Văn phòng Bộ Quốc phòng, Cục Tài Chính, Cục Kế hoạch và Đầu tư, Cục Kinh

tế, Cục Khoa học Công nghệ và Môi trường, Cục Cứu hộ-cứu nạn, Cục Đối ngoại quân sự, Cục Điều tra hình sự, Cơ quan An ninh điều tra (có cấp Bộ, cấp quân khu và tương đương), Thanh tra Bộ, Trung tâm Thông tin Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Bệnh viện Trung ương quân đội 108, Bệnh viện Trung ương quân đội 175, Tổng Công ty Thành An (Binh đoàn 11), Tổng Công ty xây dựng Trường Sơn (Binh đoàn 12), Tổng Công ty Viễn thông Quân đội (Viettel), Tổng Công ty Kinh tế-Quốc phòng 15 (Binh đoàn 15), Binh đoàn 16, Tổng Công ty Đông Bắc, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội.

Nói chung, ngoài công tác quân sự, quân đội còn làm công tác kinh doanh để có thêm ngân sách riêng nhằm phục vụ cho một số nhu cầu riêng của từng ngành. Đây là tình trạng rất phổ biến trong các binh chủng để gia tăng lợi tức trong mục đích tránh bất mãn và cũng để tranh thủ sự trung thành của một số quân nhân trong các ngành chiến lược, đặc biệt là các lực lượng bảo vệ chế độ và thủ đô. Nhưng đây cũng là nhược điểm chính của lực lượng quân sự cộng sản Việt Nam, khi một quân nhân gắn liền quyền lợi của mình với tiền bạc thì khó có thể chiến đấu có hiệu quả khi có biến và hy sinh cho đại nghĩa.

Tám quân khu

Quân khu Thủ đô : Bảo vệ thủ đô Hà Nội và các tỉnh lân cận, bộ tư lệnh đóng tại Hà Nội.

Quân khu 1 : Bảo vệ vùng Biên giới phía Bắc, bộ tư lệnh đóng tại Thái Nguyên.

Quân khu 2 : Bảo vệ vùng Tây Bắc, bộ tư lệnh đóng ở thành phố Việt Trì.

Quân khu 3 : Bảo vệ các tỉnh đồng bằng sông Hồng, bộ tư lệnh đóng tại Hải Phòng.

Quân khu 4 : Bảo vệ vùng Bắc Trung Bộ, bộ tư lệnh đóng tại Vinh, với bộ tham mưu và các cục : chính trị, hậu cần, kỹ thuật, trung đoàn thông tin 80.

Quân khu 5 : Bảo vệ Tây Nguyên và các tỉnh duyên hải vùng Nam Trung Bộ, bộ tư lệnh đóng tại Đà Nẵng.

Quân khu 7 : Bảo vệ vùng Đông Nam Bộ, bộ tư lệnh đóng tại Sài Gòn.

Quân khu 9 : Bảo vệ vùng Tây Nam Bộ, bộ tư lệnh đóng tại Cần Thơ.

Kết luận

Với một guồng máy tổ chức chặt chẽ và chằng chịt như trên, những cuộc nổi loạn hay chống đối chính quyền trung ương của quân đội cộng sản Việt Nam không thể có. Nhưng lối tổ chức nặng nề và rườm rà này, chủ yếu dựa trên sự kiểm soát tư tưởng, sẽ không thể cải tiến để hấp thụ cách tổ chức và lối tác chiến khoa học của các lực lượng quân sự tiên tiến trên thế giới. Trong mỗi đơn vị, từ trung ương đến địa phương, yếu tố chính trị bao trùm tất cả, do đó khó phát huy được tính sáng tạo trong chiến đấu. Các trường đào tạo sĩ quan và các cấp chỉ huy quân sự còn mang nặng tính giáo điều, do đó rất khó linh hoạt để hiện đại hóa hay cập nhật những tiến bộ khoa học và kỹ thuật tác chiến mới.

Nguyễn Văn Huy

9. Tươi tắn Vũng Tàu ven Biển Đông

Lê Văn Hào

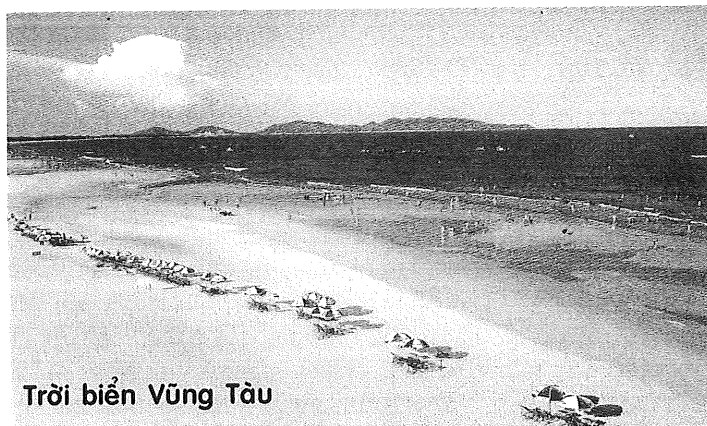
Từ tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tới thành phố Vũng Tàu

Cách Sài Gòn 125 km, thành phố Vũng Tàu, tỉnh lỵ của tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu ở vùng Đông Nam Bộ ven Biển Đông, đã được coi là một trong mười cảnh đẹp hàng đầu của đất nước.

Bờ biển Vũng Tàu dài 15 km, với nhiều bãi cát mịn, bờ đá dựng đứng và hàng hàng lớp lớp cây cối tươi xanh. Vịnh biển ở đây cong cong mềm mại như lông mày mỹ nữ, mặt nước thường phẳng lặng như gương mặt hồ thu. Vì thế cho nên dân Sài Gòn và đồng bào cả nước có đủ cả bốn mùa để làm bạn với những bãi tắm xinh xinh, có tên gọi nôm na hay văn vẻ.

Đó là những Bãi Trước (Tâm Dương), Bãi Sau (Thùy Vân), Bãi Dâu (Phượng Thảo), Bãi Dứa (Hương Phong), Bãi Ô Quấn (Nghinh Phong), Bãi Hồ Cốc, Bãi Hàng Bàng, v.v. Tất cả các bãi tắm ấy nằm trong một vùng khí hậu trong lành, hoàn toàn thích hợp cho nghỉ mát, trú đông, dưỡng bệnh, tham quan, du lịch hay hội thảo, hội nghị... Quả thật đây là một vùng đất lý tưởng về các mặt văn hóa, du lịch hay ngoại giao.

Từ trước tới nay khách nước ngoài hay người dân Việt Nam sành điệu tới từ các vùng, miền gần xa thường thích nghỉ ngơi và đi tắm ở Bãi Sau, phía nam Vũng Tàu. Đó là nơi vừa rộng rãi, sạch sẽ lại có phong thủy hữu tình, với một bờ biển chỉ dài 8 km mà tưởng như vô tận.



Trời biển Vũng Tàu

Từ chân Núi Nhỏ tới Cửa Lấp có thể coi là vương quốc của phi lao, dưa dại, bàng và dương liễu dưới nắng chói ấm áp, gió mát vi vu hay ánh trăng huyền ảo.

Những ai dậy sớm sẽ làm quen với mặt trời như hòn lửa nhô lên từ đáy biển rồi tỏa sáng mênh mông. Còn những ai thích đắm chiều dưới hoàng hôn thì sẽ thấy mặt trời mau chóng trở thành một quả cam màu đỏ khổng lồ từ từ chìm xuống biển.

Những di tích lịch sử-văn hóa vô cùng hấp dẫn

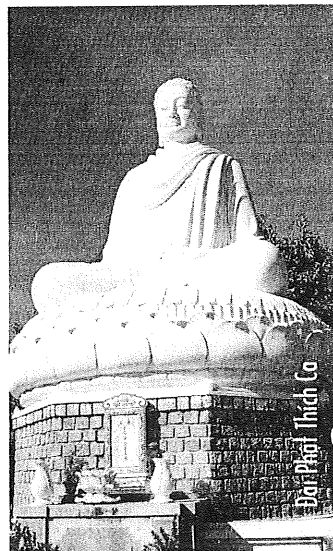
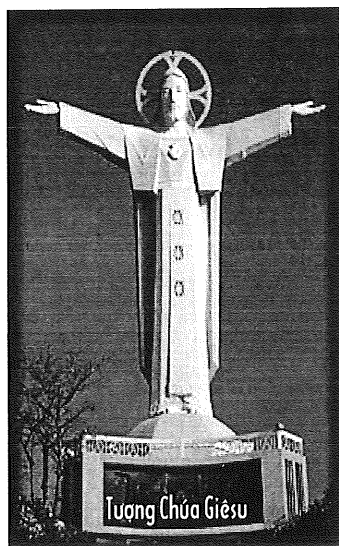
Thành phố Vũng Tàu chỉ rộng 2.000 km², với 800.000 dân, nhưng được thiên nhiên ưu đãi với hơn mười thắng cảnh và di tích.

- Ngọn đèn biển (hải đăng) Vũng Tàu được xây trên độ cao 170 m, chiều xa tới 35 hải lý (55 km) để hướng dẫn tàu thuyền vào ra an toàn.

- Các tín đồ đạo Công giáo tới Vũng Tàu nhất thiết phải đi chiêm ngưỡng pho tượng Chúa Giêsu dựng trên Núi Nhỏ, cao 28 m, được đặt trên một bệ cao 10 m, đứng dang rộng hai tay, mặt hướng ra biển.

- Còn các tín đồ theo đạo Phật thì tham dự đông đảo các lễ hội được tổ chức tại Đài Phật Thích Ca, tịnh xá Niết Bàn, các chùa Long Đàm, Linh Sơn, Quan Thế Âm Bồ Tát.

- Đình thần Thắng Tam thờ ba vị tiên bố đã có công lập ra thành phố Vũng Tàu. Miếu Bà thờ bảy vị nữ thần là năm bà Ngũ Hành (Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ), bà Thủy Long



và bà Thiên Y Ana, đều được các vua Nguyễn phong là thượng đẳng thần. Lễ hội Miếu Bà được tổ chức linh đình vào những ngày 16, 17 và 18 tháng 10 lịch âm.



Lễ hội Dinh Cô



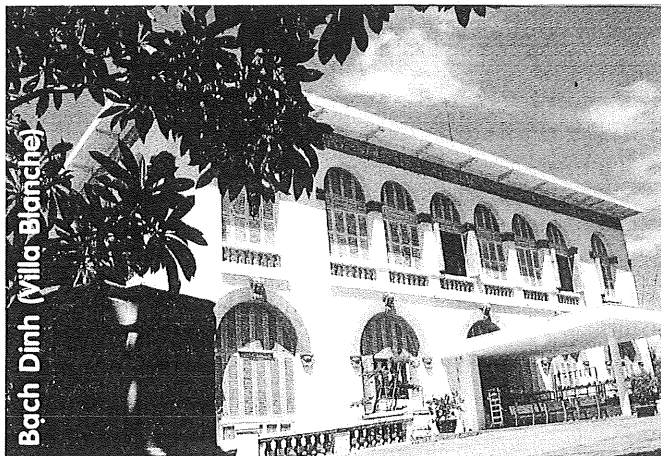
Nội thất Dinh Cô

mái và chất lượng ẩm thực cũng không ai dám chê.

Để lót lòng buổi sáng, mời bạn tới đường Lê Văn Tám ở trung tâm thành phố để thưởng thức các món phở bò, miến gà, bún măng

- Dinh Cô là ngôi đền đẹp thờ một cô gái sống ẩn dật và giàu lòng bác ái, đã mắc nạn trong một lần ra biển. Lễ hội Dinh Cô được tổ chức long trọng từ ngày 10 tới 12 tháng hai lịch âm.

- Di tích lịch sử-văn hóa được viếng thăm nhiều nhất ở Vũng Tàu có lẽ là Bạch Dinh mà trước kia người Pháp gọi là *Villa Blanche*. Dinh được xây từ 1898 đến 1916 mới hoàn thành trên sườn Núi Lớn và từng là nơi nghỉ mát của các quan toàn quyền Pháp. Mặt ngoài dinh được trang trí hoa văn cổ kính và hình vẽ chân dung các thần thời Hy Lạp cổ đại.



Bạch Dinh (Villa Blanche)

- Hai điểm tham quan khác cũng thu hút khá đông đảo khách du trong ngoài nước là khu Núi Đá - Suối Đá và khu du lịch suối nước nóng Bình Châu. Suối Bình Châu nằm trong một khu rừng nguyên sinh, rộng hơn 10.000 m², thật ra là một bầu nước thiên nhiên gồm hơn 70 điểm phun và nhiều hồ nước nóng lớn nhỏ, có thể chữa được nhiều bệnh.



Khu Núi Đá - Suối Đá

- Các làng chài ở Bà Rịa-Vũng Tàu đều thờ cá voi, được kính cẩn gọi là cá Ông. Lễ hội Nghinh Ông được tổ chức khi ngư dân vào mùa đánh cá và luôn luôn kèm theo nhiều trò vui dân gian như múa lân, hát bội...

Một kho tàng ẩm thực phong phú

Tới Vũng Tàu, khách du tùy theo túi tiền mà chọn lựa các nhà hàng sang trọng hay các quán bình dân. Tuy gọi là bình dân nhưng bầu không khí ở đó rất thoải

vịt, v.v.

Buổi trưa hay chiều, vừa muốn hóng gió biển vừa ăn nhậu vui vẻ, xin mời tới các quán thịt nướng (bò, heo, gà) trên đường Nguyễn An Ninh và khu vực từ đường Lê Lợi tới Ngã Tư Giếng Nước.

Khuya khuya, sau 23 giờ, xin mời quá bước tới đường Quang Trung hay đường Đỗ Chiểu để lòng được sưởi ấm với các hàng cháo, hủ tiếu hay xôi gấc... nóng hôi hổi.

Những người sành điệu tới Vũng Tàu đều kinh ngạc trước vốn liếng đồ nhậu nơi đây. Các bạn tha hồ chọn lựa giữa rùa, dơi, tê tê, cua đinh, chim cu, v.v.

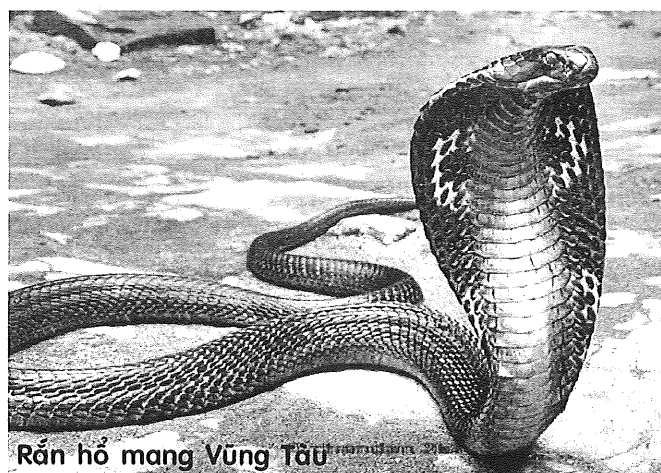
Nếu các bạn thích dơi thì xin thưởng thức rượu dơi, cháo dơi, dơi bằm xúc bánh trắng...

Nếu các bạn thích các món cá thì nên kêu gan cá, lòng cá, mắm ruột cá. Đặc biệt bộ lòng cá gồm tim gan, bao tử, ruột, bong bóng, trứng cá cái và tinh dịch cá được được xào nấu nhiều kiểu khác nhau.

Nếu các bạn thích rắn thì khác bạn kêu bò bảy món thì ở đây mời bạn kêu thịt rắn hổ bảy món : gỏi rắn sống, rắn luộc xé phay, rắn xào lăn hay xào chua ngọt, rắn bằm xào xúc bánh trắng, rắn nướng ngũ vị hương hay rắn nướng Mai Quế Lộ.

Nói tóm lại, muốn tìm hương sắc ẩm thực Việt Nam một cách tương đối đầy đủ, hãy đến Vũng Tàu để có những khám phá thú vị.

Lê Văn Hảo (Paris)



Rắn hổ mang Vũng Tàu

NGUY CƠ SUY THOÁI KINH TẾ trên toàn cầu đang lộ dạng

Thị trường chứng khoán bị giao động mạnh trong những tháng cuối năm 2007 và những ngày đầu năm 2008. Nói chung các chỉ số chứng khoán đã giảm gần 10% tại Mỹ và châu Âu, và nhiều hơn tại châu Á. Lần đầu tiên giá dầu lửa đã đạt tới 100 USD một baril. Điều đáng lo ngại là tình trạng trì trệ có thể kéo dài. Các chuyên gia bắt đầu nói đến nguy cơ suy thoái thực sự. Trong tháng 11-2007 đã chỉ có 25.000 công ăn việc làm được tạo ra tại Mỹ, một con số rất thấp so với dự đoán. Điều đáng lo âu là người ta không nhìn thấy có thể làm gì.

Giá dầu tăng cao và không có giải pháp nào để giảm xuống trong tương lai gần vì nguyên nhân chính là đòi hỏi nhiên liệu gia tăng trong khi mọi khả năng khai thác và lọc dầu của các công ty đều đã tới giới hạn. Giải pháp tự nhiên là các công ty phải đầu tư thêm vào thiết bị nhưng họ không làm, vì biết rằng thế giới đang chuyển hướng sang các nguồn nhiên liệu khác như năng lượng nguyên tử, mặt trời, dầu thực vật, trong khi các nguồn năng lượng thay thế này chưa sẵn sàng. Một biến cố nhỏ như một vụ khủng bố tại Trung Đông, một cơn bão trong vịnh Ba Tư hay vịnh Mexico... đều có thể làm giá dầu tăng vọt. Các trung tâm sản xuất không có khả năng bổ túc cho những trung tâm có sự cố.

Kinh tế Hoa Kỳ, đầu tàu của kinh tế thế giới, sau nhiều năm tăng trưởng ngoạn mục đã đến lúc bắt buộc phải khựng lại và tìm cách hạ cánh an toàn. Người ta cũng hy vọng rằng các nước châu Á đang phát triển sẽ có khả năng đóng góp duy trì đà tăng trưởng, nhưng các nước châu Á, đặc biệt là Trung Quốc, đang bắt đầu gặp một mối nguy mà từ nhiều năm qua không gặp: lạm phát. Lạm phát sẽ bắt buộc họ phải giới hạn khối tiền lưu hành, nghĩa là giảm bớt đầu tư, với hậu quả tất nhiên là đà tăng trưởng sẽ giảm sút. Như vậy các nước châu Á cũng khó có thể giúp gìn giữ đà tăng trưởng.

Người ta chỉ còn trông chờ Mỹ và châu Âu giảm bớt lãi suất để nâng đỡ đầu tư và tiêu dùng, những biện pháp này cũng chỉ có hiệu lực vừa phải thôi vì một mặt lãi suất hiện nay tại Mỹ và châu Âu đã tương đối thấp và không thể giảm nhiều, và mặt khác nguy cơ lạm phát tại các nước này cũng bắt đầu lộ dạng. Điều duy nhất mà người ta có thể yên tâm là dù có suy thoái thì sự suy thoái này cũng sẽ không trở thành khủng hoảng lớn. Mọi quốc gia lớn đều đã dự trù sẵn những biện pháp và phương tiện để một cuộc khủng hoảng kinh tế lớn không xảy ra.

CHÍNH QUYỀN NHẬT ĐIỀU CHỈNH các sách giáo khoa về Okinawa

Cuối tháng 12-2007, Bộ giáo dục Nhật đã cho phép các nhà xuất bản sách giáo khoa trình bày lại sự thật về trách nhiệm của quân đội Nhật trong những vụ tự sát tập thể của thường dân trên đảo Okinawa năm 1945.

Nhắc lại: năm 1945, trước khi tổng tấn công vào lãnh thổ Nhật, bộ tư lệnh Thái Bình Dương Hoa Kỳ quyết định tiến chiếm các đảo Iwo-Jima và Okinawa ngoài khơi Thái Bình Dương, cách thủ đô Tokyo 700 hải lý về hướng Đông-Nam. Sau khi chiếm

được đảo Iwo-Jima vào giữa tháng 3, quân đội Hoa Kỳ đổ bộ lên đảo Okinawa ngày 1-4-1945. Iwo-Jima và Okinawa là hai tuyến phòng thủ kiên cố phía tây-nam của Nhật Bản. Cuộc chiến trên

đảo này tuy chỉ diễn ra trong 83 ngày nhưng đã rất dữ dội: hơn 12.500 binh sĩ Mỹ bị thiệt mạng, 32.000 người bị thương, 36 tàu chiến bị đánh

chìm và 763 máy bay bị bắn hạ. Phía Nhật bị thiệt hại nặng hơn: hơn 200.000 người bị thiệt mạng (hơn 160.000 binh sĩ và 40.000 thường dân). Gần như toàn bộ những người sinh sống trên đảo đều bị chết vì chỉ bắt được 7.400 tù binh. Những phóng viên chiến trường Mỹ đã quay được cảnh tự sát tập thể này trước sự bất lực của quân đội Mỹ: khi thấy quân đội Mỹ tiến tới, những thường dân này, đa số là đàn bà, trẻ em và bô lão, chạy ra các ghềnh đá cao nhảy xuống biển hoặc cho nổ bom tự sát.

Cho đến một ngày gần đây sự thật này vẫn bị các chính quyền Nhật che giấu. Trong tháng 3 vừa qua, chính quyền của cựu thủ tướng Shinzo Abe đã ra lệnh xóa bỏ những đoạn viết về trận đánh trên đảo Okinawa. Quyết định này đã khiến hơn 110.000 dân chúng trên đảo Okinawa phẫn nộ và đã xuống đường trong tháng 9 vừa qua đòi viết lại sự thật về trận đánh năm 1945, và họ đã thắng.

Sự nhìn nhận tuy có phần khiêm tốn nhưng đã là một thay đổi lớn trong quan điểm của Nhật về các vấn đề lịch sử. Nhưng giới chính trị gia và dư luận Nhật chưa sẵn sàng để cập đến những tội ác chiến tranh mà giới quân đội của họ đã gây ra trong Đệ Nhị Thế Chiến tại những nơi khác ngoài lãnh thổ Nhật (vụ thảm sát Nam Kinh năm 1937, ép phụ nữ Triều Tiên làm nô lệ tình dục, nạn đói năm 1945 tại Việt Nam...). Trách nhiệm của quân đội Nhật trong Thế chiến II vẫn còn là những đề tài nóng bỏng tại Nhật. Nhiều người vẫn còn tin rằng quân đội Nhật không hề vi phạm tội ác nào, họ còn lập hội và vận động dư luận để các sách giáo khoa không đề cập tới các tội ác trong chiến tranh của quân đội Nhật.

Bất cứ một dân tộc nào muốn vươn lên đều bắt buộc phải nghiên cứu lại lịch sử để đánh giá đúng quá khứ của họ trước khi tiến xa vào tương lai. Chỉ khi nào "sòng phẳng" với quá khứ, dân tộc đó mới xây dựng được một niềm tin vững chắc vào tương lai. Nhưng có một nguyên tắc cần phải tôn trọng là không có vấn đề nào cấm bàn đến và cũng không có đề tài nào cấm nêu ra.

BÀ BENAZIR BHUTTO BỊ ÁM SÁT: thảm kịch Pakistan

Ngày 27-12-2007, sau một cuộc mít-tinh tranh cử tại Rawalpindi, bà Benazir Bhutto đã bị một tên khủng bố len lỏi đến gần đội cận vệ bắn ba phát súng vào đầu rồi cho nổ bom tự sát, làm 20 người thiệt mạng và hàng chục người khác bị thương. Bà Benazir Bhutto đã tắt thở trên đường đi đến bệnh viện, thọ 54 tuổi.

Cái chết của bà Benazir Bhutto là một thảm kịch không những cho gia đình bà mà còn cho cả phong trào dân chủ tại Pakistan.

Sinh ngày 21-6-1953, Benazir Bhutto là trưởng nữ một gia đình địa chủ có truyền thống chính trị. Tuy xuất thân từ một gia đình Hồi giáo, bà đã được giáo dục trong các trường Thiên Chúa giáo nổi tiếng tại Pakistan, sau đó được cho đi du học tại những

Thế Giới & Việt Nam

trường danh giá nhất của Hoa Kỳ và Anh. Năm 1977, bà Benazir về lại Pakistan để làm việc trong ngành ngoại giao. Nhưng không may cho bà, năm đó thân sinh của bà, ông Ali Bhutto, thủ tướng, bị tướng Muhammad Zia ul-Haq đảo chánh và đem treo cổ. Gia đình bà Benazir bị đuổi ra khỏi nước năm 1984.

Tại Anh, được mẹ là bà Begum Nusrat Ispahani Bhutto đỡ đầu, Benazir Bhutto chính thức tham gia sinh hoạt chính trị năm 1984 khi trở thành thủ lĩnh suốt đời của đảng PPP (Pakistan People's Party), do thân phụ của bà sáng lập và do mẹ bà điều hành.

Do áp lực quốc tế, chính quyền quân nhân đã buộc phải chấp nhận cho Benazir Bhutto về nước. Năm 1988, đảng PPP thắng lớn trong cuộc bầu cử quốc hội và bà Benazir trở thành vị thủ tướng trẻ nhất (35 tuổi) và là vị nữ thủ tướng đầu tiên trong một quốc gia Hồi giáo 160 triệu dân. Năm 1990 bà bị tổng thống Ghulam Ishaq Khan truất phế và bị truy tố về các tội lạm dụng quyền thế, tham nhũng. Năm 1993, đảng PPP của bà lại thắng lớn và bà trở thành thủ tướng lần thứ hai, đến năm 1996 bà bị truất quyền và bị truy tố về các tội lạm dụng quyền và tham nhũng. Bà Benazir Bhutto tị nạn sang Anh, rồi Dubai. Tám năm sau, bà được tổng thống Pervez Musharraf ân xá và về lại Pakistan ngày 18-10-2007 để vận động tranh cử quốc hội.

Cái chết của bà Benazir Bhutto đã làm đảo lộn tình hình vốn đã phức tạp tại Pakistan. Dư luận nghi ngờ chính tổng thống Musharraf, hay các tướng lĩnh thân cận với ông, đứng sau lưng vụ ám sát này. Musharraf đã chấp nhận để một toán cảnh sát chuyên nghiệp của Anh sang điều tra vụ này.

Nhắc lại : sau Thế Chiến II, năm 1947 chính phủ Anh quyết định trao trả độc lập cho Ấn Độ. Xung đột tôn giáo, giữa Ấn Độ giáo (hindouism) và Hồi giáo (Islam), đã khiến Ấn Độ lập tức bị tách ra làm hai : Ấn Độ qui tụ những người theo Ấn Độ giáo và Pakistan qui tụ những người theo Hồi giáo. Vì người Hồi giáo tập trung trên hai lãnh thổ khác nhau, nên Pakistan có hai lãnh thổ : phía Đông và phía Tây Ấn Độ, cách nhau 1.600 km. Ngày 16-12-1971 lãnh thổ Pakistan phía Đông tuyên bố độc lập và đổi tên thành Bangladesh.

Pakistan và Ấn Độ luôn luôn có xung đột, đặc biệt là tranh giành vùng Kashmir. Từ 1947 đến nay đã xảy ra ba cuộc chiến trên vùng này (1947-1949, 1965 và 1971), làm hàng triệu người thiệt mạng và cho đến nay vẫn còn xung đột. Thay vì tập trung mọi cố gắng vào phát triển đất nước, các chính quyền Pakistan luôn tìm mọi cách tranh giành ảnh hưởng với Ấn Độ trên vùng Kashmir, và không ngần ngại chi tiêu hàng tỷ USD để chế tạo bom nguyên tử. Quân đội Pakistan do đó trở thành quá quan trọng và chi phối luôn cả các chính quyền. Từ ngày lập quốc đến nay, quân đội đã tự tiện lật đổ các chính quyền dân sự khi thấy không có lợi cho mình. Chưa có một chính quyền dân sự nào hoàn tất được một nhiệm kỳ. Chính vì thế quan hệ giữa quân đội và dân chúng Pakistan, nhất là giới trẻ và giới trí thức, lúc nào cũng căng thẳng.

Bạo lực là yếu tố thường trực trong sinh hoạt chính trị Pakistan, và không phải chỉ là đặc tính của quân đội. Đảo chánh và ám sát hình như được coi là phương tiện bình thường để giải quyết các mâu thuẫn. Cha của Benazir Bhutto, cố tổng thống Ali Bhutto đã bị chính quyền quân nhân lật đổ và sau đó treo cổ vì bị cáo buộc là tổ chức những vụ ám sát. Chính Benazir, mặc dầu là một phụ nữ, cũng không phải là một người hiền. Ngay sau khi bà lên cầm quyền năm 1988, tướng Ali Ul Had, người đã giết cha bà, bị chết trong một tai nạn máy bay rất khó hiểu. Hai người em trai của Benazir Bhutto, Shahnawaz và Murtaza cũng bị ám sát

chết, có nhiều nghi vấn là chính Benazir Bhutto đứng sau lưng những vụ ám sát này vì cả hai muốn giành quyền lãnh đạo đảng PPP với bà.

HOÀNG SA VÀ TRƯỜNG SA : đảng cộng sản không biết mình muốn gì

Ngày 2-12-2007, chính phủ Trung Quốc ra quyết định thành lập huyện Tam Sa, thuộc tỉnh Hải Nam, gồm hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa mà họ đã chiếm của Việt Nam và quần đảo Trung Sa của họ. Đây chỉ là một quyết định hành chính liên quan đến những hòn đảo mà họ đã chiếm của Việt Nam từ lâu. Nhưng lần này Hà Nội đã để cho thanh niên biểu tình phản đối trước sứ quán Trung Quốc tại Hà Nội và Sài Gòn.

Ngay sau khi quyết định của Trung Quốc được tuyên bố, nhiều điện thư trên mạng Internet được gửi đi kêu gọi thanh niên biểu tình, nêu rõ địa điểm và thời điểm tập hợp và còn nói thêm là những cuộc biểu tình này được công an cho phép. Chính quyền cộng sản không có phản ứng. Ngày 9-12-2007, tại Hà Nội, khoảng một ngàn người đã tụ tập trước sứ quán Trung Quốc trưng nhiều biểu ngữ và hô khẩu hiệu chống Trung Quốc xâm chiếm lãnh thổ Việt Nam, công an không can thiệp. Tại Sài Gòn, khoảng 500 người cũng đã biểu tình trước lãnh sự quán Trung Quốc.

Đúng một tuần sau, ngày chủ nhật 16-12-2007, những cuộc biểu tình lại diễn ra tại Hà Nội và Sài Gòn với số người đông hơn hẳn. Nhưng lần này những người biểu tình không được phép đến gần sứ quán Trung Quốc, do đó họ tuần hành trên các đường phố. Một vài người tham gia biểu tình bị ngăn chặn, có khi bị ngăn chặn một cách thô bạo, nhưng các cuộc biểu tình tuần hành vẫn tiếp tục. Sinh viên lại dùng Internet hẹn nhau biểu tình lần thứ 3 vào ngày chủ nhật 23-12-2007, và lần này cảnh sát ngăn chặn.

Quan sát diễn biến các cuộc biểu tình này người ta thấy rõ là có bàn tay của chính quyền. Những người bị ngăn chặn trong hai cuộc biểu tình ngày 9 và 16 chỉ là một số nhỏ và đều là những người ít hoặc nhiều có lập trường phản kháng đối với chính quyền. Người ta có thể suy ra là chính quyền sợ những cuộc biểu tình này vượt ra khỏi tầm kiểm soát của mình. Nếu thực sự muốn cấm thì công an chắc chắn đã ra thông báo, đảng này chỉ có vài văn thư nội bộ của một vài trường đại học, có lẽ vì không nhận được những "chỉ thị kín", nói rằng những cuộc biểu tình như vậy là không phù hợp với đường lối của nhà nước.

Chính quyền cộng sản Việt Nam muốn gì ? Giả thuyết hợp lý nhất, và cũng có vẻ hiển nhiên, là Hà Nội đã kín đáo tạo điều kiện cho những cuộc biểu tình này để gửi một thông điệp cho Bắc Kinh : "nếu các ông làm quá, chúng tôi bắt buộc phải phản ứng mạnh". Sau khi thấy thông điệp đã đủ mạnh, Hà Nội quyết định chấm dứt những cuộc biểu tình.

Rồi tương lai sẽ ra sao ? Dù Hà Nội muốn hay không thì tiến trình sáp lại với Hoa Kỳ và phương Tây cũng sẽ vẫn tiếp tục và sự phẫn nộ đối với chính sách bành trướng của Trung Quốc cũng sẽ vẫn tiếp tục tăng lên, ngay trong nội bộ đảng và nhà nước cộng sản. Mặt khác, Trung Quốc cũng sẽ tiếp tục lấn chiếm. Sẽ có một lúc mà ban lãnh đạo cộng sản không còn chọn lựa nào hết ngoài thẳng thắn đương đầu với Trung Quốc. Nếu không chính quyền có thể bị chao đảo vì áp lực của cả dân chúng lẫn đảng viên cộng sản.

Kháng thư

Gần đây đã có rất nhiều phát biểu về Hoàng Sa và Trường Sa. Tuy các tác giả đưa ra những góc nhìn khác nhau nhưng điều nổi bật là lần đầu tiên mọi người Việt Nam thuộc mọi thành phần và mọi khuynh hướng, trong cũng như ngoài nước, đều đồng ý trên một điểm. Đó là đảng và nhà nước cộng sản Việt Nam đã quá nhu nhược, không phản ứng thích đáng trước những hành động xâm phạm của Trung Quốc vào lãnh thổ và lãnh hải Việt Nam, điển hình là quyết định sáp nhập hành chính hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa vào huyện Tam Sa, tỉnh Hải Nam. Mỗi lần như thế chỉ có một lời tuyên bố lấy lệ của phát ngôn viên bộ ngoại giao Lê Dũng. Rồi thôi. Nhưng đáng tiếc là trong một dịp hiếm hoi người Việt Nam đồng ý với nhau thì lại đồng ý một cách sai lầm. Sự thực thì bộ chính trị đã phản ứng rất thích đáng và rất mạnh.

Ngay khi Trung Quốc tuyên bố thành lập thị trấn cấp huyện Tam Sa để quản lý hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, bộ chính trị đã nhất trí đề thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng gửi công hàm CH-6/CP/NG/TQ, gọi tắt là Kháng Thư 6, cho thủ tướng quốc vụ viện Trung Quốc Ôn Gia Bảo để phản đối quyết định này.

Kháng thư đã được soạn thảo rất công phu. Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng đã mời hai nhà lý luận hàng đầu của Đảng là giáo sư Nguyễn Đức Bình, nguyên ủy viên bộ chính trị, nguyên giám đốc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh và chủ nhiệm *Tạp chí Cộng sản*, và giáo sư tiến sĩ Nguyễn Phú Trọng, ủy viên bộ chính trị, chủ tịch quốc hội, tiếp tay với phó thủ tướng kiêm bộ trưởng ngoại giao Phạm Gia Khiêm. Nhiều trí thức có uy tín, trong đó có tiến sĩ Phan Đình Diệu và tiến sĩ Tương Lai cũng đã góp ý. Kháng thư sau đó đã được phó thủ tướng Phạm Gia Khiêm đích thân đến sứ quán Trung Quốc trao tận tay cho phó đại sứ Trung Quốc Ung Lưu Chu.

Bình luận quyết định ngày 2-12-2007 của quốc vụ viện Trung Quốc, kháng thư viết: "*Đảng Cộng Sản Việt Nam và Chính phủ nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam cực lực phản đối việc quốc vụ viện Trung Quốc sáp nhập hành chính hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa vào huyện Tam Sa thay vì trực tiếp vào tỉnh Hải Nam. Đây là một biện pháp hành chính có tác dụng hạ thấp tầm quan trọng của hai quần đảo này*".

Nhắc lại Việt Nam có đầy đủ cơ sở pháp lý và bằng chứng lịch sử chứng tỏ Hoàng Sa và Trường Sa thuộc Việt Nam, kháng thư viết tiếp: "*Các đồng chí thường dựa vào công hàm năm 1958 của cố thủ tướng Phạm Văn Đồng và lời tuyên bố năm 1956 của cố thủ tướng ngoại giao Ung Văn Khiêm nhìn nhận hai quần đảo này thuộc Trung Quốc, nhưng xin lưu ý các đồng chí là các lãnh tụ lịch sử của cả hai đảng chúng ta tuy nắm vững quan điểm giai cấp và lập trường vô sản nhưng sự hiểu biết về các vấn đề địa lý, lịch sử, pháp lý và chủ quyền rất thiếu sót, do đó những gì họ phát biểu trên những phạm trù này đều sai, điều ngược lại mới đúng. Như vậy công hàm của cố thủ tướng*

MỤC LỤC

01. Thông Luận tròn 20 tuổi *Nguyễn Văn Huy*
02. Người Thái yêu chuộng Thaksin? *Nguyễn Huy Đức*
04. Chính sách khai thác tài nguyên châu Phi của Trung Quốc *Kiểm Hương*
06. 1968, thế giới thay đổi hẳn *Nguyễn Gia Kiểng*
09. Kiểm điểm 2007, dự liệu 2008 *Việt Luận phỏng vấn Nguyễn Gia Kiểng*
12. Chia sẻ ý nghĩ đầu năm 2008 *Phạm Hồng Sơn*
14. Luận lý và chính trị *Nguyễn Minh*
15. Tại sao có quá nhiều ý kiến mà lại không có được kết luận? *Trần Bảo Lộc*
18. Vậy phải làm gì? *Đình Khiêm*
21. Nền tảng các cuộc vận động dân chủ *Võ Xuân Minh*
23. Tự do báo chí ở Việt Nam! *Việt Hoàng*
24. Một cái nhìn về bộ quốc phòng của chế độ cộng sản VN *Nguyễn Văn Huy*
28. Tươi tắn Vũng Tàu ven Biển Đông *Lê Văn Hào*
30. Thế giới và Việt Nam *Thông Luận*
32. Kháng thư *Đáy*

Phạm Văn Đồng và lời tuyên bố của cố thủ tướng Ung Văn Khiêm không những không chứng tỏ Hoàng Sa và Trường Sa thuộc Trung Quốc mà trái lại còn chứng tỏ hai quần đảo này thuộc Việt Nam".

Sau đó bằng lời lẽ đanh thép kháng thư cảnh giác phía Trung Quốc: "*Nếu phía Trung Quốc cứ tiếp tục các hành động lấn chiếm và sáp nhập thì nhân dân Việt Nam sẽ phải chịu thiệt thòi và phía Trung Quốc sẽ chịu trách nhiệm*".

Kháng định một lần nữa quyết tâm của đảng và nhà nước ta, kháng thư có đoạn viết: "*Chúng tôi phải nói thẳng với các đồng chí rằng những hành động vi phạm lãnh thổ và lãnh hải sẽ không làm lay chuyển được quyết tâm của Đảng, Nhà nước và nhân dân Việt Nam là theo đuổi trong mọi tình huống chính sách hợp tác hữu nghị với Trung Quốc và giải quyết mọi mâu thuẫn bằng thảo luận song phương giữa lãnh đạo hai nước*".

Và kháng thư kết luận: "*Đây là lần thứ 6 chúng tôi gửi công hàm cho các đồng chí về mâu thuẫn giữa hai nước anh em chúng ta về lãnh thổ và lãnh hải. Chúng tôi lấy làm tiếc phải báo trước rằng nếu phía Trung Quốc không lưu ý đúng mức để các vụ xâm phạm tiếp tục xảy ra, chúng tôi sẽ buộc lòng phải gửi các đồng chí công hàm thứ 7*".

Như vậy, trái với luận điệu của các phần tử xấu, lãnh đạo đảng và nhà nước đã phản ứng kịp thời và đúng mức, thể hiện đúng truyền thống giữ nước ngoan cường của dân tộc ta.